

OSCAR WILDE



tội ác của huân tước
Arthur Savile
và các truyện ngắn khác

TẠO ĐẢN



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Ebolic
Nhà sách online

Tác phẩm: **Tội ác của huân tước Arthur Savile và các truyện ngắn khác**

Nguyên tác: **Lord Arthur Savile's Crime and Other Stories**

Thể loại: **Truyện ngắn**

Tác giả: **Oscar Wilde**

Dịch giả: **Thanh Huyền**

Nhà phát hành: **Tao Đàn**

Nhà xuất bản: **Văn Học**

Năm xuất bản: **2015**



Dự án Ebolic #45

Chụp sách: **Huyền**
Đánh máy: **Hà My, Ntan234, Mingming, Nhật Vy**
Soát lỗi: **Anh Văn**
Soát lỗi lần hai: **Tornad**
Điều hành & xuất bản: **Tornad**
Ngày hoàn thành: **15/11/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: facebook.com/groups/ebolic

Fanpage: facebook.com/EbolicEbook

MỤC LỤC

TỘI ÁC CỦA HUÂN TƯỚNG ARTHUR SAVILE • CÂU CHUYỆN VỀ BỐN PHẦN

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

NGƯỜI MẪU TRIỆU PHÚ • MỘT GHI CHÉP VỀ SỰ NGƯỠNG MỘ

BÍ MẬT NHÂN SỰ

CON MA CỦA DÒNG HỌ CANTERVILLE

Chương I

Chương II

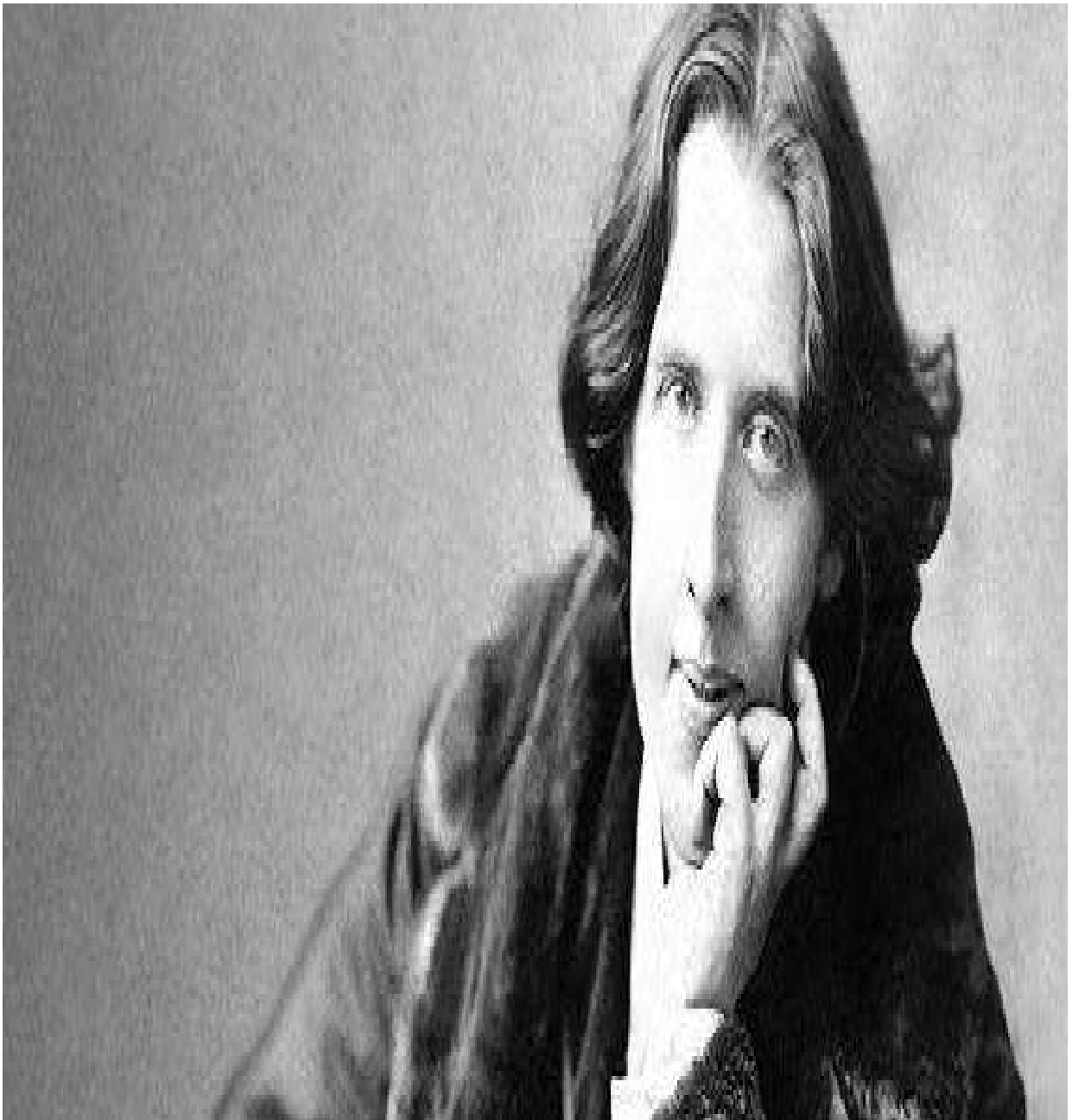
Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII



Oscar Wilde, tên đầy đủ Oscar Fingal O’Flahertie Wills Wilde, sinh ngày 16/10/1854 tại Dublin trong một gia đình trí thức. Ông là nhà soạn kịch, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng của Ireland. Hầu hết trước tác của ông đều thể hiện quan điểm nghệ thuật duy mỹ, hướng đến nét đẹp độc đáo trong tâm hồn mỗi con người. Oscar Wilde tâm niệm: “Nhìn khác với thấy. Người ta

không thấy một điều gì cả cho đến khi thấy được vẻ đẹp của nó, và chỉ khi đó điều ấy mới thật sự hiện hữu.”

Bên cạnh vị trí vững chắc trên văn đàn Anh Quốc, Oscar Wilde có một cuộc sống riêng tư đầy bi kịch với mối tình đồng tính từng làm dấy lên bao tranh luận về đạo đức dưới thời đại Victoria. Ông mất ngày 30/11/1900 tại Paris. Mộ phần của Oscar Wilde hiện được đặt tại nghĩa trang Père Lachaise, Paris.

Tập truyện *Tội ác của Huân tước Arthur Savile* và các truyện ngắn khác đã khẳng định tài năng của Oscar Wilde như một bậc thầy kể chuyện với lối dẫn dắt tài tình, hài hước, trí tuệ sắc bén và những “mổ xẻ” đầy táo tợn, dí dỏm một xã hội Anh Quốc dưới thời đại Victoria bảo thủ và nặng nề những giáo lý đạo đức. Các câu chuyện đều diễn ra trong bối cảnh thành thị với tuyến nhân vật chính thuộc tầng lớp thượng lưu. Qua những sáng tác của mình, Oscar Wilde tái hiện bức tranh về xã hội bấy giờ với giới quý tộc và những kẻ bần hàn; với bộ mặt hào nhoáng và một bộ mặt khác đầy bùn nhơ của London. Như mọi tác phẩm khác, Oscar Wilde xoáy vào những câu hỏi mang tính cá nhân như: Thế nào là đạo đức? Liệu có đúng không khi một con người cần đối mặt với tất cả mọi diện mạo của đời sống nhằm đạt đến một cuộc sống viên mãn, thay vì trung thành tuyệt đối những nguyên tắc đạo đức và những quy phạm lễ thói được xã hội vạch sẵn? Làm thế nào để sống chân thật với chính bản thân mình?

TỘI ÁC CỦA HUÂN TƯỚNG ARTHUR SAVILE
CÂU CHUYỆN VỀ BỐN PHẬN

Chương I

Cuối cùng thì buổi tiếp khách của Phu nhân Windermere cũng diễn ra trước Lễ Phục sinh. Dinh thự Bentinck bỗng đông khách hơn thường lệ. Sáu thành viên Nội các, ngược cài huân chương, vừa từ buổi tiếp đón những nhân vật nổi tiếng của Chủ tịch Hạ viện đến. Các quý bà, quý cô không bỏ lỡ dịp trưng diện những bộ váy áo đẹp đẽ, sang trọng. Đứng cuối phòng tranh là Công chúa Sophia vùng Carlsruhe. Nàng trông không khác một quý cô người Tartar cao to là mấy với đôi mắt nhỏ đen láy và những món trang sức đính đá lục bảo quý phái. Bằng một thứ tiếng Pháp khó nghe, nàng nói rất to và cười rất lớn về bất kể chủ đề gì người ta chuyện trò cùng mình. Buổi tiệc là một khúc hòa âm tuyệt vời của các quan khách tứ xứ. Các quý bà niềm nở chuyện phiếm với những thành viên đảng Cấp Tiến hung hăng. Những nhà thuyết giáo nổi tiếng bám đuôi những nhân vật có tiếng tăm theo chủ nghĩa hoài nghi. Một nhóm giám mục tụ tập lại theo đuôi nữ danh ca ô pê ra to béo từ phòng này sang phòng khác. Một số Viện sĩ Hàn lâm Hoàng gia cải trang giống như các nghệ sĩ đứng trên cầu thang. Những bậc anh tài dường như đều tụ hội về đây tối nay. Đó chính là buổi tối vui nhất của Phu nhân Windermere. Công chúa ở lại đến gần mười một rưỡi đêm mới ra về.

Công chúa vừa ra về, Phu nhân Windermere quay trở lại phòng tranh. Tại đây, một nhà kinh tế chính trị học lừng danh đang nghiêm trang giảng giải nhạc lý cho một nghệ sĩ bậc thầy người Hungary. Phu nhân tiến tới bắt chuyện cùng nữ Công tước xứ Paisley. Bà là một phụ nữ vô cùng xinh đẹp với cái cổ ngọc ngà quý phái, cặp mắt to màu xanh lưu ly và những lọn tóc vàng óng. Sắc vàng ròn – không phải thứ màu rơm nhàn nhạt ngày nay vẫn tro trên chiếm lấy cái tên duyên dáng của vàng, mà là sắc vàng được dệt lẫn trong những tia nắng, hay lấp lánh trong những viên hổ phách. Món tóc ấy khiến khuôn mặt bà có nét tựa như một vị thánh, không vương chút mê hoặc tội lỗi của kẻ tội đồ. Phải thừa nhận bà là một ca tâm lý gây tò mò. Ngay từ thời thiếu nữ, bà đã phát hiện ra một chân lý trong cuộc sống, đó là: Vô tâm cũng chẳng khác gì mấy với vô tội. Và với một loạt hành động liêu lĩnh

nhưng vô hại, bà đã đạt được tất cả những đặc quyền của một nữ Công tước có phẩm giá. Bà đã qua nhiều đời chồng. Debrett quả quyết bà từng trải qua tới ba cuộc hôn nhân. Song hình như do bà luôn chung thủy với người tình của mình, người ta cũng thôi không xì xào bàn tán về quá khứ đáng xấu hổ nọ. Giờ đây bà đã ngoài tứ tuần, không có con, cùng một niềm đam mê hưởng lạc quá mức – bí mật để bà gìn giữ về thanh xuân phơi phới của mình.

Bất chợt, Phu nhân Windermere nhìn quanh phòng rồi cất giọng thanh thanh hỏi: “Ông thầy xem chỉ tay của tôi đâu rồi nhỉ?”

“Bà nói tới ai vậy, thưa Phu nhân Gladys?” Nữ Công tước giật nảy người kêu to.

“Thầy xem chỉ tay của tôi, nữ Công tước ạ. Làm sao tôi có thể sống qua bữa tiệc này mà không có ông ấy đây?”

“Gladys thân mến! Bà thật là độc đáo.” Nữ Công tước lẩm bẩm, cố hình dung một thầy xem chỉ tay là gì, hi vọng ông ấy không giống bác sĩ chữa bệnh tay chân.

“Cứ đều đặn một tuần hai lần ông ấy tới xem chỉ tay cho tôi. Và ông ấy là thầy xem tay giỏi nhất.”

“Lạy Chúa lòng lành!” Nữ công tước tự nhủ: “Cũng tương tự như bác sĩ chữa bệnh tay chân. Chán ngấy đi được! Hi vọng ông ấy là người nước ngoài. Như thế còn đỡ tệ!”

“Nhất định tôi phải giới thiệu ông ấy với bà.”

“Giới thiệu ông ấy ư?” Nữ Công tước kêu lên: “Bà không muốn nói rằng ông ấy có mặt ở đây đấy chứ?” Rồi bà nhìn quanh quất khắp phòng tìm chiếc quạt đồi mồi và tấm khăn choàng ren của mình, sẵn sàng bỏ về bất cứ lúc nào.

“Dĩ nhiên là ông ấy ở đây rồi. Nếu không tôi đã chẳng dám tổ chức buổi tiệc này. Ông ấy bảo tôi có bàn tay thuần chất tâm linh. Ông ấy còn bảo

nếu ngón cái của tôi ngắn thêm chút nữa thôi là tôi sẽ thành kẻ bi quan rồi đi vào nhà tu kín.”

“Ồ, tôi hiểu rồi!” Nữ Công tước thốt lên, cảm thấy nhẹ nhõm hẳn: “Ông ấy là thầy bói đúng không?”

“Ông ấy có thể nhìn thấy những vận may, và cũng không ít điều rủi ro,” Phu nhân Windermere đáp lời. “Chẳng hạn như năm tới tôi sẽ gặp hạn lớn dù ở trên rừng hay xuống biển. Thế nên tôi sẽ sống trong quả khinh khí cầu, rồi tối tối sẽ kéo giỏ thức ăn lên. Số mệnh đã được vẽ trên ngón út của tôi rồi, hoặc lòng bàn tay gì đó, tôi không nhớ rõ lắm.”

“Nghe như ý trời đã định, Gladys ạ.”

“Nữ Công tước thân yêu của tôi, lần này thì Thượng Đế sẽ nhắm mắt làm ngơ cho tôi thôi. Tôi tin số mệnh của con người đều được ghi trong bàn tay. Ít nhất mỗi tháng một lần chúng ta nên viện đến thuật xem chỉ tay để biết những việc nên làm và không nên làm. Dù sao cũng khó lòng thay đổi số mệnh, nhưng được cảnh báo trước vẫn hơn chứ phải không? Nào, giờ nếu không ai tìm ông Podgers giúp tôi, tôi sẽ tự mình đi tìm ông ấy.”

“Thưa Phu nhân Windermere, tôi xin đi.” Một thanh niên đẹp trai dong dỏng cao mở lời. Nãy giờ anh đứng cạnh bà, lắng nghe cuộc trò chuyện với nụ cười vui thích.

“Cảm ơn cậu rất nhiều, Huân tước Arthur; nhưng tôi sợ cậu sẽ không nhận ra ông ấy.”

“Thưa Phu nhân Windermere, nếu ông ấy quả thực xuất chúng như bà nói thì tôi không thể bỏ lỡ cơ hội này được. Xin Phu nhân cho tôi biết ông ấy nom thế nào, tôi sẽ đưa ông ấy tới gặp bà ngay.”

“Vậy là ổn rồi, ông ấy không giống thầy xem chỉ tay chút nào. Ý tôi là nom ông ấy không bí ẩn hoặc mơ mộng hão huyền đâu. Ông ấy thấp đậm, khỏe mạnh, đầu hói khô hời, đeo cặp kính gọng vàng lớn. Trông ông nửa như bác sĩ gia đình, nửa như luật sư nông thôn vậy. Tôi lấy làm tiếc khi phải phiền phức thế này, nhưng đâu phải lỗi của tôi. Người ta cứ trái khoáy thế đấy: mấy tay chơi đàn dương cầm của tôi thì trông như mấy gã thi sĩ, mấy gã

thi sĩ thì nhìn chẳng khác nào tay chơi đàn. Nhớ lại thời gian gần đây, tôi có mời một tay hoạt động ngầm tới bữa tiệc. Ông ta đã từng tung hô không biết bao nhiêu phi vụ của mọi người, lúc nào cũng khoác áo giáp và giấu một con dao găm trong tay áo. Vậy mà anh tin nổi không, hôm đầu tiên tới đây, trông ông ấy chẳng khác nào một giáo sĩ già khả kính, làm mọi người cười ngả nghiêng với những chuyện khôi hài suốt tối?Ồ, tất nhiên là tôi thấy ông ta rất thú vị, song tôi không khỏi cảm thấy phần nào cụt hứng. Khi được hỏi về bộ áo giáp, ông ta chỉ cười mà rằng mặc vậy ở Anh thì chết cóng mất! A, ông Podgers đây rồi! Thưa ông, ngay bây giờ tôi muốn ông xem chỉ tay cho nữ Công tước xứ Paisley đây. Nữ Công tước thân mến, xin bà bỏ găng tay ra. Không, không phải găng trái, bên kia cơ.”

“Gladys thân mến, thực sự tôi không nghĩ việc này là phải lẽ cho lắm.” Vừa nói, nữ Công tước vừa nhẹ nhàng rút chiếc găng tay da dê đã hơi nhuốm bẩn của mình ra.

“Không gì thú vị bằng thuật xem chỉ tay, *on a fait le monde ainsi*.”¹ Phu nhân Windermere nói. “Nhưng trước tiên tôi phải giới thiệu hai người với nhau đã. Thưa nữ Công tước, đây là ông Podgers – thầy xem chỉ tay mà tôi ngưỡng mộ. Thưa ông Podgers, đây là nữ Công tước Paisley. Nhưng xin nhớ cho, nếu ông nói rằng gò thái âm trên tay bà ấy to hơn của tôi, tôi sẽ không bao giờ tin tưởng ông nữa.”

“Gladys à, chắc bàn tay tôi không có thứ mà bà vừa nhắc đến đâu.” Nữ Công tước nói bằng giọng trang nghiêm.

“Câu nói của bà hoàn toàn có lý.” Ông Podgers lên tiếng rồi liếc nhìn bàn tay mập mạp có những ngón ngắn, to bè của thân chủ. Ông nói tiếp: “Gò thái âm phẳng. Tuy nhiên đường đời rất tốt đẹp. Xin bà gập cổ tay lại một chút. Thế. Ba đường chạy ngang cổ tay! Thưa bà Công tước, bà sẽ sống lâu và hạnh phúc vô cùng. Tham vọng có chừng mực, hiểu biết không rộng lắm, còn đường tình duyên thì...”

“Ông nên ăn nói thận trọng một chút, ông Podgers ạ.” Phu nhân Windermere nhắc nhở.

Ông Podgers cúi đầu nói: “Thưa bà Công tước, bàn tay bà nói lên tình cảm lâu bền và ý thức trách nhiệm lớn. Tôi đã thấy được điều đó.”

“Xin ngài cứ tiếp tục.” Bà Công tước nói, vẻ hài lòng.

Ông Podgers nói tiếp: “Đương nhiên kinh tế góp phần không nhỏ trong phẩm hạnh của bà.”

Nghe câu nói ấy, Phu nhân Windermere không nhin được cười.

“Kinh tế đóng một vai trò rất quan trọng.” Nữ Công tước thừa nhận với nụ cười mãn nguyện. “Khi tôi và Paisley về sống với nhau, ông ấy đã có mười một tòa lâu đài. Nhưng không một tòa lâu đài nào thích hợp với chúng tôi cả.”

“Giờ đây mười một lâu đài không còn nữa, thay vào đó là mười hai ngôi nhà.” Phu nhân Windermere thốt lên.

“Phải rồi, bà bạn thân yêu của tôi.” Nữ Công tước xác nhận. “Và tôi thích...”

“Tiện nghi. Những tiện nghi hiện đại, nước nóng có sẵn trong mỗi phòng ngủ. Quý bà quả thực sáng suốt. Tiện nghi là thứ duy nhất nền văn minh này đem lại cho con người.” Ông Podgers đưa ra lời nhận xét.

“Ông đã nói về tính cách của bà Công tước một cách đầy ngưỡng mộ, bây giờ ông hãy nói thử chúng tôi nghe về tính cách và niềm đam mê của cô Flora.”

Sau cái gật đầu của bà chủ nhà, một cô gái dong dỏng cao có bộ tóc hung hung thuộc xứ Scotland, xương bả vai nhô cao, lúng túng từ phía sau ghế xô pha bước ra. Cô chìa bàn tay phải gầy guộc với những đầu ngón tay lớn, tròn trịa ra trước mặt ông.

“Ồ, một nghệ sĩ dương cầm thực thụ!” Ông Podgers kêu lên. “Nhưng không phải một nhạc công. Tính cách kín đáo, chân thật, tốt bụng, rất yêu động vật.”

“Đúng thế!” Quay về phía Phu nhân Windermere, nữ Công tước kinh ngạc kêu lên. “Flora nuôi hai mươi tư con chó giống Collie ở Macloskie.

Nếu được cha cô cho phép, cô sẽ biến cả Tòa thị chính của thị trấn chúng ta thành trại thú ấy chứ.”

“Chà, chiều thứ Năm nào tôi chẳng biến dinh thự của mình thành như vậy!” Phu nhân Windermere cười vui nói.

“Đó là một sai lầm của bà, thưa Phu nhân Windermere.” Ông Podgers cúi đầu nói, vẻ hoa mỹ.

“Nếu một người đàn bà không thể khiến những sai lầm của mình trở nên quyến rũ, thì cô ta chỉ là một phụ nữ thường tình mà thôi. Nào, phần việc của ông hôm nay chưa xong đâu. Thưa ông Thomas, mời ông lại đây cho ông Podgers xem bàn tay của ông.”

Người đàn ông mặc áo gi lê trắng, tuổi khá cao, vẻ ngoài tốt bụng và vui tính bước lên phía trước. Ông chìa bàn tay dày, thô ráp, với ngón giữa khá dài ra.

“Đây là một người thích phiêu lưu, mạo hiểm, đã qua bốn chuyến hải hành lớn và đang dự tính chuyến tiếp theo. Tàu bị đắm ba lần. Mà không, chỉ hai lần thôi, nhưng chuyến đi biển tới ông phải hết sức thận trọng. Ông ủng hộ Đảng Bảo thủ, là người rất tôn trọng giờ giấc, kỹ tính và có niềm đam mê sưu tầm vật lạ. Trong khoảng thời gian từ mười sáu đến mười tám tuổi, ông đã bị một trận ốm thập tử nhất sinh. Hưởng khoản thừa kế năm ba mươi tuổi. Không thích mèo và những người có quan điểm cấp tiến.”

“Tuyệt vời!” Ông Thomas kêu lên. “Ông phải xem chỉ tay cho vợ tôi nữa.”

“Vợ kế của ông,” Ông Podgers thông thả đáp, trong lúc vẫn giữ bàn tay ông Thomas. “Tôi rất vui mừng được xem chỉ tay cho vợ kế của ông.” Song Phu nhân Marvel với mái tóc nâu, nét mặt u sầu cùng hàng lông mi đa cảm kiên quyết từ chối việc người ta dòm ngó quá khứ lẫn vị lai của mình. Phu nhân Windermere cũng không làm thế nào thuyết phục được Ông Koloff – Đại sứ Nga bỏ găng tay ra. Nhiều người có vẻ sợ bộ mặt người đàn ông nhỏ thó, kỳ quặc có nụ cười rập theo khuôn mẫu với cặp kính gọng vàng che đi đôi mắt nhỏ, sáng quắc. Và khi trước mặt mọi người, ông Podgers không e

dè khi nói về cô Fermor là người chẳng có chút ham thích nào với âm nhạc nhưng lại say mê những tay nhạc công thì tất cả mọi người trong phòng, tuy lời không cất nhưng ngầm đồng thuận rằng xem chỉ tay là trò khoa học nguy hiểm nhất, tuyệt đối không nên khuyến khích, trừ phi chỉ có hai người với nhau.

Huân tước Arthur Savile chưa biết câu chuyện kém may mắn của cô Fermor. Anh đang mải quan sát ông Podgers một cách thích thú. Tính hiếu kỳ trong con người anh trỗi dậy. Anh rất muốn được xem chỉ tay nhưng lại cảm thấy rụt rè khi nghĩ đến việc đẩy mình ra giữa hàng bao cặp mắt. Huân tước Arthur đi nhanh qua phòng tới chỗ Phu nhân Windermere ngồi. Với vẻ cả thẹn dễ lẫn với sự duyên dáng, anh băn khoăn liệu có điều gì bất tiện nếu mời ông Podgers xem chỉ tay cho mình hay không.

“Tôi dám chắc là ông Podgers đây rất vui lòng xem chỉ tay cho ngài Huân tước.” Phu nhân Windermere đáp lời. “Không phải tối nay ông ấy ở đây để làm việc mình thông thạo nhất sao? Huân tước Arthur à, khi tôi yêu cầu thì dễ cả diễn xiếc, bày sư tử của tôi cũng phải làm. Nhưng tôi báo trước cho cậu biết, tôi sẽ nói với cô Sybil mọi chuyện về cậu. Trưa mai cô ấy sẽ tới dùng bữa cùng tôi để chuyện phiếm về phục trang mũ mào. Nếu ông Podgers xem chỉ tay cho cậu và đọc ra tính cách tồi tệ, hoặc giả thiết cậu mắc bệnh gút, hay đang nuôi một cô vợ ở Bayswater, tôi sẽ nói cho cô ấy biết.”

Huân tước Arthur mỉm cười, lắc đầu nói: “Thưa bà, tôi không sợ đâu. Tôi và cô Sybil quá hiểu nhau.”

“Ồ, tôi thật buồn khi nghe cậu nói như vậy. Nền móng phù hợp nhất cho mọi cuộc hôn nhân chính là sự hiểu lầm. Tôi không có ý giễu cợt cậu, chỉ là kinh nghiệm của tôi mà thôi, mặc dù hai điều ấy không khác nhau là bao. Ông Podgers thân mến, Huân tước Arthur Savile đang rất nóng lòng muốn xem chỉ tay. Ông hãy xem cho cậu ấy. Nhưng xin đừng nói những điều tương tự như việc Huân tước đã đính hôn với một trong những quý cô thanh lịch nhất London, bởi tin đó đã được đăng trên mặt báo *Bưu điện buổi sáng* từ tháng trước rồi.”

“Phu nhân Windermere thân mến, xin bà để tôi mượn ông Podgers thêm vài phút.” Nữ Hầu tước Jedburgh kêu lên. “Ông ấy vừa bảo tôi sẽ trở thành diễn viên. Đó là nghề tôi rất thích.”

“Thưa Phu nhân, nếu đó là điều ông Podgers vừa nói thì tôi phải giành lại ông ấy ngay lập tức. Ông Podgers, ông hãy tới đây xem chỉ tay cho Huân tước Arthur.”

Nữ Hầu tước khẽ bĩu môi nói: “Nếu tôi không trở thành diễn viên thì tôi đành cam chịu làm khán giả vậy.” Rồi bà đứng dậy khỏi ghế xô pha.

“Đương nhiên là thế rồi, tất cả chúng ta đều là khán giả.” Phu nhân Windermere nhận định. “Giờ thì ông Podgers, ông hãy đoán số mệnh cho Huân tước Arthur. Hãy xem thật chắc chắn và nói những điều thú vị về cậu ấy nhé. Đây là một trong những chàng trai trẻ mà tôi đặc biệt quý mến.”

Khi ông Podgers xem chỉ tay cho Huân tước Arthur, mặt ông bỗng tái nhợt. Ông không thốt được lời nào. Dường như ông đang run lên vì sợ hãi, cặp lông mày rậm của ông nhíu lại rồi co giật liên hồi, điều thường xảy ra mỗi khi ông gặp chuyện bất trắc. Mồ hôi trên trán ông túa ra, như những giọt sương có độc. Đôi bàn tay mập mạp của ông lạnh toát và run lên.

Cơn rung động ấy không thoát khỏi đôi mắt quan sát của ngài Huân tước. Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời Huân tước cảm thấy sợ hãi. Anh muốn rời khỏi phòng nhưng đã tự kiềm chế được. Tốt nhất là cứ đối mặt với những điều tồi tệ, còn hơn rơi vào sự mập mờ đáng ghê rợn này.

“Ông Podgers, tôi đang đợi ông. Xin ông nói cho tôi biết.” Anh giục.

“Chúng tôi cũng đang đợi ông.” Phu nhân Windermere vừa nói vừa phác một cử chỉ nóng ruột. Nhưng ông Podgers vẫn nín lặng.

“Tôi tin Arthur cũng sẽ trở thành diễn viên. Ông Podgers sợ nói ra điều ấy làm bà không hài lòng nên ông đã im lặng.” Nữ hầu tước vùng Jedburgh nói mát.

Ông Podgers bất ngờ buông bàn tay phải của Huân tước Arthur ra và giữ chặt tay trái của anh. Ông cúi xuống xem kĩ lòng bàn tay, cặp kính vàng

của ông trẻ hần xuống sống mũi. Trong chốc lát, gương mặt ông trắng bệch như chiếc mặt nạ bằng sáp. Nỗi kinh hoàng lại hiển hiện trong tâm trí ông, nhưng ông đã kịp trấn tĩnh được. Ngược nhìn Phu nhân Windermere, ông nói với nụ cười gượng gạo: “Đây là bàn tay của một thanh niên quyền rũ.”

“Đương nhiên là thế rồi! Nhưng tôi muốn biết cậu ấy có trở thành một người chồng quyền rũ không?” Phu nhân Windermere nóng ruột hỏi.

“Thưa bà, có chứ ạ. Tất cả nam thanh niên đều có sức hấp dẫn.”

“Một người chồng không nên hấp dẫn quá mức. Điều đó hết sức nguy hiểm.” Phu nhân Jedburgh lầm bầm.

“Cô em đáng mến của tôi ơi, những anh chồng không bao giờ *quá* hấp dẫn đến mức ấy đâu!” Phu nhân Windermere kêu lên. “Tôi muốn biết chi tiết hơn. Chi tiết là những điều duy nhất khơi gợi hứng thú. Xin ông hãy nói cụ thể điều gì sẽ xảy ra với Huân tước Arthur?”

“Vài tháng nữa Huân tước Arthur sẽ đi du lịch xa theo đường biển...”

“Ồ, đúng rồi, tuần trăng mật của cậu ấy.”

“Cậu ấy sẽ mất một người thân.”

“Không phải chị gái cậu ấy chứ?” Nữ Hầu tước hỏi, giọng thương xót.

“Đương nhiên không phải chị gái cậu ấy mà là một người họ hàng xa.” Ông Podgers khoát tay gạt đi.

“Ông làm tôi thất vọng quá, ông Podgers ạ. Thời buổi này không ai còn quan tâm đến họ hàng xa nữa. Họ đã trở nên lỗi thời từ lâu lắm rồi.” Phu nhân Windermere bực mình nói. “Vậy là ngày mai tôi chẳng có điều gì để nói với cô Sybil cả. Dù sao thì, tôi nghĩ cô ấy nên chuẩn bị sẵn váy lụa đen cho buổi lễ, ông biết đấy. Bây giờ hãy để chúng tôi dùng bữa tối. Khách khứa có lẽ đã đánh chén một bữa ra trò rồi, nhưng tôi nghĩ vẫn còn một ít súp nóng. François đã từng nổi tiếng với món súp, nhưng về sau ông ấy lại tham gia hoạt động chính trị. Ôi trời, tôi ước gì Tướng Boulanger có thể giữ im lặng một phút. Bà Công tước, hình như bà đang cảm thấy không được khỏe thì phải?”

“Tôi không sao, Gladys thân mến của tôi.” Bà Công tước trả lời rồi chậm chạp đi về phía cửa ra vào. “Tôi rất thích nghe ông Podgers chẩn bệnh, ý tôi là xem chỉ tay rồi nói về số mệnh của mỗi người. Flora, chiếc quạt đồi mồi của tôi đâu rồi nhỉ? Ồ, cảm ơn ông Thomas. Và chiếc khăn choàng viền đăng ten của tôi nữa, Flora ạ. Cảm ơn ông Thomas, ông thật tốt.” Bước những bước thận trọng, nữ Công tước khả kính xuống cầu thang và ra về sau khi đánh rơi lọ nước hoa đến lần thứ hai.

Trong lúc ấy, Huân tước Arthur Savile vẫn đứng yên bên lò sưởi với cảm giác sợ hãi. Dường như tai họa sắp giáng xuống đầu anh. Nhìn chị gái xinh đẹp của mình trong lớp áo hồng thêu kim tuyến có đính ngọc trai, tựa vào cánh tay Huân tước Plymdale đi ngang qua, anh mỉm cười buồn bã.

Trong tâm trạng bất an, Huân tước Arthur dường như không nghe thấy tiếng gọi của Phu nhân Windermere. Anh nghĩ về Sybil Merton và sợ hãi khi hình dung đến những điều có thể xảy ra giữa anh với cô ấy, ý nghĩ đó làm đôi mắt anh ngấn lệ.

Nhìn Huân tước Arthur, người ta không khỏi nghĩ đến cảnh Nemesis² đã đánh cắp khiên của nữ thần Pallas³ rồi cho anh thấy cái đầu lâu của Gorgon. Anh như hóa đá, gương mặt tái nhợt như màu hoa cương trong nỗi u sầu. Anh đã quen với lối sống cảnh vẻ, cao sang của một Huân tước trẻ tuổi và giàu có từ thuở sinh thời. Một cuộc sống được nhào nặn hoàn hảo sao cho vừa khéo nằm ngoài vòng cương tỏa của những sự bần tiện, và nhuốc nhơ; một cuộc sống vô ưu, vô lo. Vậy mà giờ đây, lần đầu tiên trong đời, anh nhận thức rõ lối vận hành bí ẩn của Định Mệnh cũng như ý nghĩa nghiệt ngã, kinh hoàng của Số Phận.

Mọi chuyện thật kì quái và điên khùng làm sao! Lẽ nào nằm trong lòng bàn tay anh là những bí mật đáng sợ của tội lỗi, những manh mối vấy máu của tội ác mà anh chẳng hay trong khi người khác có thể giải mã? Không có lối thoát nào khả dĩ hay sao? Lẽ nào chúng ta như những quân cờ trên bàn cờ của một thế lực vô hình, hay những lọ gốm hình dáng ra sao tùy bàn tay người tạo tác, trông chờ vinh dự hay tui nhục? Lý trí của Huân tước Arthur trỗi dậy phản ứng lại. Anh cảm thấy như thảm họa đang treo lơ lửng trên

đầu, và bỗng nhiên tên anh được số mệnh xướng lên cho một gánh nặng không chịu đựng nổi. Các diễn viên còn tốt số hơn anh vì họ được lựa chọn vai diễn, hỉ, nộ, ái, ố, bi kịch hay hài kịch, bỉ cực hay thái lai. Song cuộc đời lại là một câu chuyện khác hẳn. Đàn ông và đàn bà bị ném ra sân khấu và phải trình diễn những màn mà họ không có chút chuyên môn nào. Những anh chàng Guildenstern thì đóng vai Hamlet, còn những chàng Hamlet của chúng ta thì phải nhập vai Hoàng tử Hal. Thế giới như một sân khấu với dàn diễn viên dở tệ.

Ông Podgers bất ngờ trở lại phòng. Nhìn Huân tước Arthur, ông bỗng giật mình. Mặt ông biến sắc xanh bủng. Ánh mắt hai người giao nhau, lặng im trong chốc lát. Ông Podgers chủ động mở lời: “Thưa Huân tước Arthur, bà Công tước bỏ quên một chiếc găng ở đây. Bà bảo tôi vào lấy giúp bà. À, chiếc găng đây rồi! Tạm biệt cậu.”

“Ông Podgers, nhất định ông phải thẳng thắn cho tôi biết những điều ông đã đọc được trên bàn tay tôi.”

“Xin hẹn cậu lần sau, bà Công tước đang vội.”

“Ông đừng đi. Bà Công tước có việc gì đâu mà vội. Ông cứ để bà ấy ngồi đợi một lúc.”

“Huân tước Arthur ạ, cậu thừa biết không nên để các quý bà phải chờ đợi. Họ thường thiếu kiên nhẫn.” Ông Podgers nói, giọng khổ sở.

Đôi môi như tạc của Huân tước khẽ cong lên vẻ khinh thị dần dỗi. Ông Podgers lại quan tâm đến việc của bà Công tước hơn việc của anh, làm như việc của bà ấy quan trọng lắm. Anh đi nhanh tới chỗ ông Podgers đứng và chìa bàn tay mình ra. Anh nói với giọng van nài: “Hãy nói cho tôi biết ông thấy điều gì ở bàn tay tôi? Tôi muốn biết sự thật. Tôi đâu còn là một đứa trẻ.”

Ông Podgers chớp mắt, đôi chân bứt rứt, những ngón tay bồn chồn không ngừng vằn vò dây hồng hồ quả quýt sáng lóe.

“Điều gì khiến cậu nghĩ rằng tôi vẫn chưa nói hết những gì tôi thấy trên bàn tay cậu?”

“Đường như ông vẫn còn giấu tôi một điều quan trọng. Hãy nói cho tôi biết điều ấy. Tôi sẽ trả ông một tấm séc trị giá một trăm bảng.”

Đôi mắt xanh của ông Podgers lóe sáng trong chốc lát, rồi lại điềm tĩnh trở lại. ông nói bằng giọng trầm trầm: “Một trăm đồng ghi nê?”⁴

“Được rồi. Ngày mai tôi sẽ đưa ông tấm séc ấy. Ông làm việc ở hội nào?”

“Tôi không tham gia hội nào cả. Những gì cần thiết không thể nói lúc này được. Địa chỉ của tôi trong tấm danh thiếp này.” Ông rút từ túi áo gi lê ra một mảnh bìa cứng viền mạ vàng đưa cho Huân tước Arthur. Tấm danh thiếp đề hàng chữ:

Ông SEPTIMUS R.PODGERS
Thầy xem chỉ tay chuyên nghiệp
Số nhà 103A đường West Moon

“Tôi làm việc từ mười giờ sáng đến bốn giờ chiều. Có ưu đãi giảm giá cho cả gia đình.” Ông Podgers lăm bắm một cách máy móc.

“Nhanh lên!” Huân tước Arthur giục giã, mặt tái nhợt. Anh chìa bàn tay mình ra.

Ông Podgers nhìn quanh với sự lo lắng rồi kéo rèm cửa lại.

“Sẽ mất khá lâu nên xin cậu hãy ngồi xuống.”

“Mau lên ông!” Huân tước Arthur thúc giục, nóng nảy giậm chân trên mặt sàn bóng loáng.

Ông Podgers mỉm cười, rút từ túi áo ngực ra một chiếc kính lúp nhỏ. Ông dùng khăn mùi soa lau sạch chiếc kính rồi nói: “Bây giờ tôi sẵn sàng cho cậu biết mọi điều.”

Chương II

Mười phút sau, Huân tước Arthur Savile, mặt tái nhợt vì sợ hãi, lao vội ra khỏi dinh thự Bentinck. Cặp mắt anh như dại đi bởi thống khổ. Anh cố chen qua đám người hầu bảnh mã đang đứng dưới mái hiên kẻ sọc. Anh không còn để ý đến bất cứ điều gì. Đêm xuống, khí trời lạnh buốt, những chiếc đèn khí đốt dựng quanh quảng trường bập bùng trong gió rét. Đôi tay Huân tước Arthur nóng hầm hập như đang lên cơn sốt. Trán anh bỏng rát như lửa. Anh bước đi như người say trong tâm trạng bồn chồn lo lắng. Một viên cảnh sát nhìn anh vẻ tò mò. Một gã ăn mày đang ngồi gục xuống trước cổng tò vò, chìa tay cầu xin của bố thí được phen kinh hồn bạt vía khi thấy một sinh vật còn khốn khổ hơn mình. Dừng bước dưới ngọn đèn, Huân tước Arthur ngẩng nhìn đôi bàn tay mình một lúc. Dường như anh nhìn thấy được những vết máu đã khô trên đó. Một tiếng kêu yếu ớt phát ra từ cặp môi đang run lên của anh.

“Một vụ ám sát!” Đó là tội trạng mà ông Podgers đã đọc ra từ đôi bàn tay của anh. Đêm tối dường như đang xoáy con mắt chòng chọc nhìn anh. Luồng gió sâu thẳm gào rú bên tai anh. Những góc phố tối tăm dội lại câu nói đó. Anh như nghe thấy những tiếng cười ghê rợn phát ra từ mái nhà.

Huân tước Arthur đi tới Công Viên. Những bóng cây dường như muốn níu chân anh lại. Anh mệt mỏi tựa vào hàng rào. Trán anh đã bớt nóng khi áp vào tấm kim loại dầm nước. Anh lắng nghe tiếng rì rào của rừng cây trong đêm tối. Nhưng câu nói. “Một vụ ám sát!” cứ quay cuồng trong đầu làm anh đầy sợ hãi. Anh lặp đi lặp lại câu nói ấy, dường như cố ý để nữ thần Echo⁵ nghe thấy và mang tiếng vọng đánh thức cả thành phố đang say ngủ. Lúc này anh rất mong khách qua đường dừng chân và bắt chuyện với anh.

Rồi Huân tước Arthur bước chậm trên đường Oxford, tạt qua những ngõ hẻm bẩn thỉu, nhơ nhuốc. Hai người phụ nữ mặt đầy son phấn giễu cợt anh. Từ khoảng sân tối mò vọng tới những lời nguyên rủa, tiếng xô xát rồi một giọng gào thét chói tai vang lên xé toạc màn đêm. Anh nhìn thấy những

hình hài còng queo, nghèo khổ và già nua đang nằm túm tụm trên bậu cửa ẩm ướt. Lòng trắc ẩn tràn ngập trong anh. Phải chăng những đứa con sinh ra từ tội lỗi và khốn khổ đã được định trước một kết thúc? Lẽ nào họ cũng như anh, chỉ là con rối trong một màn diễn quái dị?

Song điều khiến anh gục ngã không phải bí ẩn lớn lao ấy, mà là vở hài kịch vô nghĩa tuyệt đối của mọi nỗi đau khổ, sự vắng bóng của một kiến giải xuyên suốt. Mọi thứ mới rời rạc làm sao! Mới thiếu vẹn toàn làm sao! Mỗi bất hòa giữa tính lạc quan nông cạn của con người ta và sự thật trần trụi của vạn vật khiến Huân tước cảm thấy choáng ngợp. Huân tước vẫn còn trẻ, trẻ lắm.

Vừa đi vừa nghĩ ngợi, anh đã đứng trước nhà thờ Marylebone tự lúc nào. Con đường cam lạng như dải ruy băng bạc trong bóng đêm, lóe lên đây đó bởi những cái bóng uốn lượn nhảy múa. Ánh sáng từ những cây đèn khí đốt chiếu xuống lòng đường tĩnh lặng. Một chiếc xe ngựa hai bánh đỗ phía ngoài ngôi nhà nhỏ có tường bao quanh. Người đánh xe đang ngủ. Huân tước Arthur đi vội về phía phố Portland. Anh đưa mắt nhìn quanh như sợ bị theo dõi. Hai người đàn ông ở góc phố Rich đang đứng đọc tờ quảng cáo nhỏ trên một tấm pa nô. Tính tò mò trời dậy, anh bước nhanh tới xem tấm quảng cáo. Hàng chữ màu đen “Kẻ giết người” đập vào mắt anh làm anh giật bắn mình. Má anh đỏ bừng lên. Đó là một mẫu tin thông báo khoản tiền thưởng cho bất cứ thông tin nào giúp cảnh sát truy lùng tung tích: Một người có chiều cao trung bình, ngoài ba mươi tuổi, đầu đội mũ quả dưa, mặc áo khoác đen và quần ca rô, má phải có một vết sẹo. Không rõ Huân tước Arthur đã đọc mẫu tin ấy đến lần thứ bao nhiêu, anh tự hỏi liệu người ta có tóm được tên tội phạm không, vết sẹo trên mặt hẳn là do đâu. Không chừng mấy ngày nữa, tên anh sẽ nổi tiếng trên những bức tường của thành phố London. Cả cái đầu của anh cũng sẽ được đặt giá.

Hình ảnh tưởng tượng ấy làm Huân tước Arthur càng thêm sợ hãi. Anh quay gót, vội vã rảo bước trong đêm tối.

Anh để mặc đôi chân đưa mình đi, lạc giữa một mạng lưới những con phố tối tăm, một mê lộ của những ngôi nhà bẩn thỉu nhớp nhúa. Tảng sáng

anh thấy mình đang đứng trước cửa rạp xiếc Piccadilly rực sáng ánh đèn. Trong lúc đi theo hướng quảng trường Belgrave để về nhà, anh thấy những cỗ xe ngựa to đang trên đường tới khu Covent Garden. Những người đánh xe mặc áo khoác trắng, khuôn mặt rám nắng ứa nhìn, mái tóc quăn xù đang vung roi điều khiển những con ngựa, thỉnh thoảng lại lớn tiếng hô hào nhau. Ngồi trên lưng con ngựa xám đầu đàn là một cậu bé bụi bặm với bó hoa anh thảo cài trên chiếc mũ nhàu nát. Cậu nắm chặt bờm ngựa bằng đôi tay bé bỏng và toét miệng cười. Những bó rau to xanh mướt tương phản với nền trời hừng đông, như ngọc bích xanh đặt cạnh những cánh hoa hồng kì diệu.

Bỗng một cảm giác kỳ lạ trỗi dậy trong lòng Huân tước Arthur. Nét duyên dáng tinh khôi của buổi bình minh với anh lại mang vẻ gì đó thảm thương không cắt nghĩa nổi, khiến anh nhớ đến những ngày đẹp trời và những ngày giông bão kéo đến. Những người nông dân chất phác, vui tính, thờ ơ, họ thấy một London mới khác lạ làm sao! Họ không thấy rằng bóng đêm bao phủ tội ác và ban ngày mịt mù khói thuốc đã biến London thành địa ngục trần gian. Huân tước tự hỏi họ nghĩ gì về thành phố này. Làm sao họ biết được đằng sau vẻ trắng lệ rực rỡ của London là sự đồi bại? Liệu họ có biết về những lạc thú sục sôi, nồng nhiệt, những cơn đói khát nghiện ngập, tất cả những thứ liên tục được kiến tạo và sụp đổ nội trong một sáng tối? Họ chỉ quan tâm đến việc buôn bán rau quả ở chợ để kiếm sống. Mỗi ngày chỉ dừng chân lại đây vài tiếng đồng hồ trước khi rời đi trả lại những con phố yên tĩnh im lìm và những ngôi nhà lim dim yên ngủ. Huân tước thấy thanh thản khi ngắm họ qua lại, với những đôi giày thô kệch để đóng đinh, dáng đi vụng về, lớp dân lam lũ phải chật bóp từng xu mang theo người. Huân tước Arthur nghĩ rằng: Họ sống thuận theo Tự Nhiên, chính Tự Nhiên đã dạy họ lối sống hài hòa. Nghĩ vậy, một cảm giác ghen tị bỗng dấy lên trong lòng Huân tước: họ không hề biết về bộ mặt kia của London.

Lúc anh tới quảng trường Belgrave, bầu trời bỗng chuyển màu xanh nhạt và một bầy chim đang ríu rít trong công viên.

Chương III

Mười hai giờ trưa Huân tước Arthur mới thức giấc. Mặt trời xối nắng qua tấm rèm cửa bằng lụa màu ngà. Anh đứng dậy nhìn ra cửa sổ. Nắng nóng lan tỏa khắp thành phố. Những mái nhà như phủ một lớp xám bạc. Vậy mà đám trẻ vẫn chạy nhảy nô đùa trên thảm cỏ xanh như đàn bướm trắng. Ngoài phố, dòng người nối tiếp nhau tới công viên. Dường như chưa bao giờ cuộc sống lại đẹp dễ đến thế, và cũng chưa bao giờ những điều xấu lại ở khuất xa như vậy.

Người hầu bưng tới cho anh một cốc sô cô la đặt trên khay. Sau khi uống xong, anh đẩy rèm cửa dày bằng nhung màu quả đào về một bên rồi vào phòng tắm. Ánh nắng chiếu qua ô cửa, qua những phiến đá mã não mỏng trong suốt, rọi xuống bồn tắm cẩm thạch, khiến mặt nước lấp lánh như hàng ngàn viên đá mặt trăng. Huân tước Arthur hụp đầu xuống nước. Nước mát ủa qua vai, lên cổ rồi luồn vào tóc anh. Anh muốn nhờ nước rửa sạch những ký ức đáng hổ thẹn của mình. Khi bước ra khỏi bồn tắm, anh cảm thấy tâm hồn thư thái hơn. Cơ thể anh tràn ngập một trạng thái thể chất viên mãn, tươi mới – điều thường xảy đến với những thể trạng được khuôn đúc khéo léo; bởi giống như lửa, các giác quan có khả năng tàn phá cũng như thanh tẩy bất cứ khi nào nó muốn.

Sau bữa ăn sáng, anh thả mình trên đi văng, châm một điếu thuốc. Trên bệ lò sưởi trải vải gấm thêu kim tuyến cầu kì dựng một bức ảnh to của Sybil Merton. Anh gặp nàng lần đầu trong buổi khiêu vũ ở nhà Phu nhân Noel. Mái đầu nhỏ nhắn, tao nhã hơi ngả về một bên, như thể cái cần cổ thanh mảnh kia phải khó khăn lắm mới nâng đỡ được chùng ấy vẻ đẹp kết tụ. Đôi môi hé mở sinh ra để cất lên những làn điệu dịu ngọt. Đôi mắt mơ màng, hứng khởi với cuộc sống, phát lộ những êm ái thuần khiết của thì con gái. Vẻ dịu dàng, mềm mại của nàng trong bộ váy áo lụa Trung Quốc bó sát vào người cùng với chiếc quạt to hình lá cây trong tay nàng làm anh liên tưởng đến câu chuyện công chúa được tìm thấy trong rừng ô liu vùng Tanagra.

Phong thái nàng có nét yêu kiều, duyên dáng của một cô gái Hy Lạp. Nàng không phải tạng người nhỏ nhắn song thân hình thật cân đối – một điều hiếm có ở thời buổi mà những người con gái đồng lứa hoặc là phát phì hoặc là nhỏ thó. Huân tước Arthur ngắm nhìn bức ảnh của nàng, lòng ngập tràn nỗi sầu khổ vì tình yêu. Anh chỉ mong được sống cùng nàng, nhưng số phận thật trớ trêu. Một kẻ giết người làm sao còn xứng đáng đón nhận tình yêu được nữa. Tội của anh còn nặng hơn tội phản bội Chúa Jesus của Judas, tội tệ hơn những tội trạng mà Borgia thường hay mơ thấy. Hạnh phúc nào còn đón chờ họ nữa đây khi bất cứ lúc nào lời tiên đoán in dấu trên bàn tay anh cũng có thể trở thành sự thực. Tương lai nào dành cho họ nữa đây khi Định Mệnh đã dành sẵn cho anh một Số Phận đáng sợ nhường ấy trên đôi bàn tay anh. Bất cứ giá nào cũng phải hoãn cuộc hôn nhân này lại. Anh đã quyết rồi. Anh yêu Sybil nồng nàn đến mức nàng chỉ cần chạm nhẹ những ngón tay búp măng vào anh khi họ ngồi kề nhau, lòng anh đã tràn ngập niềm vui. Từng dây thần kinh trên người anh rộn ràng vì vui sướng. Anh nhận thấy rõ trọng trách của mình đối với nàng và đủ tỉnh táo để hoãn hôn sự trước khi mọi việc được làm sáng tỏ. Khi ấy, anh mới có thể cùng nàng đứng trước bệ thờ và trao cho nàng cả cuộc đời mình với không chút vướng gợn trong lương tâm. Khi ấy, anh mới có thể ôm nàng vào lòng mà yên tâm rằng người con gái ấy sẽ không vì cưới anh mà phải cúi đầu hay cúi đầu trong ô nhục. Điều đó phải được tiến hành càng sớm càng tốt cho cả hai người.

Phần đông đàn ông thích đùa giỡn, tán tỉnh phụ nữ hơn là dốc lòng gánh vác trách nhiệm nặng nề. Huân tước Arthur không nằm trong số đó. Anh không đặt lạc thú cao hơn các phép tắc. Tình yêu anh dành cho Sybil không chỉ là đam mê, với anh nàng là biểu tượng của những gì tinh tế và cao thượng nhất. Trong khoảnh khắc một mối xung khắc tự nhiên dấy lên khi nghĩ đến việc anh sắp phải làm, nhưng rồi nó cũng chóng tan biến như khi xuất hiện. Trái tim anh mách bảo rằng đó không phải tội lỗi mà là sự hi sinh, chẳng còn cách nào khác. Anh phải lựa chọn giữa việc sống vì mình hay sống vì người. Dù trách nhiệm ấy có kinh khiếp đến đâu, anh sẽ không để bản thân mình trở nên ích kỷ chỉ để có được tình yêu. Sớm hay muộn ai trong chúng ta cũng sẽ được gọi để đưa ra quyết định cho trách nhiệm ấy,

câu hỏi tương tự được đặt ra với tất cả chúng ta. Với Huân tước Arthur, điều ấy đến khá sớm trong cuộc đời anh – trước cả khi bản tính của anh bị làm hư bởi sự hoài nghi có tính toán của tuổi trung niên hay trái tim anh bị gặm mòn bởi chủ nghĩa cá nhân nông cạn đang là thời thượng ngày nay. Anh không cảm thấy chút do dự trong việc phải hoàn thành trách nhiệm của mình. May mắn thay, Huân tước Arthur không phải là kẻ mộng mơ hay gã tài tử lười nhác. Nếu là người như vậy hẳn anh đã thoáng chút do dự, như Hamlet, và để sự phân vân lưỡng lự làm tổn hại mục đích của mình. Song về cốt lõi Huân tước lại là người vô cùng thực tế, với một tri giác minh mẫn. Cuộc sống với anh nằm ở hành động hơn là trong suy nghĩ.

Những dòng cảm xúc lộn xộn của anh từ đêm hôm trước giờ đã hoàn toàn biến mất. Anh cảm thấy xấu hổ khi nhớ lại đôi chân mình đã lang thang hết phố này sang phố khác trong trạng thái bức tức, đau khổ tột độ. Những nỗi đau của anh lúc này dường như hư ảo. Anh ngạc nhiên tự hỏi sao anh lại có thể xuẩn ngốc đến mức thốt ra những lời nguyên rủa về sự việc không thể tránh được trong cuộc sống như thế. Câu hỏi duy nhất vẫn lẩn quẩn trong đầu anh lúc này là, một vụ giết người có cần nạn nhân, vậy thì đó là ai? Giống như những tôn giáo của thế giới Đa thần luôn cần có một nạn nhân và một thầy tế lễ vậy. Bản thân Huân tước không phải là nhân tài xuất chúng gì để đến nỗi có kẻ ganh ghét. Lúc này đây anh cảm thấy thật không thích hợp khi đem ban tặng bất kì ai nỗi oán giận hay mối hiềm khích cá nhân, một nhiệm vụ mà anh nghiêm trang thực hiện hầu như hàng ngày. Huân tước Arthur lập danh sách những người họ hàng thân thuộc và đám bạn của anh ra một tờ giấy viết thư. Sau khi cân nhắc kĩ, anh quyết định đó chỉ có khả năng là Phu nhân Clementina Beauchamp. Bà là một phụ nữ đứng tuổi đáng kính, là con của bác anh. Nhà bà ở đường Curzon. Anh rất quý trọng chị họ mình. Mọi người thường gọi bà là Phu nhân Clem. Giờ đây, khi anh đã là một người giàu nứt đổ vỡ vách vì được sở hữu toàn bộ tài sản của cha anh là Huân tước Rugby thì việc anh rắp tâm thu lợi từ khoản tiền thừa kế nhờ cái chết của người chị họ quả là một suy nghĩ phi lý và thô tục! Song càng nghĩ, anh càng cảm thấy người ấy chỉ có thể là Phu nhân Clem; anh quyết định phải hành động ngay bởi bất kì sự chậm trễ nào cũng là bất công cho Sybil.

Đương nhiên, việc đầu tiên phải làm là thu xếp ổn thỏa với ông thầy bói chỉ tay. Anh ngồi vào bàn viết nhỏ kiểu Sheraton kê sát cửa sổ và ký tên vào tấm séc để rút một trăm lè năm bảng Anh trả ông Septimus Podgers, cho tấm séc vào phong bì và lệnh cho đầy tớ đem tới đường West Moon. Rồi anh gọi xe ngựa, phục trang chỉnh tề và rời khỏi nhà. Khi ra đến cửa, Huân tước Arthur còn quay lại nhìn bức ảnh Sybil Merton lần nữa. Anh thề sẽ không để lộ cho nàng biết việc anh đang làm là vì nàng.

Vì tình yêu, anh chấp nhận hi sinh.

Trên đường đến Buckingham, anh dừng chân ở hàng hoa, mua tặng Sybil lẵng thủy tiên xinh đẹp với những cánh hoa trắng muốt, điểm xuyết những bông mắt chim trĩ đang độ nở rộ. Tới thư viện, anh rung chuông gọi bồi bàn đem cho anh một ly xô đa chanh kèm theo cuốn sách nghiên cứu khoa học về chất độc. Sau khi tìm hiểu, anh thấy cách dùng thuốc độc là giải pháp hiệu quả nhất. Những trò bạo lực xô xát khiến anh ghê tởm, hơn thế anh rất lo lắng và không hề muốn sát hại Phu nhân Clementina theo bất kì cách nào có thể thu hút dư luận. Anh rất không muốn trở thành chủ đề đàm tiếu trong những buổi khiêu vũ ở nhà Phu nhân Windermere, hay thấy tên anh trên mặt báo. Rồi anh còn nghĩ đến song thân của Sybil, đều là những người coi trọng gia phong nề nếp, rất có thể sẽ ngăn cản cuộc hôn nhân nếu một vụ tai tiếng nào vỡ lở. Dù rằng anh khá chắc chắn nếu như họ biết toàn bộ sự tình, họ sẽ là những người đầu tiên cảm kích vì động cơ của anh. Càng nghĩ, Huân tước càng cảm thấy thuốc độc là sự lựa chọn đúng đắn. Dùng thuốc độc vừa đảm bảo tác dụng mong muốn vừa giúp người ta lạng lẹ ra đi, không gây sự đau đớn – như hầu hết những người đàn ông Anh quốc, anh có một mối ác cảm đã bén rễ sâu bên trong với mọi nỗi đớn đau.

Tuy nhiên anh hoàn toàn không biết cách thức pha chế thuốc độc. Anh cần một cuốn sách chỉ dẫn nhưng người hầu không tìm thấy. Cậu ta chỉ đưa ra được cuốn *Ruff Guide* và tạp chí *Bailey's Magazine* mà thôi. Huân tước Arthur phải tự tìm trên giá sách. Bất ngờ anh thấy cuốn *Dược thư* được đóng bìa khá bắt mắt, đưa tên các loại dược liệu có kèm hướng dẫn cách dùng và bản sao cuốn *Nghiên cứu khoa học độc dược* của Erskine do ông Mathew

Reid, hiệu trưởng trường Cao đẳng Y được Hoàng gia biên tập. Ông là một trong những thành viên lớn tuổi nhất ở Buckingham, đã được chọn do bị nhầm lẫn với một người khác. Một phi vụ trở trêu làm điên tiết cả Hội đồng đến nỗi khi ứng cử viên thật đến, Hội đồng nhất trí bỏ phiếu từ chối cho ông này nhậm chức.

Huân tước Arthur lúng túng với những từ chuyên môn trong cả hai cuốn sách. Anh hối tiếc những năm tháng ở Oxford anh đã không chịu học hành tập trung hơn trong lĩnh vực này. Trong cuốn *Nghiên cứu khoa học độc dược* của Erskine, anh đã thấy phần ghi chép rất đầy đủ về tác dụng và tác hại đặc tính của aconitin, được viết một cách khá dễ hiểu. Sách chỉ cho anh cách dùng loại thuốc độc anh đang cần. Aconitin tác động rất nhanh, hoàn toàn không gây đau đớn. Nó được bào chế dưới dạng chất lỏng trong suốt trong viên con nhộng. Đó là cách thức bảo quản thuốc của ông Mathew. Huân tước Arthur đã ghi chép kĩ liều dùng của thuốc trên cổ tay áo sơ mi. Xong đâu đấy, anh cất hai cuốn sách vào đúng vị trí và rời khỏi thư viện. Anh rảo bước trên đường St. James, rồi tới một hiệu thuốc lớn tên Pestle và Humbey. Bác sĩ Pestle, người thường được triệu đến để phục vụ cho tầng lớp quý tộc, vô cùng ngạc nhiên khi nhận yêu cầu kê toa thuốc; bằng vẻ nhún nhường cung kính ông lẩm nhẩm điều gì đó về việc cần phải có một giấy chứng nhận ngành Y trong những trường hợp thế này.

Để tránh sự nghi ngờ, Huân tước Arthur đã giải thích rằng anh cần lượng thuốc aconitin này để tiền con chó tai cụp Na Uy của mình vì nó có dấu hiệu của bệnh dại. Người đánh xe ngựa đã hai lần bị nó cắn vào bắp chân. Chỉ khi ấy khuôn mặt bác sĩ Pestle mới giãn ra, ông khen ngợi sự am hiểu của Huân tước Arthur về độc dược học và kê thuốc cho anh ngay lập tức.

Huân tước Arthur để viên thuốc aconitin vào một hộp kẹo bằng bạc nhỏ anh mua ở một cửa hàng trên phố Bond, ném cái hộp thuốc xấu xí của Hiệu Pestle và Hambey đi, rồi đánh xe tới nhà Phu nhân Clementina.

“Ôi chà, *monsieur le mauvais sujet*.”⁶ Phu nhân kêu lên khi anh vào phòng. “Vì sao bấy lâu nay cậu không đến thăm tôi?”

“Chị Clem yêu quý của em, em bận đến mức chẳng có thời gian của riêng mình chị ạ.” Huân tước Arthur mỉm cười đáp lời Phu nhân.

“Cậu chỉ giỏi chống chế. Chắc cậu lại dành hết thời gian ở bên Sybil Merton, mua sắm váy áo và đồ trang sức cho cô ấy rồi lại chuyện trò đông dài phải không? Tôi chẳng hiểu nổi vì sao mọi người cứ nhặng xị hết cả lên vì chuyện cưới xin. Thời chúng tôi làm gì có chuyện đưa tin rầm rộ như vậy.”

“Thưa chị, em xin thề với chị trong hai bốn giờ qua em chưa gặp Sybil. Cô ấy đang mãi tìm người thiết kế mũ và trang phục cho mình chị ạ.”

“Vì thế nên cậu mới rảnh thời gian đến thăm bà lão xấu xí này phải không? Tôi đang tự hỏi sao đàn ông các cậu lại thiếu nhạy cảm đến thế! *On a fait des folies pour moi,*² còn tôi thì ở đây, mắc bệnh thấp khớp, phù phiếm và nóng tính, dễ cáu giận không đâu. Nếu không nhờ những cuốn tiểu thuyết Pháp lãng nhách mà Phu nhân Jansen thường gửi tới, tôi không biết phải tiêu pha hăm tư giờ một ngày thế nào đây. Tụi bác sĩ cũng chẳng được tích sự gì, chỉ giỏi khoản thu tiền khám chữa. Có mỗi cái chứng ợ nóng còn con con mà chữa cũng không xong!”

“Thưa chị, em đem thuốc chữa ợ nóng cho chị đây.” Huân tước Arthur nói bằng giọng trang nghiêm. “Đó là thần dược do người Mỹ điều chế.”

“Tôi không thích dùng đồ của Mỹ, Arthur ạ. Đó là điều chắc chắn. Gần đây tôi có xem một vài cuốn truyện Mỹ. Tôi thấy toàn những điều vô lý.”

“Không phải thế đâu chị ạ. Em đảm bảo với chị đây là thần dược. Nhất định chị phải dùng thử nhé.” Dứt lời, Huân tước Arthur lấy chiếc hộp nhỏ ra khỏi túi rồi đưa cho Phu nhân Clem.

“Ôi, chiếc hộp đẹp quá Arthur ạ. Đây là món quà cậu tặng bà già này ư? Cậu thật tốt bụng. Loại thuốc kì diệu đó đây à? Trông giống kẹo quá nhỉ. Tôi phải dùng ngay mới được.”

“Lạy Đấng tối cao! Chị Clem,” Huân tước Arthur thốt lên và nắm lấy bàn tay Phu nhân, “chị không được làm thế. Thuốc này được bào chế theo

nguyên lý vi lượng đồng căn. Bình thường nếu uống sẽ lợi bất cập hại song nếu uống ngay sau cơn ợ nóng chị sẽ ngạc nhiên vì sự hiệu nghiệm của nó.”

“Nhưng tôi muốn uống thuốc ngay bây giờ.” Vừa nói, Phu nhân Clementina vừa giơ viên thuốc lên để soi cho kỹ dưới ánh đèn. Viên thuốc trong suốt chứa dung dịch aconitin với những bọt khí li ti bên trong. “Tôi tin nó có vị ngọt như kẹo. Mặc dù tôi không ưa các bác sĩ nhưng tôi lại thích dùng thuốc. Nhưng tôi sẽ làm theo lời khuyên của cậu, cất thuốc đi. Khi nào phát bệnh, tôi mới dùng đến nó.”

“Bệnh của chị sẽ đến sớm phải không ạ?” Huân tước Arthur hỏi với giọng hăm hở.

“Có lẽ là nội trong tuần, sáng qua tôi vừa bị chứng bệnh hành hạ một phen ra trò. Không thể nói trước được.”

“VẬY là chắc chắn cơn bệnh sẽ tái phát trước cuối tháng này, phải không chị?”

“Có lẽ vậy. Chà, hôm nay cậu có vẻ sốt sắng lo lắng cho bệnh tình của tôi quá nhỉ? Quả thực tình yêu của Sybil đã làm cho cậu thay đổi. Đã đến lúc cậu phải về rồi. Tối nay tôi sẽ dùng bữa với một vài người vô cùng nhàm chán, chẳng biết gì về mấy vụ tai tiếng om sòm thời thượng hết, nếu giờ không chợp mắt một lát thì tối nay tôi sẽ ngủ gục ngay trên bàn mất. Tạm biệt Arthur, cho tôi gửi lời chào thân ái tới Sybil. Cảm ơn cậu rất nhiều vì cậu đã đem thuốc cho tôi.”

“Chị đừng quên uống thuốc nhé, chị Clem!” Huân tước Arthur vừa nói vừa đứng dậy.

“Đương nhiên rồi, em trai yêu quý của tôi. Cậu đã biết quan tâm đến người thân trong gia đình rồi đấy. Nếu tôi cần thêm thuốc, tôi sẽ liên lạc với cậu.”

Huân tước Arthur ra về với cảm giác nhẹ nhõm. Dường như mọi nỗi buồn lo không còn trĩu nặng trong lòng anh.

Tối hôm ấy anh đã tâm sự với Sybil Merton những điều cần thiết, từ chuyện anh bất ngờ bị rơi vào một tình thế nguy nan – mà danh dự và trách nhiệm đều không cho phép anh được lùi bước, đến việc hoãn đám cưới. Trước khi đến với hôn nhân, anh phải thoát khỏi những nỗi ám ảnh đáng sợ. Anh cầu khẩn Sybil hãy tin anh, mọi việc sẽ tốt đẹp. Điều thiết yếu nhất bây giờ là sự kiên nhẫn.

Cảnh ấy diễn ra trong nhà kính trồng cây của gia đình Sybil trên đường Park Lane, khi hai người đang cùng dùng bữa tối. Sybil đã hạnh phúc biết bao khi chờ đám cưới. Trong một khoảnh khắc, ý định viết thư cho Phu nhân Clementina về viên thuốc lóe lên trong đầu Huân tước Arthur, anh đã định đóng vai một gã hèn nhát, và cứ thế tiến hành hôn lễ như chưa hề chạm mặt gã Podger nào trên thế giới cả. Song bản tính tốt của anh ngay lập tức tự đòi quyền lợi, kể cả khi Sybil khóc lóc lao vào vòng tay vị hôn phu tương lai, anh cũng không chút dao động, vẻ đẹp đã khuấy động những xúc cảm của anh nay cũng đã chạm đến lương tâm của anh. Bất cứ kẻ mẫn tiệp nào trong tình thế của anh cũng không đời nào đổi vài tháng lạc thú đến sớm rồi để cả đời bị tàn phá. Anh ở lại với Sybil tới nửa đêm, đôi tình nhân trẻ an ủi vỗ về nhau. Trước lúc khởi hành đi Venice vào sáng sớm hôm sau, anh đã can đảm viết thư gửi người cha của Sybil trình bày việc hoãn đám cưới.

Chương IV

Anh đã gặp em trai mình ở Venice. Huân tước Surbiton, người đã tới Venice bằng thuyền buồm từ đảo Corfu. Hai anh em đã trải qua hai tuần lễ thú vị. Sáng nào họ cũng cưỡi ngựa tới bãi biển, hoặc lướt trên những con sông đào bằng chiếc thuyền đáy bằng màu đen. Chiều đến, hai anh em tiếp đãi khách khứa trên thuyền. Buổi tối, họ thưởng thức các món ở nhà hàng Florian rồi ra quảng trường hút thuốc. Song không mấy khi Huân tước Arthur được vui vẻ. Ngày nào anh cũng lướt qua hàng cáo phó trên tờ *Thời báo*, mong người ta đưa tin buồn của Phu nhân Clementina nhưng mãi chưa thấy. Càng mong chờ tin tức của chị họ bao nhiêu, anh càng thất vọng bấy nhiêu. Huân tước Arthur bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Anh tiếc là đã ngăn bà uống aconitin lúc bà rất muốn thử tác dụng của thuốc. Anh đọc những lá thư của Sybil. Mặc dù lời lẽ trong thư đầy ắp tình yêu, niềm tin và trù mến nhưng vẫn ẩn chứa nỗi buồn. Nhiều lúc anh có cảm giác anh và nàng mãi mãi xa nhau.

Hai tuần trôi qua, Huân tước Surbiton cảm thấy chán Venice. Anh quyết định tới Ravenna để thử săn chim tại Vườn Thông. Thế nhưng trong khi anh háo hức muốn đi thì Huân tước Arthur lại từ chối đi cùng em. Vậy là Huân tước Surbiton phải thuyết phục anh mình rằng nếu phải ở Danieli một mình thì anh sẽ buồn đến chết mất. Sáng ngày mười lăm họ lên đường. Gió đông bắc thổi mạnh, những ngọn sóng nối đuôi nhau dập dềnh. Hoạt động thể thao trong không khí thoáng đãng ngoài trời khiến sắc mặt của Huân tước Arthur phần nào trở lại hồng hào, song cuộc sống tự do với trời nước bao la không kéo nổi Huân tước Arthur ra khỏi nỗi lo sợ. Anh nóng lòng muốn biết tin tức của Phu nhân Clementina. Bất chấp sự can gián của Surbiton, ngày 22 anh đã lên tàu quay về Venice.

Khi Huân tước Arthur vừa bước ra khỏi thuyền gondola⁸ lên bậc thang ngoài khách sạn, ông chủ đã ra đón anh với một xấp điện tín trên tay. Huân

tức chớp lấy những bức điện và xé ra xem. Thành công như mong đợi. Chị họ anh đã đột ngột qua đời vào đêm 17!

Huân tước Arthur hướng suy nghĩ về Sybil. Anh gửi cho nàng bức điện thông báo thời gian trở về London của mình. Sau đó anh lệnh cho đầy tớ thu xếp, đóng gói đồ đạc gửi chuyển bưu kiện đêm, trả cho người chèo thuyền gondola gấp năm lần so với khoản phí thông thường rồi chạy lên phòng mình ở khách sạn. Trái tim anh tràn ngập niềm vui. Anh thấy trong phòng có ba lá thư: thư của Sybil tràn đầy tình yêu và nỗi buồn, thư của mẹ anh và thư từ vị luật sư của Phu nhân Clementina. Qua những bức thư, Huân tước Arthur mới biết tối hôm ấy phu nhân Clementina đã dự tiệc ở nhà nữ Công tước. Với tính hài hước và trí tuệ sắc sảo, bà đã khiến mọi người quý mến. Nhưng bà không ở được đến cuối buổi tiệc vì chứng ợ nóng tái phát. Tạm biệt bạn bè, bà vội ra về khá sớm. Sáng hôm sau, phu nhân Clem đã tắt thở. Bà ra đi thật nhẹ nhàng, dường như không chịu đau đớn gì. Bác sĩ Mathew Reid được mời tới ngay nhưng chẳng còn gì có thể cứu vãn. Ngày gia đình làm lễ mai táng Phu nhân Clementina ở nghĩa trang Beauchamp Chalcote. Trước lúc mất, bà đã làm di chúc đồng ý cho Huân tước Arthur được ở ngôi nhà nhỏ trên phố Curzon cùng với toàn bộ nội thất, những bức ảnh và vật dụng cá nhân, riêng hộ sưu tập những bức tượng nhỏ sẽ gửi cho em gái bà là Phu nhân Margaret Rufford, còn chuỗi hạt thạch anh tím của bà sẽ cho Sybil Merton. Mặc dù tài sản của Phu nhân Clem không có giá trị lớn nhưng luật sư Mansfield lại vô cùng lo lắng và điện tín cho Huân tước Arthur trở về sớm để chi trả các hóa đơn, bởi Phu nhân Clem chưa từng để dành ra khoản tiết kiệm nào.

Huân tước Arthur rất cảm động vì thiện ý của người chị họ quá cố, và thầm trách cứ Podgers là người khởi nguồn ra toàn bộ cơ sự này. Nhưng tình yêu anh dành cho Sybil vượt lên trên những xúc cảm khác, ý thức được rằng nhiệm vụ của mình nay đã hoàn thành, anh nghe lòng mình dịu lại và tràn ngập hạnh phúc khi đặt chân lên ngã tư Charing tại London.

Ông bà Merton thù tiếp con rể tương lai vô cùng nồng ấm. Huân tước Arthur hứa với người yêu sẽ không để cho bất cứ điều gì cản trở hạnh phúc

của anh với nàng. Đám cưới được ấn định vào ngày mồng 7, tháng Sáu. Anh thấy cuộc đời như bừng sáng trong niềm hân hoan. Niềm vui ban xưa lại trở về với anh.

Một ngày nọ, khi anh cùng Sybil và vị luật sư của Phu nhân Clementina tới ngôi nhà nhỏ ở phố Curzon, đốt chồng thư đã ố màu và dọn dẹp các ngăn tủ thì Sybil bỗng kêu khẽ lên một tiếng vui thích.

“Điều gì làm em vui thế, Sybil thân yêu?” Huân tước Arthur ngừng công việc, mỉm cười hỏi nàng.

“Chiếc hộp kẹo bạc này đẹp quá anh ạ. Xuất xứ của nó ở Hà Lan phải không anh? Em có thể giữ nó được không? Chuối hạt thạch anh tím không hợp với em ở độ tuổi này. Phải bước qua tuổi tám mươi em mới dùng nó được.”

Đó chính là chiếc hộp đựng viên thuốc aconitin. Huân tước Arthur nhìn chăm chăm vào nó, má nóng ran. Anh gần như đã không còn nhớ việc mình từng làm với Phu nhân Clementina. Anh không nghĩ sẽ có lúc chính người yêu của mình lại là người đầu tiên gợi cho anh nhớ tới điều kinh khủng đó. Cố che đậy sự hoảng hốt, anh nói: “Nếu em thích chiếc hộp thì cứ dùng, Sybil ạ. Anh đã tặng Phu nhân Clem đáng thương hộp kẹo này đấy.”

“Ô, cảm ơn Arthur của em. Em không nghĩ Phu nhân Clem lại thích của ngọt như thế. Ai lại tưởng tượng được hình ảnh chị ấy ngậm một viên kẹo như thế này. Em giữ luôn viên kẹo nhé, anh Arthur?”

“Kẹo nào cơ, Sybil? Em vừa nói gì thế?” Anh hỏi lạc cả giọng.

“Trong hộp có một viên kẹo nhỏ bám đầy bụi, nhưng em không định ăn đâu Arthur ạ. Arthur, có chuyện gì thế? Mặt anh tái nhợt đi kìa!”

Huân tước Arthur băng qua phòng thật nhanh và vồ lấy cái hộp. Trong hộp là viên thuốc màu hổ phách vẫn còn bột thuốc aconitin. Phu nhân Clementina đã đi vào cõi vĩnh hằng một cách tự nhiên!

Điều phát hiện ra làm anh bị sốc. Anh ném viên thuốc vào lò lửa rồi thả rơi mình lên ghế xô pha. Huân tước Arthur bật ra một tiếng kêu thất vọng.

Chương V

Ngài Merton vô cùng sầu khổ khi hôn lễ của con gái bị hoãn đến lần thứ hai, còn Phu nhân Julia thì khuyên con gái hãy bỏ mối này đi dù đã đặt lễ phục cho ngày trọng đại của Sybil. May mắn là, dù yêu quý cha mẹ vô cùng, nhưng tiểu thư đã trao gửi toàn bộ cuộc đời mình vào đôi tay của Huân tước Arthur nên những điều Phu nhân nói chẳng hề làm nòng dao động. Còn Huân tước Arthur thì phải mất vài ngày để nguôi bớt nỗi u sầu và tĩnh tâm lại. Song, tinh thần mạnh mẽ và lý trí quyết đoán nhanh chóng mách bảo anh phải làm gì. Phương án đầu độc coi như phá sản hoàn toàn, nên thuốc nổ hẳn là một lựa chọn hợp lý.

Thế là, Arthur rà soát lại danh sách bạn bè, người thân lẫn nữa. Sau khi suy đi tính lại, anh quyết định cho ông chú Trưởng Giám mục Tu viện Chichester biến mất. Vị Trưởng Giám mục là người uyên bác, nhã nhặn và rất mê đồng hồ. Ông có hẳn một bộ sưu tập đủ loại, từ tận thế kỷ mười lăm cho đến những sản phẩm đương đại. Có vẻ như, chính sở thích này đem đến cho Arthur thời cơ tuyệt vời để thực hiện kế hoạch. Dĩ nhiên, mua thuốc nổ ở đâu lại là chuyện khác. Tra cứu trong Danh bạ London không giúp gì được anh, còn Scotland Yard⁹ có vẻ như chẳng biết gì về hoạt động mua bán chất nổ cho đến khi có vụ nổ thật.

Bất chợt, anh nhớ ra người bạn cũ của mình là Bá tước Rouvaloff, một nhà cách mạng người Nga trẻ tuổi với tư tưởng rất cấp tiến. Anh từng gặp ông ở nhà Phu nhân Windermere hồi mùa đông. Nghe nói Bá tước Rouvaloff đang viết sách về cuộc đời Sa hoàng Peter Đại đế nên phải sang Anh quốc để thu thập tư liệu về quãng thời gian Sa hoàng đến đây làm thợ đóng tàu. Nói chung hình như Rouvaloff là điệp viên vô chính phủ mà chắc chắn là Đại sứ quán Nga không thừa nhận dính líu đến sự xuất hiện của anh ta ở London. Arthur cảm thấy đã tìm đúng người. Vậy là, một sáng nọ, anh tới khu Bloomsbury để nhờ cậy.

“Thế là, anh định tham gia vào giới chính trị thật đấy à?” Rouvaloff cất tiếng hỏi khi nghe Arthur kể về nhiệm vụ của mình. Nhưng một người ghét huênh hoang như Arthur không muốn thừa nhận rằng mình chẳng quan tâm tới chuyện xã hội, mà chỉ muốn sắm thuốc nổ để giải quyết chuyện trong nhà vốn chẳng liên quan đến ai ngoài bản thân mình.

Bá tước Rouvaloff nhìn chăm chăm người bạn của mình một cách kinh ngạc, sau đó nhận ra là Arthur rất nghiêm túc. Thế là, Rouvaloff viết một địa chỉ gì đó lên một mảnh giấy nhỏ, ký tên và đưa nó cho bạn đang ngồi bên kia bàn.

“Scotland Yard chắc là hứng thú với chỗ này lắm đấy, anh bạn.”

“Họ sẽ không biết đâu.” Arthur bật cười, bắt tay bạn thật chặt trước khi xuống nhà, xem qua mẫu giấy và bảo xà ích đánh xe đến Quảng trường Soho.

Anh xuống xe ở đó, cuộc bộ đến phố Greek cho đến khi dừng bước ở một nơi có tên là phố Bayle. Đi qua chiếc cổng vòm, anh vào con phố cụt kỳ lạ bị chiếm dụng bởi một tiệm giặt là kiểu Pháp. Một loạt quần áo được phơi trên dây nối từ nhà này sang nhà khác. Một mảnh vải lanh pháp phơi giữa ban ngày. Arthur đi thẳng đến căn nhà nhỏ màu xanh ở cuối phố và gõ cửa. Những khuôn mặt nhem nhuốc tò mò lộ ra từ những ô cửa sổ. Một người ngoại quốc bộ dạng khá bụi bặm mở cửa, hỏi anh cần gì bằng một thứ tiếng Anh bập bẹ. Arthur cho người đàn ông xem mẫu giấy mà Bá tước Rouvaloff đưa cho anh. Người đàn ông gật đầu. Anh được mời vào một căn phòng khách rất tồi tàn ở tầng trệt. Lát sau, một người đàn ông tự giới thiệu là Herr Winckelkopf nhanh nhẹn bước vào, trên cổ còn nguyên chiếc tạp dề dính đầy rượu còn tay trái cầm một cái đĩa.

“Bá tước Rouvaloff giới thiệu tôi với ông,” Arthur lên tiếng và cúi chào, “tôi có chút việc trao đổi ngắn gọn với ông. Tên tôi là Smith, Robert Smith. Tôi muốn ông bán cho tôi một cái đồng hồ chứa thuốc nổ.”

“Hân hạnh được gặp ngài, Huân tước Arthur,” một giọng Đức ấm áp kèm tiếng cười vang lên. “Dừng quá cảnh giác như thế, việc của tôi là biết

tất cả mọi người. Tôi còn nhớ đã thấy anh vào một buổi chiều ở nhà Phu nhân Windermere. Hi vọng bà ấy vẫn khỏe. Ngài không ngại ngồi chờ tôi ăn xong bữa sáng chứ? Chúng tôi có món pa tê hảo hạng. Bạn tôi khẳng định là rượu vang vùng Rhine của tôi ngon hơn bất kì loại nào họ có thể tìm thấy ở Sứ quán Đức.”

Khi Arthur còn chưa hết sửng sốt vì bị nhận ra, anh đã thấy mình đang ở phòng trong, nhâm nhi chai Marcobrunner trong một chiếc ly vàng nhạt được khắc những chữ lồng của hoàng gia và vô tư tán gẫu với tay hoạt động ngầm.

“Một chiếc đồng hồ chứa thuốc nổ không phải món hàng hay ho gì để xuất khẩu cả. Ngay cả khi qua mặt được Hải quan, thì vận chuyển bằng tàu hỏa cũng không an toàn, vì nó thường phát nổ trước khi đến nơi cần đến. Tuy nhiên, nếu ngài muốn có một quả để dùng riêng thì tôi sẽ hết sức đáp ứng và đảm bảo hiệu quả của nó làm vừa lòng ngài. Tôi có thể hỏi, món quà đó dành cho ai không? Nếu là ‘cớm’ hoặc ai đó dính đến Scotland Yard thì tôi sợ là không giúp gì ngài được. Thật ra, bọn mật thám Anh là bạn thân của tụi tôi. Tôi luôn tin rằng nhờ sự đàn độn của chúng, tụi tôi có thể làm những gì mình muốn. Tôi không muốn đánh động chúng.”

“Tôi cam đoan với ông là chuyện này chẳng can dự gì tới Scotland Yard cả. Quả bom đó dành cho Trưởng Giám mục Chichester.”

“Lạy Chúa tôi! Tôi không biết là ngài lại quan tâm tôn giáo đến vậy đấy, ngài Arthur. Ngày nay, rất ít thanh niên như thế.”

“Tôi e là ông đánh giá tôi quá cao rồi, ông Winckelkopf,” Arthur bối rối. “Thật ra, tôi chả hiểu gì về thần học cả.”

“Chỉ thuần túy là vấn đề cá nhân thôi à?”

“Hoàn toàn cá nhân.”

Winckelkopf nhún vai, đi ra ngoài và quay vào sau ít phút, cầm theo một bánh dinamit nhỏ, cỡ đồng xu pen ni và một cái đồng hồ Pháp nhỏ xinh trên có khắc bức tượng mạ vàng hình Nữ thần Tự do giẫm lên con rắn nhiều

đầu. Arthur như bừng tỉnh, thốt lên: “Đây chính là thứ tôi cần. Nói tôi nghe nó hoạt động ra sao?”

“À, đây là bí mật của tôi. Cho tôi biết, ngài muốn gửi nó đi lúc nào để tôi căn chỉnh thời gian.” Winckelkopf trả lời trong lúc ngẫm nghĩ kiệt tác của mình đầy vẻ tự hào.

“Được thôi, hôm nay là thứ Ba, nếu ông có thể chuyển nó ngay thì...”

“Không được. Tôi có nhiều việc quan trọng với vài người bạn từ Moscow tới. Để đến mai tôi gửi.”

“Nếu là tối mai hoặc sáng thứ Năm cũng được. Còn thời gian nổ là giữa trưa thứ Sáu. Trưởng Giám mục thế nào cũng ở nhà lúc ấy.”

“Thứ sáu, buổi trưa.” Winckelkopf nhắc lại rồi ghi chú vào một quyển sổ nằm trên bàn, cạnh lò sưởi.

“Thế tôi phải trả ông bao nhiêu?” Arthur hỏi.

“Chuyện nhỏ thôi mà. Tôi không quan tâm đến tiền nong. Thỏi dinamit là bảy si linh sáu xu, cái đồng hồ ba bảng một xu còn phí vận chuyển là năm si linh. Tôi rất hân hạnh giúp đỡ bạn của Bá tước Rouvaloff.”

“Thế còn tiền công, Herr Winckelkopf?”

“Không có gì, việc này là sở thích của tôi. Tôi làm việc không phải vì tiền mà vì nghệ thuật.”

Arthur để lại bốn bảng, hai si linh và một ít xu lẻ, cảm ơn gã người Đức trước khi nhã nhận khước từ lời mời gặp mặt mấy kẻ vô chính phủ vào hôm thứ Bảy tới, sau đó, anh rời đi và thẳng tiến đến Công viên.

Suốt hai ngày sau đó, Arthur vô cùng căng thẳng. Mười hai giờ trưa thứ Sáu, anh đến Buckingham và chờ tin. Người gác cổng bình thản dán những bản thông báo được dịch từ điện tín lên tường, bao gồm đủ thứ chuyện; kết quả đua ngựa, phán quyết ly hôn, tình hình thời tiết. Máy điện tín uể oải thuật lại chi tiết về cuộc họp thân đêm của Hạ viện, rồi một vụ xáo động nhỏ trên thị trường chứng khoán. Bốn giờ, các báo buổi chiều đã ra lò, Arthur lần vào thư viện với một đồng báo trên tay, nào là *Pall Mall*, *St. James's*, *Globe*

hay *Echo* trước sự tức giận của Đại tá Goodchild đang nóng lòng muốn đọc tin về bài diễn thuyết mà ông ta phát biểu ở dinh Thị trưởng sáng nay về chiến dịch ở Nam Phi và sự hợp lý phải có một Giám mục ngầm ở mỗi tỉnh ly; vì lẽ nào đó mà ông nhất định không thềm đặng đến tờ *Tin Chiều*. Không tờ báo nào đăng nổi một dòng về tu viện Chichester: Arthur linh cảm như công sức đổ bể. Đúng là một cú trời giáng khiến anh tối sầm mặt mày. Gã Winckelkopf mà anh gặp ngày hôm sau vô cùng xin lỗi và đề nghị tặng miễn phí cho anh một chiếc khác, hoặc thay bằng một quả bom nitroglycerin với giá ưu đãi. Nhưng Arthur không còn tin tưởng mấy thứ thuốc nổ đó nữa, còn Winckelkopf cũng công nhận là, thời buổi này mọi thứ có thể làm giả được, ngay cả thuốc nổ dinamit. Song, gã cũng thú nhận là máy móc có thể trục trặc, hoặc quả bom phát nổ chậm, ví dụ như quả bom phong vũ biểu mà gã gửi đến dinh Tư lệnh tại Odessa, vốn được cho là sẽ kích hoạt trong vòng mười ngày thì lại mất đến ba tháng. Thực tế, khi nổ thì quả bom chỉ giết chết cô hầu phòng, còn viên Tư lệnh đã đi công cán từ sáu tuần trước đó. Ít ra thì, vụ việc cũng chứng minh là thuốc nổ mạnh như dinamit khi kết hợp với máy móc dẫn đến hoạt động không đúng giờ. Huân tước Arthur có chút nguôi giận, nhưng vô cùng thất vọng. Hai ngày sau, khi đang lên gác thì bà Công tước gọi anh vào khuê phòng để cho anh xem bức thư mà ngài Tu viện trưởng mới gửi tới. Mẹ anh nói:

“Jane thường viết những bức thư thú vị. Con nên đọc bức mới nhất này, hấp dẫn không khác gì tiểu thuyết mà ông Mudie tặng chúng ta.”

Arthur nhận lá thư, nội dung như sau:

Tu viện Chichester

Ngày 27 tháng 5

Dì yêu quý;

Cảm ơn dì rất nhiều vì đã gửi vài bông và vài phan nen cho Hội Dorcas. Cháu hoàn toàn nhất trí với dì là không thể để họ mặc những thứ lòe loẹt như thế được. Nhưng thời buổi này, dường như ai cũng chuộng lỗi

nghe cấp tiến mà bất kính với tôn giáo. Khó mà làm cho họ hiểu là không nên ăn vận như quý tộc. Cháu không biết rồi chúng ta sẽ đi về đâu. Như lời cha cháu hay nói trong lúc thuyết pháp, thì chúng ta đang sống trong thời đại không có đức tin.

Chúng cháu rất thích chiếc đồng hồ của một con chiên vô danh nào đó gửi tặng hôm thứ Năm vừa rồi, từ London chuyển đến, trong một cái hộp gỗ và cước vận chuyển đã được thanh toán. Cha cháu cho là người gửi chắc hẳn đã đọc bài thuyết giảng đáng nhớ của ông ấy với chủ đề Sự phóng túng có phải tự do không? Trên đỉnh chiếc đồng hồ là tượng một người nữ đội chiếc mũ tự do¹⁰. Ban đầu cháu thấy cái mũ chẳng ăn nhập với bức tượng, song cha cháu bảo đây là một biểu trưng mang ý nghĩa lịch sử, nếu vậy thì cháu cũng không có ý kiến gì. Parker mở chiếc hộp để cha cháu đặt chiếc đồng hồ lên mặt lò sưởi trong phòng làm việc. Chúng cháu ở đấy cả buổi sáng thứ Sáu. Rồi khi kim đồng hồ chỉ mười hai giờ cháu nghe thấy một âm thanh lạ, từ chân bức tượng một làn khói bốc lên, Nữ thần Tự Do đổ xuống, đập vào thanh chắn lò sưởi đến gây cả mũi. Cảnh tượng thật khôi hài, Maria hoảng hốt trong khi cháu và James ôm bụng cười, cha thì có vẻ như cũng được một màn gây cười nho nhỏ. Lúc xem kỹ cái đồng hồ, chúng cháu phát hiện ra, đó là loại đồng hồ báo thức. Chỉ cần đặt giờ thêm một ít thuốc súng vào một cái nắp để dưới cần gạt thì nó sẽ nổ bất cứ lúc nào dè muốn. Cha cháu không cho để nó trong thư phòng vì nó làm ồn nên Reggie mang nó tới lớp. Chẳng việc gì cả, nhưng cả ngày hôm đó có những tiếng nổ lách tách. Dì có nghĩ là Arthur thích món quà cưới như thế không? Cháu đoán là nó sẽ gây sốt ở London. Cha cháu bảo người ta sẽ làm những thứ như thế khi họ muốn chứng minh rằng, tượng Nữ thần Tự Do không thể đứng mãi được mà sẽ sụp đổ. Ông nói Tự Do đã được sáng tạo ra từ thời Cách mạng Pháp cơ đấy, thật kinh khủng không chứ!

Bây giờ cháu chuẩn bị đến Hội Dorcas đây, cháu sẽ đọc cho họ nghe bức thư bố ích của dì, về ý tưởng để cho họ mặc những trang phục không hợp với họ. Cháu phải nói là thật buồn cười, vì họ để tâm đến chuyện ăn mặc trong khi còn nhiều điều khác quan trọng hơn. Cháu rất thích bộ đồ pò

pơ lanh thêu hoa mà dì gửi, vì đẳng ten của nó rất chắc chắn. Cháu sẽ mặc bộ xa tanh màu vàng mà dì tặng hôm thứ Tư, ở tu viện. Cháu đoán chắc sẽ đẹp lắm. Dì có nơ không ạ? Jennings bảo là thời buổi này ai cũng cặp nơ, còn váy trong thì thêu diềm đẳng ten. Reggie lại gây ra một vụ nổ nữa nên cha cháu bắt chuyển cái đồng hồ ra chuồng ngựa. Cháu nghĩ là ông không còn thích như lúc đầu nữa dù ông rất vui vì nhận được thứ đồ chơi xinh xắn và tinh xảo như thế. Chứng tỏ là có người đã đọc bài thuyết giảng của ông và thấy nó có ích.

Cha và chúng cháu gửi dì những yêu thương ngọt ngào nhất, mong bệnh gút của chú Cecil thuyên giảm.

Cháu yêu của dì!

Jane Percy

Tái bút: Dì nhớ kể cho cháu về những chiếc nơ nhé. Jennings cứ khẳng định là như thế mới hợp thời trang.

Arthur tỏ ra thất vọng và căng thẳng sau khi đọc xong bức thư, còn mẹ anh thì lăn ra cười.

“Con yêu, mẹ sẽ không cho con xem thư của một thiếu nữ như thế nữa đâu. Nhưng biết nói sao về cái đồng hồ nhỉ? Mẹ cho đó là một món đồ chơi thú vị. Mẹ cũng muốn một cái.” Bà Công tước nói.

“Con không nghĩ nhiều về chuyện ấy.” Arthur đáp lời, gượng cười, rồi hôn mẹ trước khi rời đi. Trở về phòng, Arthur ngã vật xuống xô pha, nước mắt tuôn trào. Anh đã cố hết sức để gây ra một vụ mưu sát, nhưng cả hai lần đều thảm bại mà chẳng làm được gì cả. Anh đã cố hoàn thành trách nhiệm, nhưng số phận như quay lưng lại với anh. Tâm tư của anh lúc nào cũng bị ám ảnh bởi sự khô khan của lòng hướng thiện và sự tuyệt vọng trong nỗ lực làm điều đúng đắn. Có lẽ, tốt hơn cả là hủy hôn. Dĩ nhiên là Sybil sẽ đau khổ, nhưng đau khổ thế nào cũng không làm hoen ố phẩm giá thanh cao của nàng. Còn với anh thì có thể có chuyện gì cơ chứ? Mỗi người luôn phải trải qua những cuộc tranh đấu và hi sinh vì những chân lý nào đó, nên khi không

còn lẽ sống nữa thì cái chết có gì đáng sợ đâu. Hãy để số phận quyết định vận mệnh của anh, và nhẹ gánh cho Sybil.

Đến bảy giờ rưỡi, Arthur vận y phục để tới câu lạc bộ. Surbiton đang tiệc tùng ở đó với đám bạn, nên lẽ dĩ nhiên Huân tước Arthur cũng phải có mặt để cùng yến ẩm. Những chuyện vô vị, vài trò tán gẫu nhạt nhẽo không làm anh bận tâm. Ngay khi cà phê được mang ra, anh đã viện cớ có công chuyện để rời đi. Đến cửa, một người gác cổng đưa cho anh một bức thư của Winckelkopf. Hắn đề nghị anh ghé qua vào chiều mai để xem một cái ô đặc biệt, sẽ phát nổ ngay khi được mở ra. Đó là phát minh mới nhất, được gửi đến từ Geneva. Arthur xé nát bức thư vì anh đã tự nhủ sẽ không tiến hành thêm bất kì một thử nghiệm nào nữa. Rồi anh lang thang dọc bờ phía Bắc sông Thames. Anh ngồi hàng giờ bên bờ sông. Ánh trăng tựa như mắt chúa sơn lâm dần hiện ra xuyên qua làn mây dày đặc, những vì tinh tú tô điểm thêm cho không gian trống trải, giống như đám bụi vàng rắc lên mái vòm tím biếc. Một chiếc xà lan chậm chậm trên sông dập dềnh bởi những đợt sóng nhỏ. Bên đường ray, những chiếc đèn chuyển từ màu xanh sang màu đỏ, báo hiệu đoàn tàu chuẩn bị lăn bánh qua cầu. Một hồi lâu sau, tiếng chuông đồng hồ từ điện Westminster vọng tới điểm mười hai tiếng. Mỗi thanh âm ấy như làm cho màn đêm thêm rúng động. Rồi ánh đèn ray cũng tắt, chỉ sót lại độc một ngọn đèn đường le lói như viên ru bi treo trên cột buồm cao vút. Thành phố chìm dần vào bóng đêm tịch mịch.

Arthur cất bước lúc hai giờ sáng, sỏi chân hướng về Blackfriars. Quang cảnh thật huyền ảo, như một giấc mơ lạ lùng. Những ngôi nhà bên kia sông hiện rõ trên nền tối. Nói rằng ánh trăng bàng bạc và bóng đêm đã khuôn đúc nên một thế giới bí mật cũng không ngoa. Mái vòm đồ sộ của Nhà thờ Thánh Paul thoát ẩn thoát hiện giống như bọt bong bóng phía sau bức màn sương sẫm mờ.

Gần tới Tháp Cleopatra's Needle, Arthur nhìn thấy một người đang dựa vào chân tháp. Anh tiến lại gần để nhìn rõ hơn, một tia sáng lướt qua mặt người lạ kia. Đó là ông Podgers, thầy xem chỉ tay. Khuôn mặt béo phì, nhão

thịt, chiếc kính gọng vàng, nụ cười bệnh hoạn và cái miệng dâm dục ấy không lẫn vào đâu được.

Arthur dừng lại, một ý nghĩ lóe lên. Anh lén lút lén ra sau lưng người đàn ông, tóm lấy chân ông ta và hất xuống sông. Một tiếng rống lên chửi thề, nước bắn tung tóe và cuối cùng là sự lặng yên. Arthur lo lắng, nhưng chả có gì ngoài cái mũ chóp cao của kẻ kia đang xoay tròn trên xoáy nước. Cuối cùng thì nó cũng chìm ngấm theo mọi dấu tích của ngài Podgers. Thoáng chốc, anh như trông thấy một cái bóng đồ sộ xuất hiện phía cầu thang dẫn lên cầu. Một cảm giác kinh hoàng của sự thất bại ập đến, nhưng cái bóng chỉ là ánh sáng phản chiếu, nên khi mặt trăng hiện ra từ trong những đám mây, thì cái bóng biến mất. Arthur thở dài như trút được gánh nặng, anh gọi tên Sybil. Cuối cùng, anh đã thực thi được mệnh lệnh của số phận.

“Ông vừa đánh rơi cái gì à?” Một giọng nói bất ngờ vang lên từ phía sau.

Arthur quay lại, bắt gặp một viên cảnh sát cầm đèn, nhìn anh với ánh mắt dò xét.

“Không có gì quan trọng đâu, ngài cảnh sát.” Anh trả lời, gọi một chiếc xe ngựa, nhảy lên và bảo người đánh xe đến Quảng trường Belgrave.

Mấy ngày sau, anh liên tục bị giằng xé giữa hi vọng và sợ hãi. Có lúc, anh mong ông Podgers đi vào phòng, lúc khác lại cảm thấy số phận không thể bất công với anh như vậy được. Đã hai lần anh tìm đến địa chỉ của Podgers ở phố West Moon, nhưng không đủ can đảm để bấm chuông. Anh khao khát một xác tín chắc chắn, đồng thời cũng sợ hãi cái ngày nó gõ cửa.

Cuối cùng điều gì phải đến cũng đến. Khi Arthur đang dùng trà trong phòng hút thuốc của câu lạc bộ, uể oải nghe Surbiton tường thuật lại nhạc phẩm hài hước mới nhất tại rạp Gaiety, người bồi bàn xuất hiện với cả xấp báo. Arthur lựa tờ *St. James*, hờ hững lật giở từng trang cho đến khi dòng tí giọt gân đập vào mắt:

VỤ TỰ SÁT CỦA THẦY XEM CHỈ TAY

Thoạt trông, mặt anh như cắt không còn giọt máu song trong lòng một cảm giác kích động, rộn ràng âm âm trỗi dậy, anh bắt đầu đọc. Nội dung mẩu tin như sau: “Vào hồi bảy giờ sáng hôm qua, thi thể ông Septimus R. Podgers – thầy xem chỉ tay nổi tiếng – đã dạt vào bờ Greenwich, ngay trước Khách sạn Ship. Người đàn ông xấu số đã mất tích vài ngày trước đó và giới tướng số tỏ ra lo lắng cho sự an nguy của ông. Theo nhận định sơ bộ, nguyên nhân tự sát là do ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần tạm thời do làm việc quá sức. Kết quả giám định pháp y được đã được gửi về trưa nay. Ông Podgers vừa hoàn tất luận án chi tiết về chủ đề Bàn tay con người, sẽ sớm được phát hành, và được dự đoán sẽ thu hút sự quan tâm của dư luận. Nạn nhân sáu mươi lăm tuổi, không còn thân nhân.”

Arthur cầm theo tờ báo, lao ra khỏi câu lạc bộ trước sự ngỡ ngàng của người gác cổng dù rất cố gắng song cũng không ngăn được anh lại. Anh chạy một mạch tới khu Park Lane. Từ trên cửa sổ, Sybil ngỡ như đang trông thấy một vị sứ giả tới báo điềm lành. Nàng chạy xuống gặp anh, và khi mặt đối mặt, nàng biết có tin vui.

“Em yêu dấu, ngày mai chúng mình kết hôn đi!” Arthur thốt lên.

“Chàng ngốc của em! Sao phải vội vàng thế chứ, bánh cưới đã đặt đâu.” Nàng cất giọng mỉm cười qua hàng nước mắt.

Chương VI

Chỉ ba tuần sau, khi hôn lễ được cử hành, nhà thờ Thánh Peter chật kín những đoàn người ăn vận sang trọng, quý phái. Buổi lễ diễn ra dưới sự chúc phúc nồng nhiệt và một bài diễn giảng đầy ấn tượng của vị Trưởng giám mục Chichester; ai ai cũng công nhận là chưa từng thấy cặp nào xứng đôi hơn thế. Họ không chỉ là trai tài gái sắc mà còn vô cùng hạnh phúc. Huân tước Arthur chưa từng hối tiếc vì những gì phải chịu đựng để được ở bên phu nhân, còn tiểu thư Sybil trao cho phu quân tất cả những gì một người phụ nữ có thể dành cho người đàn ông của mình: Sự tôn kính, nét dịu dàng và tình yêu nồng thắm. Tình yêu của họ nằm ngoài sức tàn phá của mọi thực tế tàn khốc. Phước lành cho đôi uyên ương trẻ.

Mấy năm sau, khi đôi uyên ương đã có hai thiên thần nhỏ, phu nhân Windermere về thăm lại Tu viện Alton, một nơi cổ kính xinh đẹp, vốn là quà cưới ngài Công tước dành tặng con trai. Một chiều nọ, khi đang cùng Phu nhân Arthur hàn huyên dưới cây chanh trong vườn và ngắm nhìn lũ trẻ chơi trốn tìm, như những tia nắng tinh nghịch, thoắt ẩn thoắt hiện trên lối vào đầy hoa hồng, Phu nhân Windermere chợt nắm tay Phu nhân Arthur và hỏi:

“Cô đang sống hạnh phúc đấy chứ, Sybil?”

“Phu nhân tôn kính, chắc chắn là tôi rất hạnh phúc, còn bà?”

“Ta chẳng có lúc nào vui vẻ cả, Sybil ạ. Ta luôn thích những người được giới thiệu cho ta, song càng biết rõ về con người, ta lại cảm thấy mệt mỏi và chán ngán với họ.”

“Bây giờ của bà không làm bà vui ư, thưa phu nhân?”

“Ôi, không! Chúng chẳng đáng yêu được bao lâu. Ngay khi vừa cắt bờm chúng lập tức biến thành những con vật đần độn nhất trần gian. Và lại, nếu ta đối tốt với chúng thì chúng lại cư xử rất tệ với ta. Cô còn nhớ gã Podgers xấu xa không? Hẳn là kẻ lừa đảo khốn nạn. Tất nhiên là ta không thèm chấp nhận chuyện đó. Thậm chí, khi hắn hỏi vay tiền, ta cũng đưa cho

hắn. Nhưng ta không thể chịu được cái cách hắn yêu ta. Hắn làm ta thật sự căm ghét cái trò xem chỉ tay. Bây giờ ta thấy hứng thú với món thần giao cách cảm hơn.”

“Xin bà đừng lên án chuyện xem chỉ tay ở đây, vì đó là thứ duy nhất anh Arthur không muốn nghe người khác bôn cọt về nó. Tôi chắc là anh ấy rất nghiêm túc về chuyện này đấy.”

“Cô không định nói là Huân tước cũng tin vào chuyện này chứ?”

“Bà cứ hỏi anh ấy xem, anh ấy tới rồi kìa.”

Huân tước Arthur xuất hiện với một bó hoa hồng vàng trong tay cùng hai đứa con tíu tít.

“Huân tước Arthur!”

“Vâng, thưa Phu nhân.”

“Ngài có tin vào chuyện bói tay không?”

“Dĩ nhiên là có.” Anh mỉm cười.

“Nhưng tại sao?”

“Tôi mang ơn nó vì hạnh phúc cả đời mình.” Anh cất giọng nhẹ nhàng, thả mình trên chiếc ghế đan bằng liễu gai.

“Ngài Huân tước thân mến, rốt cuộc ngài mang ơn nó vì cái gì?”

“Chính là Sybil.” Anh đáp, đặt bó hoa hồng vào tay người vợ và nhìn sâu vào đôi mắt tím sẫm ấy.

“Thật vô lý!” Phu nhân Windermere thốt lên. “Ta chưa từng nghe chuyện vô lý thế này bao giờ.”

NGƯỜI MẪU TRIỆU PHÚ

MỘT GHI CHÉP VỀ SỰ NGƯỠNG MỘ

Nếu không giàu sang thì đừng nghĩ đến chuyện hành xử như một nhà Quý tộc. Thiên tình sử là đặc quyền của Quý tộc, không dành cho kẻ vô công rồi nghề. Kẻ áo vải nên thực tế và chấp nhận một cuộc sống bình thường, vì có sinh kế vẫn hơn là mơ mộng. Đó là sự thật phũ phàng của cuộc sống trong cái thời đại này, mà Hughie Erskine chưa từng nhận ra. Tội nghiệp Hughie! Về mặt trí tuệ mà nói, điều đó không quá quan trọng với bản thân anh. Anh chưa từng nói được một lời kiệt xuất hay ngu xuẩn trong đời. Nhưng bù lại, Hughie có vẻ ngoài ưa nhìn với mái tóc nâu xoắn tít, khuôn mặt trông nghiêm với những đường nét thanh tú cùng đôi mắt xám. Anh là mẫu đàn ông điển hình ngay cả với phái yếu. Anh cũng là người thành đạt về mọi mặt, ngoại trừ tiền bạc. Cha anh để lại cho con trai thanh gươm kỵ binh và mười lăm tập *Lịch sử chiến tranh trên bán đảo*. Hughie treo thanh gươm ngay trên chiếc gương treo tường, còn bộ sách được xếp trên giá, giữa hai cuốn *Cẩm nang của Ruff* và *Tạp chí Bailey*. Anh sống bằng khoản tiền trợ cấp hai trăm bảng một năm từ người dì già cả. Hughie đã trải đủ thứ nghề: Sáu tháng làm việc trên sàn chứng khoán, nhưng một tâm hồn bay bướm như anh biết làm gì ở nơi chỉ toàn những kẻ hung hãn và đầy toan tính như vậy? Anh từng buôn trà được lâu hơn một chút, nhưng rồi cũng sớm chán ngấy trà tuyết với trà đen. Rồi anh chuyển sang bán rượu Sherry¹¹ nguyên chất nhưng cũng chẳng khá khẩm gì hơn, vì rượu của anh quá nhạt. Cuối cùng anh chẳng làm gì nữa, đóng vai một thanh niên thất nghiệp tuần tú.

Mọi thứ trở nên tồi tệ hơn khi anh đem lòng yêu nàng Laura Merton, con gái một viên Thượng tá về hưu, người đã đánh mất khả năng kiềm chế cơn nóng giận, đồng thời để lại khả năng tiêu hóa thức ăn trong quãng thời gian đóng quân ở Ấn Độ. Laura đáp lại tình yêu của Hughie, và anh cũng

dâng cho nàng tất cả. Họ là cặp uyên ương đẹp đôi nhất London nhờ một tình yêu không vụ lợi. Cha nàng cũng mến anh, nhưng anh nào dám thừa đến chuyện đính ước. Ông vẫn thường nhủ: “Chừng nào con có mười ngàn bảng thì chúng ta sẽ nói về chuyện này, con trai.” Những lời đó nhấn chìm Hughie trong âu sầu, anh chỉ biết tìm niềm ủi an nơi Laura.

Một ngày nọ, trên đường đến nhà Laura ở khu Holland Park, Hughie gặp qua thăm người bạn thân Alan Trevor. Trevor là một họa sĩ. Thời buổi này họa sĩ nhiều như nấm sau mưa, nhưng Trevor còn là một nghệ sĩ, mà nghệ sĩ thì hiếm có hơn. Đối với Hughie, Trevor là một người bạn có phần kì quái và nhếch nhác với khuôn mặt tàn nhang cùng bộ râu đỏ bù xù. Song, một khi đã cầm cây cọ thì đó là một nghệ nhân thực thụ. Tác phẩm của anh luôn được công chúng săn lùng. Ngay từ khi vừa quen, anh chàng họa sĩ đã bị lôi cuốn bởi vẻ quyến rũ riêng của Hughie. Trevor vẫn thường nói: “Một họa sĩ chỉ nên quen biết những người đẹp và gốc nghệch, những người mang đến cho họ khoái cảm nghệ thuật khi chiêm ngưỡng và sự ngời ngời về trí tuệ khi hàn huyên. Những gã trai bảnh bao và những cô nàng đom đống chẳng phải đang điều khiển thế giới này sao, đó cũng là việc mà họ nên làm.” Dù nói vậy, khi càng thân nhau hơn, Trevor lại có thiện cảm với sự thông minh, tính sôi nổi, lòng khoan dung và sự táo bạo của Hughie. Vì lẽ đó, Hughie được đặc cách đón chào tại phòng tranh này.

Hughie bước vào phòng tranh của Trevor đúng lúc người bạn thân đang hoàn thiện những nét cuối cùng cho chân dung toàn thân kích thước thật của một người ăn xin. Một ông già đang đứng làm mẫu trên một cái bục ở góc phòng. Người đàn ông xác xơ, khắc khổ, khuôn mặt đầy những nếp nhăn như tấm da khô, và biểu cảm thê lương. Trên vai ông là một chiếc áo khoác nâu thô cũ, tả tơi và rách rưới; đôi ủng mòn vẹt vá vúi; một tay chống chiếc gậy xù xì còn tay kia giơ chiếc mũ nát bươm cầu xin chút bố thí.

“Thật không tin nổi, một người mẫu xuất sắc!” Hughie nói khê khi bắt tay bạn.

“Không tin nổi ư?” Trevor kêu lên hào hứng. “Tớ cũng nghĩ thế. Không phải ngày nào cũng gặp những người như thế này. Cả một công cuộc tìm

kiếm đấy bạn hiền ơi, một Velasquez sống! Hãy hình dung ra ông ta trong bản khắc của Rembrandt mà xem!”

“Ông già rách rưới này thật đáng thương. Trông ông ta mới khổn khổ làm sao. Nhưng tớ nghĩ, với giới họa sĩ các cậu, khuôn mặt ấy lại chính là cái phước của ông ta, phải không?” Hughie hỏi.

“Tất nhiên rồi, cậu có muốn thấy người ăn xin hạnh phúc tươi tỉnh bao giờ không?” Trevor đáp.

“Người ngồi làm mẫu cho cậu kiếm được bao nhiêu hả Alan?” Hughie cất tiếng trong lúc ngả người thoải mái trên tràng kỷ.

“Mỗi giờ một si linh.”

“Thế cậu bán tranh được bao nhiêu?”

“Bức này thì hai ngàn.”

“Hai ngàn bằng ấy hả?”

“Không, hai ngàn ghi nê. Họa sĩ, thi sĩ hay bác sĩ chỉ tiêu ghi nê thôi.”

“Ôi! Thế thì họ đáng được hưởng phần trăm từ số tiền bán tranh ấy chứ. Họ cũng làm việc vất vả đâu kém gì cậu.” Hughie vừa cười vừa thốt lên.

“Vô lý, vô lý quá. Tại sao ư? Thử so sánh việc vẽ tranh và đứng cả ngày trước giá vẽ xem. Cậu nói có vẻ có lý nhưng tớ khẳng định với cậu là, có những lúc nghệ thuật gần như đạt đến chân giá trị giống như lao động chân tay vậy. Nhưng thôi, nếu cậu không còn gì nói nữa thì cứ hút thuốc và yên lặng nhé, tớ đang bận lắm.”

Một lát sau, người giúp việc vào báo là thợ làm khung tranh có việc cần trao đổi với Trevor.

“Đừng đi đâu nhé, tớ quay lại ngay.” Trevor dặn.

Người ăn mày đáng thương tranh thủ nghỉ ngơi trên chiếc ghế gỗ sau lưng lúc Trevor vắng mặt. Ông ta trông tuyệt vọng và bất hạnh đến nỗi Hughie không thể cảm lòng mà cảm thấy thương cảm cho ông. Anh thò tay

vào túi, chỉ còn một đồng xô vợ ren¹² và ít xu lẻ. “Tội nghiệp ông lão,” Hughie thầm nghĩ, “ông ấy cần nó hơn mình, nhưng việc này cũng đồng nghĩa với hai tuần tới mình sẽ không được đi xe ngựa.” Rồi anh đi ngang qua chỗ ông ngồi, bỏ vào tay người ăn mày đồng xô vợ ren duy nhất của mình. Người ăn mày bừng tỉnh, thoáng gượng cười: “Đội ơn ngài, thưa Đức ngài.”

Bất chợt, Trevor bước vào khiến Hughie thoáng đỏ mặt vì hành động ban nãy, rồi anh liền cáo biệt ra về. Anh dành cả ngày bên Laura, nghe cô dụ dằng quả măng vì tính hào phóng của mình và rồi phải cuộc bộ về nhà.

Tối hôm đó, khoảng mười một giờ, Hughie dạo bước tới Câu lạc bộ Pallete và bắt gặp Trevor uống rượu trong phòng hút thuốc.

“Chào Alan, bức tranh của cậu xong chưa?” Hughie mở lời trong lúc chiêm một điệu thuốc.

“Xong và đóng khung rồi, ông bạn ạ. Cậu thật sự đã làm được một cuộc chinh phạt đấy! Ông già đó rất chú ý tới cậu. Tớ đã nói với ông ấy mọi điều về cậu: Cậu là ai, sống ở đâu, làm gì, ước mơ gì.” Trevor đáp.

“Bạn tôi ơi, có lẽ tớ sẽ thấy ông ấy đang ngồi chờ ở nhà khi quay về. Nhưng chắc là cậu đang giấu cợt tớ. Con người cùng khổ đó, tớ ước có thể giúp gì được ông ấy. Tớ thấy sợ khi phải nhìn bất cứ ai rơi vào cảnh khốn khổ bần cùng như thế. Tớ còn cả đồng y phục cũ ở nhà, cậu có nghĩ ông ấy sẽ nhận chúng không? Quần áo của ông ấy tơi tả thành từng mảnh rồi.” Hughie thốt lên.

“Nhưng như thế thì ông ấy sẽ sáng sủa hơn, mà tớ thì không vẽ ông ta trong bộ dạng như thế. Cái mà cậu gọi là tơi tả ấy, tớ lại gọi là nghệ thuật, còn cái mà cậu gọi là nghèo khó, tớ lại gọi là thơ mộng. Nhưng tớ sẽ nói lại với ông ta về đề nghị của cậu.”

“Nhưng mà Alan này,” Hughie nghiêm mặt lại và nói, “tâm hồn nghệ sĩ của các cậu thật tàn nhẫn.”

“Tâm hồn người nghệ sĩ chính là trí óc của họ,” Trevor trả lời. “Hơn nữa, việc của chúng tớ là nhận thức những gì chúng ta thấy chứ không phải

cải tạo những gì chúng ta biết. *À chacun son métier.*¹³ Thôi, nói cho tớ nghe Laura thế nào rồi. Ông người mẫu quan tâm đến cô ấy lắm đấy.”

“Cậu không định nói đã kể cho ông ta nghe về cô ấy chứ?”

“Tất nhiên tớ đã kể. Ông ấy biết hết rồi, từ ông Thượng tá lạnh lùng, tiểu thư Laura xinh đẹp đến món tiền mười ngàn bảng.”

“Cậu kể hết chuyện riêng của tớ cho cái ông già ăn xin ấy à?” Hughie gào lên một cách giận dữ.

“Bạn thân mến ơi, cái ông già ăn xin mà cậu nói đó là một trong những người giàu nhất châu Âu đấy. Ông ấy có thể mua cả London ngay ngày mai mà cũng không hết tiền đâu. Ông ấy có nhà ở khắp các thủ đô, ăn bằng đĩa vàng và nếu thích, có thể ngăn cản người Nga tham chiến,” Trevor vừa cười vừa nói.

“Cậu đang nói cái quái quỷ gì đấy?” Hughie sửng sốt.

“Tớ nói là, ông già cậu gặp hôm qua ở xưởng vẽ của tớ chính là Baron Hausberg. Đó là người bạn lớn nhất của tớ, mua và sưu tập hết tranh của tớ. Tháng trước, ông ta trả tớ một khoản tiền để vẽ ông ta thành ăn mày. *Que voulez-vous? La fantaisie d'un millionnaire!*¹⁴ Phải thừa nhận là, ông ấy thật uy nghi trong trang phục ăn mày, đúng hơn là trong trang phục của tớ. Những bộ cánh cũ ấy tớ sắm ở Tây Ban Nha.”

“Baron Hausberg! Lạy Chúa! Tớ đã bố thí cho ông ấy một xô vợ ren.” Hughie thốt lên với vẻ mặt tái mét, thả mình xuống ghế bành.

“Bố thí một xô vợ ren ư?” Trevor kêu lên và phá ra cười, “ông bạn thân mến của tôi ơi, không thể tin nổi. *Son affaire c'est l'argent des autres!*”¹⁵

“Đáng lẽ cậu phải nói với tớ trước để tớ không phạm sai lầm ngu ngốc ấy chứ hả, Alan?” Hughie giận dữ.

“Trước hết, Hughie ạ, tớ chưa từng nghĩ cậu lại hảo tâm tùy tiện như vậy. Nếu cậu bày tỏ lòng mến mộ với một người mẫu xinh đẹp nào đó, tớ còn hiểu được; đằng này cậu lại đi bố thí cho ông già làm mẫu rách rưới, ôi trời ơi! Vả lại, tớ thật sự không tiếp ai hôm nay nên khi cậu tới, tớ không

biết ông Hausberg có muốn xưng tên hay không. Cậu cũng thấy là khi đó ông ấy đang không bận phục trang thông thường còn gì,” Trevor giải thích.

“Chắc hẳn ông ấy coi tớ là thằng đàn,” Hughie lẩm bẩm.

“Không hẳn. Sau khi cậu về, ông ấy có vẻ khoái chí điều gì đó ra trò. Ông ấy cứ cười tùm tùm và xoa hai tay vào nhau. Lúc đầu, tớ không hiểu vì sao ông ta lại quan tâm đến cậu như vậy, nhưng bây giờ thì tớ đã hiểu. Ông ta xem đồng xô vợ ren của cậu là khoản đầu tư và sẽ trả lãi cho cậu sáu tháng một, và câu chuyện của cậu sẽ trở thành chủ đề thú vị sau bữa ăn tối của ông ấy từ nay đến rất lâu về sau.”

“Tớ đúng là gã khờ xui xẻo. Tốt nhất là tớ đi ngủ, còn cậu không được nói chuyện này với bất cứ ai đấy, Alan. Tớ không muốn đeo mo vào mặt,” Hughie càu nhàu.

“Vô lý. Hành động đó thể hiện lòng bác ái của cậu cơ mà, không việc gì phải phủ nhận. Hút điếu nữa đi rồi kể về Laura bao nhiêu tùy thích.”

Tuy thế, Hughie không nán lại mà về thẳng nhà, tâm trạng bực tức, bỏ lại sau lưng Alan ôm bụng cười.

Sáng hôm sau, trong lúc anh đang dùng điểm tâm thì người hầu đem tới một tấm danh thiếp, ghi: *Ông Gustave Naudin, đại diện của ngài Baron Hausberg*. “Mình đồ là ông ta đến để yêu cầu xin lỗi,” Hughie vừa tự nhủ vừa bảo người hầu mời khách vào.

Một người đàn ông đứng tuổi, đeo kính gọng vàng, tóc hoa râm xuất hiện, cất giọng lơ lớ chất Pháp: “Tôi được hân hạnh tiếp chuyện ngài Erskine phải không ạ?”

Hughie cúi chào.

“Ngài Baron Hausberg cử tôi đến. Ngài ấy...”

“Tôi xin ngài thay tôi gửi lời xin lỗi tới ngài ấy,” Hughie lắp bắp.

“Ngài Baron sai tôi đưa thư tới cho ngài.” Người đàn ông mỉm cười, đồng thời lấy ra một phong bì dán tem cẩn thận, bên ngoài đề dòng chữ:

Món quà cưới tặng ngài Hughie Erskine và tiểu thư Laura Merton, từ một ông già ăn xin, bên trong là một tấm séc trị giá mười ngàn bảng.

Khi đôi uyên ương thành hôn, ngài Baron phát biểu đôi lời tại bữa cơm thân mật, còn người phù rể, Alan Trevor, thì bình luận: “Người mẫu trở thành triệu phú thật hiếm thấy, nhưng triệu phú đi làm người mẫu còn hiếm có khó tìm hơn gấp bội.”

BÍ MẬT NHÂN SỰ

Một chiều nọ, đang ngồi nhâm nhi ly rượu Vermouth ở quán cà phê ngoài trời Café de la Paix¹⁶ và suy tư về nhịp sống xa hoa nhưng cũng không kém phần suy đồi của Paris, như một bức tranh toàn cảnh về niềm kiêu hãnh và cảnh bần hàn đang trải ra trước mắt, tôi nghe ai đó gọi tên mình. Ngoảnh lại, tôi chợt nhận ra Huân tước Murchison. Chúng tôi đã không gặp nhau ngót chục năm nay, kể từ hồi còn học đại học. Phấn khích vì cuộc gặp gỡ, chúng tôi bắt tay thật chặt. Chúng tôi là đôi bạn thân hồi ở Oxford. Tôi rất quý anh vì vẻ điển trai, sự sôi nổi và phong thái quý tộc. Chúng tôi vẫn thường nói đùa rằng, anh ấy sẽ là người bạn tốt nhất nếu không quá thẳng thắn trực ngôn, nhưng thực chất chúng tôi lại thật sự hâm mộ anh vì sự thẳng thắn đó. Giờ đây gặp lại, tôi thấy anh đã thay đổi khá nhiều, ở anh toát lên vẻ lo âu xen lẫn bối rối, đôi khi như thể đang trầm tư một điều gì đó. Tôi nghĩ, anh không phải mẫu người theo chủ nghĩa hoài nghi hiện đại. Huân tước Murchison là người ủng hộ nhiệt thành của đảng Bảo thủ, bên cạnh đó anh tin ở Kinh Torah cũng như anh tin vào Viện Quý tộc vậy, vì thế, tôi kết luận anh gặp vấn đề với phụ nữ nên dò hỏi xem anh đã lập gia đình chưa.

“Có lẽ tôi hiểu quá ít về đàn bà,” anh đáp.

“Gerald thân mến của tôi ơi, đàn bà là để yêu chứ không phải để hiểu,” tôi nói.

“Tôi không thể yêu người tôi không tin tưởng,” anh trả lời.

“Anh có bí mật gì đó phải không Gerald? Nói tôi nghe xem nào,” tôi giục

“Lên xe đi đâu đó đã,” anh bảo, “ở đây ồn quá. Ngoại trừ cỗ xe ngựa màu vàng còn lại chọn xe màu nào cũng được. Cỗ xe song mã màu xanh thẫm kia nhé, đừng đi chiếc khác.”

Phút chốc, chúng tôi đã ngồi xe xuôi xuống đại lộ hướng về phía nhà thờ Madeleine.

“Ta đi đâu đây?” Tôi hỏi.

“Bất cứ đâu cậu muốn,” anh đáp, “đến nhà hàng ở phố Bois đi, ta ăn tối ở đó rồi cậu kể tôi nghe chuyện của cậu.”

“Tôi lại muốn nghe chuyện của anh trước,” tôi nói. “Kể cho tôi cái bí mật của anh đi.”

Anh lấy trong túi ra một cái hộp da đựng ảnh với móc cài bằng bạc đưa cho tôi. Tôi mở ra. Bên trong là tấm hình một người phụ nữ, thân hình cao và mảnh dẻ, khuôn mặt đẹp như tranh với đôi mắt to lơ đãng cùng mái tóc để xõa. Nom nàng như một *nhà thông thái*, khoác chiếc áo lông lộng lẫy.

“Cậu nghĩ sao về khuôn mặt đó, có chân thật không?” Anh hỏi tôi.

Tôi ngắm nghía bức ảnh hồi lâu. Dường như khuôn mặt ấy ẩn giấu một bí mật nào đó, chỉ có điều tôi không biết bí mật ấy là tốt hay xấu. Vẻ đẹp của khuôn mặt người phụ nữ được nhào nặn từ những điều huyền bí, vẻ đẹp mà xét về phương diện tâm lý học, thì không thể là sự giả tạo được. Nụ cười phảng phất lướt nhẹ qua môi nàng đến nỗi không còn sót chút nào ngọt ngào trong đó.

“Này, cậu nói gì đi chứ,” anh nóng ruột thốt lên.

“Cô ấy là nàng Mona Lisa huyền bí khoác chiếc áo lông chồn,” tôi đáp. “Kể về nàng cho tôi nghe đi.”

“Không phải lúc này, ăn xong đi đã,” anh bắt đầu nói lảng sang chuyện khác.

Khi bồi bàn mang cà phê và xì gà ra, tôi nhắc Gerald về câu chuyện lúc trước. Anh đứng dậy, đi hai, ba vòng quanh phòng rồi lại thả mình xuống ghế bành và kể cho tôi câu chuyện này:

“Một chiều nọ, tôi đang đi trên phố Bond. Lúc ấy chừng năm giờ, một vụ tai nạn xe ngựa khủng khiếp xảy ra khiến đường phố tắc nghẽn. Không hiểu sao tôi lại chú ý tới một chiếc xe độc mã màu vàng bên lề đường. Khi

tôi lướt qua, chính khuôn mặt trong tấm ảnh anh thấy ban nãy đang nhìn ra. Tôi bị thu hút ngay lập tức. Cả đêm hôm đó lẫn những ngày tiếp sau, tôi không ngừng nghĩ về khuôn mặt ấy. Tôi lang thang ngược xuôi trên phố Row, đảo mắt quan sát từng chiếc xe ngựa và chờ đợi chiếc xe ngựa màu vàng nọ, nhưng vẫn không thấy bóng dáng *ma belle inconnue*¹⁷ đâu. Sau cùng, tôi lại nghĩ, có lẽ nàng chỉ là giấc mơ. Khoảng một tuần sau, tôi được mời tới ăn tối ở nhà phu nhân de Rastail. Bữa tối lẽ ra bắt đầu vào khoảng tám giờ, vậy mà đến tám giờ rưỡi chúng tôi vẫn đang ngồi chờ trong phòng khách. Mãi rồi gia nhân cũng mở cửa báo Phu nhân Alroy đến. Đó chính là người tôi đang tìm kiếm. Nàng bước vào thật chậm rãi như ánh trăng kiêu diễm cuộn mình trong lớp ren bạc, còn tôi sung sướng như phát điên vì có vinh hạnh dẫn nàng tới bàn tiệc. Vừa ngồi xuống, tôi đã ngây ngô bắt chuyện: ‘Tôi nghĩ là ta đã gặp nhau ở phố Bond cách đây ít lâu, thưa phu nhân.’ Nàng rất bối rối và đáp lại bằng giọng nhỏ nhẹ: ‘Xin đừng nói to như vậy, ai đó có thể nghe thấy ngài.’ Tôi cảm thấy thật hổ thẹn vì mới khởi đầu mà đã tệ hại như vậy nên đánh bạo chuyển chủ đề sang kịch nghệ Pháp. Nàng rất khiêm lời, giọng nói lúc nào cũng thủ thỉ tựa khúc nhạc trầm, như thể sợ ai đó nghe thấy. Tôi lại càng si mê nàng, si mê đến khờ dại, càng trở nên hiếu kì vì sự huyền bí bao quanh nàng. Chẳng mấy chốc sau bữa tối, nàng ra về và tôi không quên hỏi liệu tôi có thể gọi điện và hẹn gặp nàng được không. Nàng do dự, nhìn quanh xem có ai bên cạnh chúng tôi không trước khi đáp lời: ‘Được, chiều mai vào năm giờ kém mười lăm, thưa ngài.’ Tôi nài nỉ phu nhân de Rastail kể cho tôi về nàng, nhưng bà cũng chỉ biết nàng là một góa phụ sống tại một cơ ngơi tráng lệ trong khu Park Lane.

“Và khi những kẻ rồi việc bắt đầu xầm xì về người góa phụ nọ, coi đó như nỗi bất hạnh của hôn nhân, thì cũng là lúc tôi bỏ về.

“Ngày hôm sau, tôi đến khu Park Lane đúng giờ hẹn, nhưng quản gia cho biết là phu nhân Alroy đã ra ngoài. Tôi chán nản đi tới câu lạc bộ, lòng rối bời bời. Sau một hồi đắn đo rất lâu, tôi mới viết cho nàng một bức thư, mong nàng cho tôi một cơ hội nữa. Vài ngày trôi qua không chút hồi âm, sau đó tôi nhận được một mẫu giấy nhỏ, nói rằng nàng sẽ ở nhà lúc bốn giờ

chiều Chủ nhật, kèm theo dòng tái bút lạ lùng: ‘Làm ơn đừng viết thư cho tôi nữa, tôi sẽ giải thích khi gặp ngài sau.’ Nàng vẫn duyên dáng tuyệt trần khi gặp tôi vào Chủ nhật. Nhưng khi tôi chuẩn bị ra về, nàng nói với tôi là nếu có viết thư cho nàng thì hãy đề địa chỉ là: Gửi bà Knox, người quản lý Thư viện Whittaker, phố Green. ‘Vì một vài lẽ,’ nàng nói, ‘mà tôi không thể nhận thư của ngài tại nhà tôi được.’

“Rồi một mùa cũng qua đi, tôi được gặp nàng nhiều hơn song không vì thế mà bầu không khí huyền bí bao bọc quanh nàng tan biến mất. Thằng hoặc, tôi tưởng tượng rằng nàng là chú chim bị giam trong lồng của một nhân vật quyền lực nào đó, song lại thấy không đúng bởi ở nàng toát lên vẻ kiêu kì, xa cách. Cách diễn giải ấy cũng không thuyết phục được tôi. Tôi cảm thấy rất khó kết luận về nàng, nàng tựa một viên pha lê quý hiếm được trưng bày trong bảo tàng lúc thì lấp lánh rạng rỡ, khi lại như bị lớp sương che mờ. Cuối cùng tôi quyết định cầu hôn nàng. Tôi mệt mỏi đến phát ốm với cái bầu không khí đầy bí mật mà nàng liên tục bắt tôi phải chịu đựng mỗi lần ghé thăm hay viết thư cho nàng theo địa chỉ được hướng dẫn, để hỏi xem liệu nàng có muốn gặp tôi vào lúc sáu giờ chiều thứ Hai tuần tới hay không. Nàng chấp thuận và tôi như bay lên chín tầng mây. Tôi phát điên vì nàng, bất chấp những bí mật của nàng. Tôi chỉ nghĩ rằng, bí mật của nàng sẽ ra sao, rồi cuối cùng, tôi cũng sẽ biết thôi. Không, tôi yêu bản thân con người nàng. Bí mật của nàng không ngừng giày vò và làm điên loạn tâm trí tôi. Tại sao số phận lại trêu đùa tôi như vậy?”

“Rồi anh có khám phá được điều bí mật của nàng không?” Tôi thốt lên.

“Tôi e là thế. Cậu tự đánh giá nhé.” Anh đáp và kể tiếp:

“Như thường lệ, tôi thường ăn trưa với chú tôi vào thứ Hai, chừng bốn giờ tôi có mặt ở đường Marylebone. Mà cậu biết đấy, chú tôi sống ở Regent’s Park. Tôi muốn đến phố Piccadilly, rồi đi lối tắt qua hàng loạt con phố nhỏ tồi tàn. Bất chợt, tôi nhìn thấy Phu nhân Alroy ở phía trước, đội mũ có mạng che kín mặt và rào bước rất nhanh. Đến ngôi nhà cuối phố, nàng bước lên bậc cửa, mở khóa cửa và đi vào. ‘Bí mật đây rồi,’ tôi tự nhủ. Tôi vội bước tới và quan sát ngôi nhà. Nó giống nhà trọ, trên ngưỡng cửa vẫn

còn chiếc khăn tay mà nàng đánh rơi. Tôi nhặt lên và đút vào túi. Tôi bắt đầu suy tính xem nên làm gì. Tôi kết luận rằng, mình không có quyền dò xét nàng. Thế là tôi đi tới câu lạc bộ. Tôi ghé qua chỗ nàng lúc sáu giờ. Nàng nghỉ trên tràng kỷ mặc một chiếc váy dài ở nhà màu bạc, viền quanh bởi vòng dây đính đá mặt trắng, thứ trang sức mà nàng luôn đeo trên mình. Trông nàng thật diễm lệ. ‘Em rất mừng được gặp anh. Cả ngày nay em chẳng đi đâu cả,’ nàng mở lời. Tôi nhìn chăm chú vào mắt nàng với vẻ ngạc nhiên, rút trong túi ra chiếc khăn tay của nàng và đặt vào tay nàng. ‘Em làm rơi nó ở phố Cummor trưa nay, Phu nhân Alroy ạ.’ Tôi nói rất từ tốn. Nàng thẳng thốt nhìn tôi, nhưng không mấy may chạm tới chiếc khăn. ‘Em làm gì ở đó thế?’ tôi hỏi. ‘Anh có quyền gì mà hỏi em như thế?’ nàng đáp lại. ‘Quyền của người yêu em. Anh đến cầu hôn em.’ Nàng lấy tay che mặt và bật khóc. ‘Em phải nói với anh,’ tôi tiếp tục. Nàng đứng dậy, nhìn thẳng vào tôi và nói: ‘Huân tước Murchison, em chẳng có gì để nói với anh cả.’ Tôi hét lên: ‘Em đến gặp ai đó. Đây là bí mật của em phải không?’ Nàng sửng sốt, khuôn mặt dần trở nên trắng bệch: ‘Em chẳng đi gặp ai cả.’ ‘Em không nói thật với anh được sao?’ tôi thốt lên và nhận được câu trả lời: ‘Em đã nói sự thật với anh rồi.’ Tôi thấy máu trong người sôi lên, không nhớ tôi đã nói gì, chỉ biết rằng đó là những điều thật kinh khủng. Rốt cuộc, tôi lao ra khỏi căn nhà. Hôm sau, nàng viết thư cho tôi, nhưng tôi thậm chí còn chẳng thèm bóc ra xem mà cứ thế gửi trả lại, rồi khởi hành đi Na Uy với Alan Colville. Một tháng sau tôi quay về. Thứ đầu tiên đập vào mắt tôi trên tờ *Bưu điện buổi sáng* là tin Phu nhân Alroy từ trần. Phu nhân bị cảm lạnh khi đi xem nhạc kịch và qua đời năm ngày sau đó vì chứng sung huyết phổi. Tôi ở lì trong phòng, không gặp bất cứ ai. Tôi đã yêu nàng biết bao, yêu đến điên dại. Lạy Chúa, tôi yêu nàng như thế đó.”

“Anh đã tới ngôi nhà cuối phố đó, phải không?” Tôi hỏi.

“Phải.” Anh hờ hững. “Một ngày nọ, tôi đã đến phố Cumnor. Tôi không dừng lại được, nổi hoài nghi ấy tra tấn tôi. Tôi gõ cửa, một người phụ nữ đáng kính ra mở. Tôi hỏi bà ta có còn phòng cho thuê không. Bà ấy nói: ‘Còn đấy, thưa ngài. Mấy cái phòng khách đã có người đặt, nhưng ba tháng

nay tôi không thấy người phụ nữ đến thuê, tiền thuê thì chưa trả nên ngài có thể thuê lại.’ ‘Người phụ nữ mà bà nói có phải người này không?’ tôi hỏi và chỉ vào tấm ảnh. ‘Chính là bà ấy đấy, không thể nhầm được. Bao giờ bà ấy quay lại, thưa ngài?’ người phụ nữ thốt lên. ‘Bà ấy mất rồi,’ tôi nói. ‘Ôi lạy Chúa, bà ấy là vị khách hào phóng nhất với tôi. Bà ấy trả tôi ba ghi nê một tuần chỉ để được ngồi trong phòng khách của tôi,’ người phụ nữ than thở. ‘Thế bà ấy có gặp ai ở đây không?’ tôi hỏi, nhưng người phụ nữ kia đã cam đoan với tôi, quý bà kia không gặp ai cả và luôn đi một mình. Tôi gào lên: ‘Cô ấy làm gì ở đây cơ chứ?’ Người đàn bà chậm rãi giải thích: ‘Thưa ngài, bà ấy chỉ đơn giản là ngồi trong phòng khách, đọc sách và đôi lúc nhấp một ngụm trà.’ Tôi không biết nói gì nữa, tôi đưa cho người phụ nữ kia một đồng xô vợ ren trước khi quay gót. Giờ thì cậu nghĩ xem, toàn bộ câu chuyện này có nghĩa lý gì? Cậu có tin vào người phụ nữ kia đã nói thật không?”

“Tôi tin.”

“Thế tại sao nàng lại lui tới đó?”

“Bạn của tôi ời,” tôi trả lời, “đơn giản là Phu nhân Alroy bị ám ảnh bởi những câu chuyện bí mật. Cô ấy thuê những căn phòng đó để tận hưởng cảm giác đi ra ngoài một cách kín đáo, tưởng tượng mình là nhân vật nữ chính trong câu chuyện đó. Cô ấy thích sự bí ẩn, nhưng bản thân cô ấy lại là một bức tượng nhân sư chẳng ẩn chứa bí mật nào cả.”

“Cậu nghĩ thế thật sao?”

“Đương nhiên,” tôi quả quyết.

Anh lấy ra chiếc hộp da, mở nắp và ngắm nhìn bức chân dung, cuối cùng anh nói: “Tôi cũng không biết nữa.”

CON MA CỦA DÒNG HỌ CANTERVILLE

Chương I

Khi ông Hiram B. Otis, ngài Công sứ người Mỹ, mua trang viên Canterville, mọi người đều bảo ông đó là một hành động cực kì ngu xuẩn, vì hiển nhiên đó là một tòa lâu đài bị ma ám. Ngay cả Ngài Canterville, một người đàn ông đầy lòng tự trọng và kĩ tính cũng thấy mình phải có trách nhiệm nói chuyện này với ông Otis khi họ bàn thảo về hợp đồng.

“Chúng tôi cũng không muốn sống ở đây,” Ngài Canterville nói, “từ lúc bà cô của chúng tôi là nữ Công tước Dowager xứ Bolton trải qua một phen kinh sợ hết vía khi bị hai bàn tay xương khô quàng qua vai lúc bà chuẩn bị phục trang cho bữa tối. Đến giờ bà vẫn chưa hoàn hồn được. Tôi thấy cần phải báo cho ngài biết, ngài Otis ạ, đã có rất nhiều thành viên của gia đình tôi trông thấy hồn ma ở đây, cả ngài mục sư của giáo xứ lẫn Đức cha Augustus Dampier, Viện sĩ trường Đại học Hoàng Gia Cambridge. Sau sự vụ đáng tiếc với bà Công tước, chẳng còn một người hầu trẻ tuổi nào chịu ở lại với chúng tôi nữa cả. Phu nhân Canterville cũng thường hay mất ngủ vì những tiếng động kì bí phát ra từ hướng hành lang và trong thư viện.”

“Thưa ngài,” ông Otis trả lời. “Tôi sẽ xem đồ nội thất cùng với hồn ma kia là món hoa hồng đáng giá. Tôi đến từ một đất nước hiện đại, nơi mà mọi thứ đều có thể mua bằng tiền; và những gã trai trẻ trung sôi nổi của chúng tôi, những người đã làm náo loạn cái thế giới cũ, đã chiếm đoạt hết những cô đào nổi tiếng lẫn các nữ danh ca ô pê ra của các ngài, giả như, có thứ gì đó được gọi là ma ở Âu châu này, có lẽ chúng tôi cũng sẽ chẳng giữ nó được trong nhà bao lâu mà phải đưa thẳng vào bảo tàng công cộng hoặc đem nó ra đường trình diễn thôi.”

“Tôi e rằng hồn ma thực sự tồn tại đấy,” Huân tước mỉm cười nói, “mặc dù chuyện đó có thể sẽ ngăn cản tiết mục mở màn của những ông bầu can đảm nhất ở chỗ ngài. Hồn ma này đã nổi đình đám suốt ba thế kỷ nay, từ tận năm 1584, và rồi nó luôn xuất hiện trước khi một thành viên nào đó trong gia đình chúng tôi qua đời.”

“Ồ, nếu vậy thì lại là vấn đề y học rồi, thưa ngài. Nhưng chắc chắn không thể tồn tại những thứ như thế, kiểu như là hồn ma, tôi đoán rằng quy luật tự nhiên cũng không có biệt đãi nào cho tầng lớp Quý tộc Anh quốc cả.”

“Hẳn nhiên ông là một người Mỹ rất am hiểu tự nhiên rồi,” Huân tước Canterville trả lời dù không hiểu rõ ý nghĩa câu nói cuối cùng của ông Otis, “và nếu như ngài không ngại khi có một hồn ma trong nhà thì mọi chuyện đều ổn cả. Nhưng hãy nhớ những điều tôi đã cảnh báo nhé.”

Vài tuần sau, vụ mưa bán hoàn tất. Đến cuối mùa hè, ngài Công sứ và gia đình chuyển xuống Canterville. Bà Otis, tên thời con gái là Lucretia R. Tapan, sống tại phố 53 khu Tây, là một người đẹp nổi tiếng ở New York, giờ đã trở thành một mệnh phụ phu nhân trung niên kiêu diễm với đôi mắt ưa nhìn và nét mặt thanh tú. Rất nhiều quý bà người Mỹ sau khi rời khỏi cố quốc đều pha trộn vẻ xanh xao, yếu ớt vì ấn tượng rằng đó mới là tiêu chuẩn về cái đẹp ở châu Âu nhưng bà Otis không bao giờ sa vào sai lầm đó. Bà vẫn giữ vẻ ngoài lộng lẫy với không ít khí chất hoang dã tuyệt vời. Thật ra, xét ở nhiều điểm, bà mang nhiều vẻ Anh quốc và là một ví dụ xuất sắc cho sự thật rằng giữa Anh và Mỹ ngày nay có rất nhiều điểm tương đồng, ngoại trừ vấn đề ngôn ngữ, tất nhiên rồi. Con trai cả của bà, được đặt tên thánh là Washington trong một khoảnh khắc ái quốc bất ngờ của đấng sinh thành mà chưa lúc nào anh ấy thôi nuối tiếc, là một chàng trai trẻ tuổi với mái tóc nhạt màu, vẻ khá ưa nhìn. Anh là hiện thân của một người Mỹ dân chủ điển hình khi đã dẫn trước những người Đức tại sông bài Newport trong ba mùa thành công, và ngay tại London này, anh cũng nổi danh là một tay khiêu vũ xuất sắc. Lòng kiên nhẫn và phong thái quý tộc là điểm yếu duy nhất của anh. Anh còn hơi quá nhạy cảm nữa. Tiểu thư Virginia E. Otis là một cô gái mười lăm tuổi, nhỏ bé và đáng yêu như một chú nai con mắt to xanh khoáng đạt. Cô là một nữ tướng tuyệt vời đã từng đua cùng Huân tước Bilton hai vòng công viên trên chú ngựa pô ni, thắng ông ta cả một vòng đua rượt ngay trước bức tượng Achilles khiến cho Công tước Cheshire si mê ngỏ lời cầu hôn cô ngay tắp lự và đêm hôm đó được các vệ sĩ hộ tống về Eton với nước mắt giàn giụa. Sau Virginia là đến một cặp song sinh, hay được gọi là “Sao và

Sợ”¹⁸ vì lúc nào hai cậu cũng là một cặp bài trùng âm ỉ. Đó là hai cậu bé rất thú vị, ngoại trừ điểm ngài Công sứ tin rằng đó là hai thành viên đảng Cộng hòa duy nhất của gia đình.

Canterville cách Ascot, ga tàu lửa gần nhất đến bảy dặm, nên bà Otis đã đánh điện báo trước cho người hầu mang xe ngựa bốn bánh đến đón họ. Cả gia đình bắt đầu chuyển đi với tinh thần phấn khởi. Đó là một buổi tối tháng Bảy dễ chịu, bầu không khí tràn ngập hương thơm nhẹ nhõm từ khu rừng thông. Thảng hoặc, họ nghe thấy tiếng hót ngọt ngào của những con chim bồ câu rừng đang ấp trứng hoặc nhìn thấy sột soạt sau những bụi dương xỉ là bộ ực bóng loáng của một con gà lôi đỏ. Những con chồn nhỏ giương cặp mắt nhìn họ đi qua từ những cành sồi và những chú thỏ rừng chạy thẳng qua những bụi rậm và mấy gò đất phủ đầy rêu ẩm, đôi tai trắng bay phần phật. Khi cả gia đình đến con đường dẫn tới tòa lâu đài Canterville bầu trời bỗng dừng tối sầm lại và có một sự tĩnh lặng đáng sợ thấm đẫm bầu không khí. Một đám quạ đen bay lặng lẽ trên đầu họ và trước khi đến được lâu đài, những hạt mưa to và nặng đầu tiên lộp bộp rơi xuống.

Đứng ngoài thềm cửa đón họ là một người đàn bà đứng tuổi, mặc bộ váy bằng lụa đen gọn gàng, đội mũ và đeo tạp dề màu trắng. Đó là bà Umney, quản gia của lâu đài, được bà Otis giữ lại nguyên vị trí theo lời yêu cầu tha thiết của bà Huân tước Canterville. Bà Umney khẽ cúi đầu chào từng người và nói bằng giọng cũ kĩ là lạ: “Xin được đón chào cả gia đình đến lâu đài Canterville.” Gia đình ông Otis đi theo bà quản gia qua sảnh lớn vào thư viện của tòa lâu đài. Đó là một căn phòng dài và thấp, ốp gỗ sồi đen, với một khuôn cửa kính ám bẩn rất rộng cuối phòng. Những tách trà đã được bày sẵn. Sau khi tháo bỏ các tấm phủ, họ ngồi xuống và nhìn ngắm xung quanh dưới sự phục vụ của bà Umney.

Bỗng nhiên, bà Otis nhìn thấy một vết bẩn màu đỏ trên sàn nhà ở gần lò sưởi và không chắc lắm vết bẩn đó là gì, bà nói với bà Umney. “Tôi e rằng có thứ gì đó đã bị đổ ở đây.”

“Vâng, thưa bà.” Người giữ nhà lớn tuổi nói với tông giọng thấp, “đó là máu ạ.”

“Thật là tệ hại.” Bà Otis nói. “Tôi không muốn có bất kì một vết máu nào trong căn phòng này. Nó phải được tẩy đi ngay.”

Người phụ nữ già mỉm cười và trả lời vẫn với tông giọng thấp và đầy huyền bí. “Đó là máu của Quý bà Eleanor de Canterville, người đã bị sát hại tại ngay chỗ đó bởi chồng của bà, Quý ông Simon de Canterville, vào năm 1575, ông Simon đã biến mất trong một câu chuyện bí ẩn chín năm sau đó. Ông ta chưa bao giờ được tìm thấy, nhưng hồn ma của ông ta vẫn ám lâu đài này. Vết máu đó bây giờ là điểm thu hút du khách và nó không thể tẩy đi được.”

“Điều đó thật vô lý,” Washington Otis, lên tiếng, “chỉ cần sử dụng thuốc tẩy xóa vết bẩn là nó sẽ biến mất thôi.” Và trước cặp mắt kinh hãi của người quản gia, anh quỳ trên sàn, nhanh chóng cọ sàn nhà với một ít hóa chất màu đen. Vết máu biến mất chỉ vài giây sau đó.

“Tôi biết chắc thuốc tẩy sẽ có công dụng mà,” anh vừa kết luận vẻ đắc thắng, vừa đưa mắt nhìn gia đình mình, nhưng ngay khi vừa nói hết câu thì một tia chớp khủng khiếp làm sáng cả căn phòng và một tiếng sấm đáng sợ khiến tất cả mọi người bật dậy. Bà Umney ngất xỉu tại chỗ.

“Thời tiết thật quái dị quá!” ngài Công sứ điềm đạm lên tiếng, chiêm một điệu xì gà. “Tôi nghĩ đất nước già nua này bị quá tải dân số đến mức không có nổi khí hậu tử tế cho mỗi người. Tôi vẫn nghĩ rằng sự di cư là giải pháp duy nhất cho nước Anh.”

“Anh Hiram,” bà Otis kêu lên, “chúng ta biết làm gì với người phụ nữ ngất xỉu này?”

“Cứ để bà ta tự hồi lại,” ngài Công sứ trả lời, “bà ấy sẽ không ngất nữa đâu.”

Một lát sau, bà Umney quả nhiên tỉnh lại nhưng rõ ràng đang rất lo lắng. Bà quản gia già nghiêm nghị báo ông Otis về những rắc rối chắc chắn sẽ đến với ngôi nhà.

“Tôi đã tận mắt chứng kiến mọi thứ, thưa ngài,” bà nói, “nó khiến cho những người Thiên chúa giáo cũng phải dựng đứng cả tóc. Đã rất nhiều, rất

nhiều đêm tôi không chợp mắt nổi vì những điều kinh khủng đang diễn ra ở đây.”

Thế nhưng, ngài Otis và vợ vẫn nhiệt thành đảm bảo rằng họ không hề sợ ma. Sau khi cầu nguyện Thượng đế phù hộ cho ông bà chủ mới và thỏa thuận mức tăng lương, bà quản gia già lão đảo lui về phòng riêng của mình.

Chương II

Trận bão trút cơn thịnh nộ suốt đêm nhưng không có thêm chuyện gì ghê rợn xảy ra nữa. Thế mà sáng ngày hôm sau, khi cả gia đình ngài Otis xuống nhà ăn sáng họ thấy vết máu ghê rợn kia lại ở trên sàn nhà. “Chắc không phải lỗi của thuốc tẩy đâu,” Washington nói, “vì con đã cố thử lau bằng mọi thứ rồi mà. Hẳn là bị ma ám.” Chàng trai cố gắng cọ sạch vết máu đó lần nữa, nhưng buổi sáng tiếp theo nó lại xuất hiện. Sáng ngày thứ ba, nó vẫn quay lại, cho dù đêm hôm trước, chính tay ngài Otis đã khóa cửa phòng thư viện lại rồi mang chìa lên gác. Cả gia đình có vẻ thích thú với việc này; Ngài Otis bắt đầu nghi ngờ rằng mình có võ đoán quá không khi phủ nhận sự tồn tại của những hồn ma. Bà Otis thì bảo muốn tham gia một lớp Tâm lý học xã hội, và Washington cũng đang soạn một lá thư dài gửi ngài Myers và Podmore với chủ đề *Những vết máu tồn tại lâu dài khi liên quan đến Tội ác*. Nhưng rồi đêm nọ, những nghi ngờ của họ về sự tồn tại của ma quỷ cuối cùng cũng đã được xóa nhòa.

Đó là một ngày nắng; khi chiều xuống, trời bắt đầu mát mẻ trở lại, cả gia đình đánh xe ra ngoài đi dạo. Đến chín giờ tối, họ mới quay về và dùng bữa nhẹ. Quanh đi quẩn lại thì cuộc nói chuyện cũng vẫn xoay về chủ đề ma quỷ vậy nên những kì vọng lý giải được những chuyện này cũng không mấy may đủ điều kiện hình thành, và vì thế rất dễ dẫn đến những hiện tượng tâm lý kì quặc. Chủ đề được thảo luận lúc này thật khác xa với văn hóa của tầng lớp thượng lưu Mỹ mà ngài Otis vẫn thường dùng bấy lâu nay, như là cô đào Fanny Davenport đã chiếm ưu thế đến đâu với Sarah Bernhardt, hay thật khó khăn để kiếm được ngũ cốc xanh, bánh kiêu mạch, bánh ngô ngay cả trong những ngôi nhà Anh kiểu cách nhất; hoặc tầm quan trọng của Boston trong sự phát triển tâm linh thế giới; rồi thì ưu điểm của hệ thống kiểm tra hành lý trên tàu hỏa, hoặc sự ngọt ngào trong chất giọng kiểu Mỹ so sánh với giọng kiểu Anh lẽ nhè thì ra sao. Không một chủ đề nào liên quan đến những hiện tượng siêu tự nhiên hay bóng gió gì đến ngài Simon của lâu đài Canterville. Khi đồng hồ điểm mười một giờ, cả gia đình lên giường đi ngủ và nửa tiếng

sau thì đèn đóm trong nhà đều tắt hết cả. Một lát sau đó, ông Otis bị đánh thức bởi những tiếng động kì lạ ở hành lang, bên ngoài phòng. Nghe như tiếng kim loại xúng xểng càng ngày càng gần. Ông Otis đứng dậy và nhìn đồng hồ. Bây giờ là một giờ đúng. Ông Otis vẫn giữ im lặng, hơi cảm thấy hồi hộp nhưng không hề sợ hãi. Tiếng leng keng vẫn tiếp tục kèm theo tiếng bước chân nặng nề. Ông Otis mang dép vào, rút một chiếc hộp vuông ra khỏi tủ áo rồi đi ra mở cửa. Ngay đó, trước mặt ông, dưới ánh trăng nhợt nhạt là một lão già với bộ dạng khủng khiếp. Đôi mắt lão ta đỏ như than hồng, mớ tóc xám rối bù thả xuống vai, bộ quần áo cổ xưa cẩu thả tả tơi, trên cổ tay và mắt cá chân là những chuỗi dây xích nặng nề.

“Thưa ngài,” ông Otis nói, “tôi chắc chắn ngài cần tra dầu những sợi dây xích đó nên đã mang cho ngài một chai dầu Tammany Rising Sun Lubricator đây. Mọi người bảo chỉ cần tra một lần là hiệu quả ngay và nó cũng đã có được vài chứng nhận từ những cơ sở uy tín nhất của đất nước tôi. Tôi sẽ đặt nó cạnh cây nệm trong phòng ngủ, và rất hân hạnh được gửi cho ngài nếu ngài cần thêm.” Nói xong, ngài Công sứ Mỹ đặt cái chai xuống, đóng cửa phòng lại và quay trở lại giường ngủ.

Hồn ma của lâu đài Carterville đứng lặng một lúc đầy giận dữ, rồi lão thô bạo hất thẳng chai dầu ra sàn, bay xuống hành lang, găm lên phần nộ, bắn ra những tia sáng xanh lè. Thế nhưng vừa đến được bậc trên cùng của cầu thang thì cánh cửa bật mở, cặp song sinh xuất hiện ném thẳng một cái gối to vào trúng đầu lão! Không chần chừ thêm chút nào, hồn ma vội vàng chuồn qua những bức tường biến mất dạng, và tòa lâu đài lại trở về sự im ắng của nó.

Khi về tới căn phòng nhỏ bí mật ở cánh trái của tòa lâu đài, hồn ma tựa lưng vào ánh trăng thờ dốt, cố gắng hồi sức trở lại. Trong suốt sự nghiệp ba trăm năm rạng rỡ của mình, lão chưa từng bị đối xử như vậy! Lão nhớ tới nữ Công tước Dowager đã bị hù cho hết hồn lúc đang trang điểm; rồi bốn gia nhân khác nữa, ai cũng lên cơn động kinh tức thì khi lão vừa mới thò đầu qua rèm cửa trong buồng ngủ nhe răng cười nhả nhổ; rồi cả vị cha cố của xứ đạo, bị lão thổi tắt mất nến khi ngài đi từ thư viện về phòng trong đêm

muộn hôm đó; và nhất là ngài William Gull, bị hành hạ đến mức phát khùng; và cả Phu nhân Tremouillac, thức dậy sáng sớm hôm ấy, thấy một bộ xương khô đang ngạo nghễ ngồi trong ghế bành đọc nhật ký của mình, đã lẫn ra mê man mất liền sáu tuần sau đó, đến khi hồi tỉnh thì bà hiến mình cho Nhà thờ, cắt đứt mối quan hệ tai tiếng với ngài de Voltaire. Lão cũng nhớ lại buổi tối kinh hoàng khi Huân tước Canterville được tìm thấy đang ngất xỉu trong phòng thay đồ với con dao găm nạm kim cương cắm một nửa trong cổ họng và trước khi chết kịp thú nhận đã lừa của Charles James Fox năm mươi ngàn bảng Anh trong sòng bài Crockford và thề rằng chính hồn ma đã khiến ông ta nuốt chửng con dao găm nọ. Tất cả những chiến công lừng lẫy hiện lại trong đầu lão, từ gã quân gia nọ đã tự bắn một phát vào đầu trong phòng ăn vì nhìn thấy một bàn tay xanh lét gõ gõ vào cánh cửa, đến tiểu thư Stutfield xinh đẹp lúc nào cũng phải đeo một dải băng đen ở cổ để che đi vết bầm hình năm ngón tay trên làn da trắng của nàng, rồi cuối cùng tự trầm mình trong một cái ao cuối khu King's Walk. Với tính tự cao của một nghệ sĩ đích thực, lão đã thể hiện những màn trình diễn kinh điển nhất và mỉm cười cay đắng khi nhớ lại vở diễn cuối cùng trong *Red Ruben hay đứa trẻ bị bóp chết*, lão sắm vai *Gaunt Gibeon*, *Kẻ hút máu của xứ Bexley Moor* và cao trào là một buổi tối tháng Sáu đẹp trời, lão hiện nguyên hình bộ xương khô của mình chơi kỳ chín con trên sân quần vợt. Vậy mà sau tất cả, lão lại bị một gia đình người Mỹ hiện đại khốn kiếp mời dùng dầu nhớt Rising Sun Lubricator, lại còn phi gối vào trúng đầu! Thật không thể chịu nổi! Mà thêm nữa, cũng chưa từng có con ma nào trong lịch sử bị cư xử như vậy. Lão quyết phải trả thù, và đắm chìm trong suy nghĩ đó đến tận khi ánh ban mai hé rạng.

Chương III

Ngày hôm sau, khi gia đình Otis gặp nhau trong bữa sáng, họ bàn tán sôi nổi về sự kiện con ma đó. Ngài Công sứ Mỹ cảm thấy hơi bức mình vì món quà của ông bị chối từ. “Ta chẳng mong muốn ai làm tổn thương con ma ấy. Và căn cứ vào quãng thời gian lão tồn tại trong ngôi nhà này mà nói thì việc ném cái gối vào lão thật không lịch sự chút nào,” ông nói, “và ta cũng chỉ muốn nhắc nhở thêm rằng, rất tiếc, hai đứa song sinh lại còn cười ngặt nghẽo. Mặt khác,” ông nói tiếp, “nếu lão thực sự từ chối sử dụng dầu bôi Rising Sun Lubricator, thì chúng ta sẽ phải tháo cái đồng xiềng xích ấy ra cho lão. Không thì sẽ không tài nào chịu nổi với cái thứ âm thanh ồn ã đó dạo qua dạo lại ngoài phòng ngủ.”

Con ma đã không xuất hiện trong những ngày còn lại trong tuần. Điều kì lạ đã xảy ra những ngày này chỉ là vết máu mỗi sáng vẫn quay trở lại trong thư viện. Chuyện này hiển nhiên rất lạ lùng vì ông Otis luôn khóa chặt cửa ra vào cũng như chốt chặt tất cả các cửa sổ. Màu đỏ như máu của vết bẩn cũng là đề tài đàm tiếu. Thi thoảng thì nó là màu xin, rồi lại thành màu son, rồi chuyển qua tím sẫm, và một lần khi gia đình xuống để cầu nguyện cùng nhau, theo nghi lễ đơn giản của Nhà thờ Tân Giáo Cải Cách, họ lại thấy nó mang màu xanh ngọc sáng. Màu sắc thiên biến vạn hóa làm mọi người rất thích thú, và là chủ đề đánh cược vào mỗi tối của cả gia đình.

Người duy nhất không tham gia vào các trò đùa này là Virginia. Vì một số lý do không giải thích được, cô hơi khó chịu khi nhìn thấy sự thay đổi đặc biệt của vết máu, và cô gần như đã khóc vào những buổi sáng nó chuyển thành màu xanh ngọc.

Lần xuất hiện thứ hai của hồn ma là vào một đêm Chủ nhật. Ngay sau khi gia đình đi ngủ, họ nghe thấy một tiếng động đáng sợ trong sảnh chính. Mọi người đổ nhào xuống tầng thì thấy một bộ áo giáp đã rời khỏi giá, lăn trên sàn đá và trên chiếc ghế tựa, hồn ma lâu đài Canterville đang ngồi, tay chà xát đầu gối, vẻ mặt như vừa bị đau kinh khủng. Cặp song sinh, kè kè bên

mình ống thổi tiêu liền nã hai phát vào hồn ma, với sự chính xác tuyệt đối hẳn vì đã trải qua thời gian dài khổ luyện trong lớp tập viết, trong khi ngài Công sứ chĩa súng lục về phía lão, quát lão giơ tay lên theo nghi thức California! Hồn ma giận điên lên, phi vèo vèo xuyên qua người bọn họ, thổi tắt cây nến trên tay Washington Otis và để lại cả gia đình trong bóng tối. Lên đến đầu cầu thang, lão dừng lại và cố tình nở ra một tràng cười ma quái man rợ. Trò này đã nhiều lần hữu hiệu. Nó đã từng khiến cho Huân tước Raker tái xanh tái xám một đêm nọ và hiển nhiên đã làm ba nữ gia sư người Pháp của lâu đài Canterville xin nghỉ ngay trong tháng đầu tiên thử việc. Lão tiếp tục tràng cười man dại của mình cho đến khi tiếng vang của giọng cười được mái vòm cũ của lâu đài ngân đi ngân lại mãi, nhưng âm thanh kinh hoàng này tắt ngấm khi cánh cửa mở ra, bà Otis xuất hiện trong chiếc váy màu xanh sáng và nói: “Tôi cảm thấy ngài dường như đang khó ở nên tôi mang cho ngài chai thuốc này. Nếu là do chứng khó tiêu, thì đây là một liệu pháp tuyệt vời đấy.” Hồn ma nhìn bà đầy giận dữ, và ngay lập tức định biến hình thành một con chó đen to tướng. Chính trò này ngày xưa đã khiến lão ngay lập tức trở nên nổi tiếng, khi vị bác sĩ gia đình đồ tiệt nó cho chứng ngu si của ông chú ngài Huân tước Canterville là Thomas Horton. Có tiếng bước chân lại gần làm lão ngần ngừ. Vậy là lão hóa thành một con ma trời nhột nhột, lẫn mất cùng một tiếng gầm gớm ghiếc vừa đúng lúc cặp song sinh lên tới nơi.

Khi đến phòng của mình, lão ta đã hoàn toàn kiệt sức và bối rối kinh khủng. Hành động thô lỗ của cặp song sinh, thái độ duy vật của bà Otis làm lão cực kì khó chịu. Lão đã hi vọng rằng gia đình người Mỹ kia sẽ kinh sợ hình ảnh chiến binh Spectre Armour, nếu không vì một vài lý do tế nhị nào đó, ít nhất họ cũng phải kính trọng nhà thờ Longfellow của đất nước họ. Chính những bài thơ đẹp dễ và tuyệt vời của tác giả này đã giúp bản thân lão qua được những quãng thời gian chán ngắt khi người nhà Canterville vào thành phố. Mà thêm nữa, đây lại là bộ giáp của lão. Lão đã mặc nó trong cuộc đua Kenilworth và đã được hãnh Nữ hoàng Virgin khen ngợi. Vậy mà khi khoác bộ giáp này vào, trọng lượng của nó đã làm cho lão ngã vật ra trên sàn đá, đập đầu gối rất mạnh và lãnh vài vết bầm tím trên khuỷu tay phải.

Một vài ngày sau đó, lão ốm nặng, và chỉ rời khỏi phòng của mình để làm đổi màu vết máu. Rồi sau vài ngày tự chăm sóc bản thân, lão cũng bình phục và quyết định sẽ cố gắng lần thứ ba để làm cho gia đình ngài Công sứ hoảng sợ lần nữa. Lão chọn thứ Sáu, ngày 17 tháng Tám. Nguyên cả ngày hôm đó, lão lục tung tủ quần áo rồi cuối cùng quyết định sẽ chọn một chiếc mũ rộng vành gắn lông đỏ, diềm đằng ten ngoằn ngoèo trên cổ và tay áo cùng với một con dao găm cổ han gỉ. Tối hôm đó, một cơn mưa bão ập đến. Gió to đến mức tất cả các cửa sổ và cửa ra vào của tòa lâu đài đều rung chuyển rầm rầm. Đây đúng là kiểu thời tiết lão ưa thích. Kế hoạch của lão là vậy. Lão sẽ lặng lẽ vào phòng của Washington Otis, rửa anh ta từ chân giường rồi từ tốn đâm vào cổ họng anh ba nhát. Lão đặc biệt bực mình với Washington vì cái tội cứ tẩy vết máu trừ danh của lâu đài Canterville trên sàn nhà với cái thứ thuốc tẩy chết tiệt nào đó. Sau khi triệt hạ được gã trai thiếu thận trọng kinh hoàng này, lão sẽ đến phòng ngài Công sứ và vợ. Lúc đó, lão sẽ đặt bàn tay ướt lạnh của mình lên trán bà Otis trong khi rít bên tai chồng bà bí mật xấu xa của khu hầm mộ. Riêng với Virginia bé bỏng, lão không định làm gì hại cô cả. Cô chưa từng làm phiền lão, và lại rất xinh đẹp, dịu dàng nữa. Một tiếng găm trong tủ quần áo là đủ. Còn nếu như thế vẫn chưa đánh thức được cô dậy, có thể lão sẽ bò lên tấm ga trải giường với những ngón tay co giật. Còn với cặp song sinh, nhất định sẽ phải dạy cho chúng một bài học ra trò. Đầu tiên là lão sẽ ngồi chồm hổm trên ngực chúng để khiến chúng gặp ác mộng. Rồi lão sẽ đứng giữa hai cái giường được kê khá sát nhau đó mà biến hình thành một cái xác xanh lét lạnh lẽo cho đến khi hai đứa phát co giật vì sợ hãi, và cuối cùng, để hạ màn, lão sẽ biến thành bộ xương trắng hếu có một con mắt tròn tròn bò quanh phòng, như một vai trong *Thằng ngốc Daniel* hay *Bộ xương tự sát* đã từng tạo ra hiệu ứng tuyệt vời, phải ngang ngửa với vở diễn nổi tiếng *Gã gàn Martin* hay *Những bí ẩn được che giấu*.

Vào lúc mười giờ rưỡi tối, gia đình Otis đã chuẩn bị đi ngủ. Đôi lúc, con ma bị tiếng cười ngật nghẻo của hai anh em sinh đôi quấy rầy. Những cậu học sinh tươi vui này hẳn nhiên vẫn chơi cố thêm một chút trước khi đi ngủ, nhưng khi tới mười một giờ mười lăm thì tất cả trở nên tĩnh lặng, và

đến nửa đêm, lão xông ra. Có tiếng cú mèo gõ vào cửa sổ, tiếng con quạ quàng quạc từ cây sồi già, và tiếng gió hú quanh ngôi nhà như những linh hồn phiêu dạt; nhưng gia đình Otis vẫn ngủ an nhiên trong phòng. Tiếng ngáy đều đặn của ngài Công sứ vượt lên cả tiếng quần thảo của trận mưa bão. Lão đứng lén lút ngoài ván lát tường, môi nở nụ cười quỷ quyệt, khoe miệng nhếch lên. Mặt trăng ẩn mình trong những đám mây khi lão xuyên qua khung cửa lớn, nơi bàn tay lão và bàn tay người vợ bị sát hại của lão được tô điểm trong ánh xanh và vàng. Lão lướt đi, như một bóng ma, bóng tối dường như cũng ghê tởm lão. Rồi chợt lão tưởng nghe có tiếng gọi và dừng lại; nhưng hóa ra lại chỉ là tiếng sữa vu vơ của một con chó từ Red Farm nên lão tiếp tục, mặc một bộ quần áo kì lạ của thế kỷ XVI, thi thoảng khua khoắng con dao han gỉ trong bóng tối. Cuối cùng lão cũng tới góc hành lang dẫn đến căn phòng của anh chàng Washington xấu số. Gió thổi mái tóc xám của lão dính bết vào đầu, xoắn nổi kinh dị vô danh thành những nếp gấp lở bịch và kì cục trên tấm vải liệm người chết. Đồng hồ chỉ mười hai giờ mười lăm phút. Thời khắc của lão đã đến. Lão cười khoái trá và rẽ vào góc nhà; nhưng ngay khi lão vừa rẽ thì một tiếng than khóc thương tâm vang lên, lão rút lại, giấu khuôn mặt sau bàn tay dài và xương xẩu của mình. Ngay trước mặt lão là một con ma khủng khiếp, vô cảm như một bức tượng, kỳ quái như giấc mơ của một gã khùng. Đầu gã hơi thín, mặt tròn, béo ních, trắng ớn; và giọng cười rùng rợn như vọng về từ chốn vĩnh cửu. Mắt gã bắn ra những tia sáng đỏ tươi, miệng như hố lửa và bộ quần áo xấu xí, giống như của lão, được quần những bông tuyết lạnh lẽo im lặng. Trên ngực bóng ma là một tấm bảng với những chữ viết cổ kì lạ, kể về những chuyện xấu xa, những tội lỗi hoang dại, những cuốn lịch tội ác khủng khiếp và tay phải của gã giơ cao một lưỡi gươm cong lấp lánh ánh thép.

Con ma Canterville chưa bao giờ thấy con ma nào khác trước đây, lão ta vô cùng sợ hãi. Lão vội vã trốn về phòng của mình, vấp phải đồng diềm đăng ten khi đang xuống hành lang và cuối cùng làm rơi mất con dao găm vào đôi bốt của ngài Công sứ mà người quản gia sẽ tìm thấy vào sáng hôm sau. Về đến chốn riêng tư của mình, lão ngã nhào xuống chiếc giường nhỏ, vùi mặt trong đồng quần áo. Lát sau, lòng dửng dưng của tinh thần

Canterville cổ xưa cũng trở lại và lão quyết định nên đi nói chuyện với con ma kia. Xét cho cùng, hai con ma thì tốt hơn so với một, và với trợ thủ mới của mình có thể lão sẽ dọa được cặp song sinh hoảng sợ. Quay lại chỗ cũ, một hình ảnh kinh hoàng hiện ra. Điều gì đó đã xảy đến với hồn ma kia, ánh sáng trong hốc mắt của gã đã nhạt, lưỡi gươm đã rơi khỏi tay và gã ta đang dựa vào tường trong một bộ dạng cực kì khó chịu. Hồn ma tiến lại gần và nắm lấy bàn tay của lão nhưng trước sự kinh hoàng của lão, cái đầu của hồn ma kia rơi ra, lăn lông lốc xuống sàn. Cái tay lão đang nắm thật ra chỉ là một tấm vải trải giường quấn quanh một cái chổi, một con dao nhà bếp và một củ cải dưới chân. Không hiểu nổi chuyện gì xảy ra, hồn ma sốt sắng nhặt tấm bảng, và dưới ánh sáng nhạt nhòa, lão đọc được những lời đáng sợ:

*Này con ma già
Mi chỉ là một hồn ma vớ vẩn
Hãy cẩn thận với những trò của mi
Tất cả đều chỉ là giả tạo.*

Mọi việc đều trở nên sáng tỏ. Lão đã ăn một cú lừa ngoạn mục. Con ma quay lại ánh nhìn cũ, nghiêng hai hàm lợi chẳng có cái răng nào sin sít, giơ đôi tay khô héo của mình lên đầu và thề, theo cách nói đẹp như tranh vẽ của trường học cổ xưa rằng khi con gà trống cất tiếng gáy hai lần, máu sẽ rơi và kẻ giết người sẽ phải ra đi trong im lặng.

Dường như để giúp lão hoàn thành lời thề khủng khiếp, từ mái nhà lợp ngói đỏ của một trang trại xa xôi nào đó văng lại tiếng gà gáy. Lão cười một tràng dài cay đắng rồi chờ đợi. Giờ này qua giờ khác, nhưng vì một lý do nào đó, con gà không gáy lại nữa. Cuối cùng, đến bảy giờ rưỡi, những người giúp việc xuất hiện khiến lão phải từ bỏ ý định đáng sợ. Lão lén trở về phòng, nghĩ tới ảo vọng hảo huyền và mục đích đầy hoang mang của mình. Lão tham khảo mấy quyển sách về tinh thần hiệp sĩ cổ đại và phát hiện ra rằng mỗi lần lời thề được xác lập, nhất định con gà trống sẽ gáy lần thứ hai.

“Cái chết vĩnh hằng luôn siết lấy những con gà nghịch ngợm,” lão lầm bầm.
“Ta đã nhìn thấy cái ngày mà với lưỡi giáo trong tay, ta sẽ đuổi con gà chết tiệt kia qua những cái rãnh và bắt nó phải gáy cho ta đến chết mới thôi!” Rồi lão nằm xuống nghỉ ngơi trong một chiếc quan tài bằng chì đến tận chiều tối.

Chương IV

Ngày hôm sau, hồn ma cực kỳ uế oải. Những sự kiện kịch tính kinh hoàng bốn tuần vừa rồi bắt đầu phát huy tác dụng của nó. Thần kinh lão hoàn toàn suy sụp và phản ứng với từng tiếng động nhỏ nhất. Năm ngày liền, lão chỉ ở lì trong phòng và cuối cùng cũng bỏ luôn cả việc làm mới vết máu trên sàn thư viện. Nếu gia đình Otis không muốn, thì rõ ràng là họ cũng chẳng xứng đáng có được nó. Hiển nhiên họ chỉ là dạng tồn tại vật chất tầm thường và kém cỏi, không biết quý trọng những giá trị biểu tượng của những hiện tượng siêu nhiên. Những câu hỏi về ảo ảnh hay sự phát triển của thiên thể thì tất nhiên là vấn đề khác rồi và cũng không nằm trong tầm kiểm soát của lão. Nghi thức của lão là phải xuất hiện ở hành lang một lần mỗi tuần, lăm nhảm quanh cái cửa sổ lồi vào ngày thứ tư đầu tiên và thứ ba mỗi tháng, và lão chưa thấy có lí do chính đáng nào để có thể từ bỏ nhiệm vụ này trong danh dự cả. Thật ra thì cuộc sống của lão cũng khá là xấu xa, nhưng nói một cách khác lão rất có ý thức trong tất cả các thứ liên quan đến những hiện tượng siêu nhiên. Ba ngày thứ bảy tiếp theo, quãng từ nửa đêm đến ba giờ sáng, lão lượn qua lại nơi hành lang, cố gắng hết sức để không bị ai phát hiện ra. Lão bỏ hết cả giày, bước hết sức khẽ khàng trên cái tủ bị mọt cắn, mặc một chiếc áo khoác không tay bằng nhung đen và cẩn thận tra dầu vào dầu vào dây xích của mình. Thật khó cho lão để gò mình theo những quy chuẩn an toàn như thế. Thế nhưng, một tối nọ, khi cả gia đình đang ăn tối, lão trượt vào phòng của ông Otis và lấy cái chai dầu đi. Lúc đầu lão cũng thấy hơi bị bề mặt một chút, nhưng rồi lão tự trấn an rằng dù sao đó là một phát minh và ở khía cạnh nào đó, cũng cần thiết cho mục đích của lão. Thế nhưng, bất chấp tất cả những nỗ lực này, lão vẫn không được yên thân. Trên hành lang cứ có những sợi dây chằng ngang để lão vấp vào khi lướt qua trong bóng tối, và một lần khác, khi đang mặc trang phục của *Black Issac* hay *Gã thợ săn rừng Hogley*, lão bị ngã oạch một phát khi giẫm phải một lát bơ do cặp song sinh cố tình bố trí ở lối vào căn phòng trải thảm trên đỉnh cầu thang gỗ sồi. Phi vụ này làm lão điên lên và quyết định sẽ làm một cú

chốt để đòi lại danh dự và địa vị của mình. Lão định đêm hôm sau sẽ thăm hỏi cặp đôi xác xược này trong vai diễn lòng danh của lão ở vở *Rupert táo bạo hay Bá tước không đầu*.

Hơn bảy mươi năm nay, lão đã không dùng đến bộ trang phục này. Chính xác là từ hồi lão dọa tiểu thư Barbara Modish sợ đến mức ngay tắp lự, nàng hủy lễ đính hôn với ông nội của Huân tước Canterville bây giờ mà chạy theo một gã Jack Castleton đẹp trai nào đó đến tận Gretta Green, tuyên bố rằng không cách nào thuyết phục được nàng quay trở lại với một gia đình mà cứ chạng vạng lại có một con ma kinh khủng thần nhiên lượn qua lượn lại trên sân. Khốn khổ cho gã Jack cuối cùng lại bỏ mạng trong cuộc đấu súng với Huân tước Canterville tại Wamdsworth Common còn tiểu thư Barbara thì đau tim mà chết ngay cuối năm đó ở Tumbridge Wells. Thế nên đó cũng coi là một phi vụ thành công của lão. Hóa trang được vai *Bá tước không đầu* này khó kinh khủng vì nó là hình ảnh kì bí nhất trong các hiện tượng siêu nhiên và hồn ma đã mất trọn ba giờ đồng hồ mới hoàn thành được. Cuối cùng thì mọi việc cũng xong và lão rất hài lòng với vẻ ngoài của mình. Đôi ủng da cùng bộ áo khoác hơi rộng, lão cũng chỉ kiếm được có mỗi một chiếc trong bộ đôi súng lục nhưng xét tổng thể thì lão rất hài lòng. Đến một giờ mười lăm phút đêm, lão trượt ra khỏi tấm lát tường rồi trườn xuống hành lang. Vừa đến căn phòng có tên là Phòng Giường Xanh, là phòng ngủ của cặp song sinh, lão nhận ra rằng cánh cửa phòng đang hé mở. Hi vọng có một màn khởi đầu ấn tượng, lão bèn mở toang cánh cửa ra thì một xô nước, đổ ụp xuống chỉ cách vai trái lão gang tấc, làm cho con ma Canterville ướt như chuột lột. Cùng lúc đó, lão nghe thấy tràng cười ngặt nghèo vang lên từ phía chiếc giường. Con ma sốc đến nỗi mãi mới lê được về đến phòng và ngày tiếp theo thì nằm bết xác vì bị cảm nặng. Điều an ủi duy nhất của lão đã không mang theo cái đầu của mình trong phi vụ này, nếu không, hậu quả sẽ còn thảm thương hơn rất nhiều.

Con ma giờ đây hoàn toàn không còn hi vọng có thể dọa được gia đình Mỹ thô lỗ này và như một quy luật, lão hài lòng với việc bò quanh nhà trong đôi dép lê, thêm một cái khăn quàng cổ dày cui màu đỏ vì sợ gió lùa và một

cây súng hoa mai nhỏ trường hợp bị cặp song sinh tấn công. Tai họa cuối cùng lão nhận được là vào ngày 19 tháng Chín. Hôm ấy, con ma đi xuống cầu thang ra sảnh chính, cảm thấy khá yên tâm rằng lão sẽ được yên thân và sẽ tự mua vui bằng cách để lại mấy nét nguệch ngoạc châm biếm trên tấm ảnh của ngài Công sứ và vợ, giờ đã thế chỗ của bức đại gia đình Canterville trước kia. Lão ăn vận gọn gàng, giản dị trong một tấm vải liệm dài lăm lăm vết đất nghĩa địa gắn lên quai hàm bằng một dải vải màu vàng, mang theo một cái đèn lồng nhỏ và một cái thuổng của khu đào huyệt. Thật ra lão hóa trang theo vai *Jonas không mộ hay Một khúc xương người ở trang trại Chertsey*, cũng là một trong những hiện thân ẩn tượng nhất của lão làm cho Canterville được ghi nhớ và là nguồn gốc gây nên mối bất hòa giữa họ và láng giềng lân cận là Huân tước Rufford. Đó vào quãng hai giờ mười lăm phút sáng, và lão nghĩ rằng mọi người đã ngủ say, khi lão đang tiến về phía thư viện để kiểm tra vết máu, đột ngột, từ góc tối của căn phòng, hai bóng trắng kì lạ với hai cái tay lúc lắc đi đến và lao vào lão. Hai cái bóng trắng ấy vẫy tay dữ dội bên trên đầu và la to “BOO!” vào tai lão.

Sợ hết hồn, theo phản xạ tự nhiên, con ma cuống cuống bay về phía cầu thang, gặp phải Washington Otis đang đợi sẵn với vôi tưới cây to tướng trong tay. Bị kẻ thù bao vây tứ phía, dồn vào đường cùng, lão xuyên vào cái lò sắt lớn may mắn thay lúc này đang tắt và phải quay về phòng mình qua đường ống khói trong tình trạng bần thiêu, rối loạn và tuyệt vọng.

Sau vụ này, lão không xuất hiện vào ban đêm nữa. Cặp song sinh vẫn nằm đợi lão thêm vài lượt, đêm nào cũng rải vỏ lạc ra lối đi nhưng chẳng ích gì mà chỉ gây phiền toái cho ông bà Otis và các gia nhân. Có lẽ lão đã bị tổn thương đến mức không còn muốn xuất hiện nữa. Ông Otis tổng kết công việc tuyệt vời của mình trong lịch sử đảng Dân chủ và tiếp tục nhiệm kì thêm vài năm; bà Otis tổ chức một bữa tiệc hải sản nướng làm cả hạt kinh ngạc; các chàng trai thì quay lại với các trò bóng gậy, bài u cơ, bài pô ke hay các trò chơi khác của Mỹ; Virginia được tháp tùng bởi Công tước Cheshire, dạo vòng quanh trên con ngựa pô ni của cô. Công tước đã dành tuần cuối trong kì nghỉ của mình tại lâu đài Canterville. Dường như con ma đã hoàn

toàn biến mất, và sự thật là ông Otis đã viết một bức thư kể lại mọi chuyện cho Huân tước Canterville. Huân tước Canterville, trong bức thư hồi đáp cũng bày tỏ niềm vui lớn và gửi lời chúc mừng nồng nhiệt đến bà vợ của ngài Công sứ.

Thế nhưng nhà Otis không bị lừa rằng con ma sẽ ở yên trong nhà mà không can thiệp với những chuyện còn lại, nhất là khi có Công tước Chesire ở đây. Ông của ngài Công tước, Huân tước Francis Stilton, một lần đã đánh cược một trăm ghi nê với Đại tá Carbury rằng ngài sẽ chơi xúc xắc với hồn ma Canterville và rồi sáng hôm sau, người ta tìm thấy ngài nằm trên sàn phòng chơi bài trong tình trạng tê liệt và từ đó đến cuối đời, ngài chẳng nói được gì ngoài câu “lục-lục”. Câu chuyện đã rất đình đám thời gian đó bất chấp lòng kính trọng dành cho hai gia đình quý tộc hay những nỗ lực của họ để giấu nhẹm nó đi. Và tất cả những câu chuyện tương tự có liên hệ với sự kiện này cũng được kể chi tiết trong tập thứ ba của bộ sách *Chuyện nhật nhạn của Hoàng tử Regents và các bạn* của Huân tước Tattle. Từ đó, hồn ma lại càng háo hức thể hiện quyền năng ảnh hưởng của mình lên nhà Stilton vốn có người họ hàng là vợ kế của ngài de Bulkeley mà Công tước Chesire là hậu duệ. Theo đó, hồn ma quyết định sẽ xuất hiện trước tình nhân nhỏ bé của Virginia dưới dạng nhân vật *Thầy tu Ma cà rồng hay Benedictine vô huyết*, một màn trình diễn kinh dị khiến quý bà Startup ngày trước vừa trông thấy trong đêm Giao thừa năm 1764 đã thét lên một tiếng xé trời. Ba ngày sau, bà qua đời, tước đi mọi quyền thừa kế của nhà Canterville vốn là những họ hàng gần gũi nhất và dồn toàn bộ tài sản của mình cho xưởng chế thuốc London của bà. Thế nhưng đến phút cuối, nỗi sợ đối với cặp song sinh vẫn khiến lão không dám ra khỏi phòng giúp Công tước Chesire bình an tận hưởng tấm thảm lông trong phòng ngủ Hoàng Gia và mơ tưởng về nàng Virginia xinh đẹp.

Chương V

Vài ngày sau, Virginia với chú ngựa lông quăn của mình đi dạo ở bãi cỏ Brockley. Hôm ấy cô đã làm rách mất bộ quần áo cưỡi ngựa của mình khi nhảy qua hàng rào, nên khi về nhà, cô quyết định sẽ theo lối cầu thang sau để khỏi bị trông thấy. Khi đi ngang qua Căn Phòng Trái Thảm, cánh cửa đột nhiên mở ra và cô gái kinh ngạc nhìn thấy bóng người trong đó. Tưởng rằng đó là bà giúp việc của Phu nhân Otis thử thoáng vẫn làm việc ở đây, Virginia thò đầu vào nhờ bà ta mạng lại bộ quần áo giúp mình. Trước sự ngạc nhiên tốt độ của cô, con ma Canterville đang ngồi đấy. Lão ngồi cạnh cửa sổ, ngắm sắc vàng của tán cây vung ra trong không khí, và những chiếc lá đỏ nhảy nhót trên con đường dài. Đầu lão tựa trên tay và nom lão rất buồn. Ý định bật ra trong đầu Virginia nhỏ bé là bỏ chạy thật nhanh về phòng và khóa trái cửa lại, nhưng dáng vẻ u sầu, cô độc như bị bỏ rơi của lão lại khiến cô thương cảm và muốn an ủi lão. Cô nhón chân lại gần, thật nhẹ nhàng đến nỗi lão không hề nhận ra sự hiện diện của cô cho đến tận khi cô cất lời.

“Tôi rất xin lỗi ngài,” cô ấy nói, “nhưng hai người em của tôi sẽ trở lại Eton vào ngày mai, và sau đó, nếu ngài cư xử đúng mực, sẽ không ai làm phiền ngài nữa.”

“Thật vô lý khi yêu cầu tôi cư xử đúng mực,” con ma trả lời, “tôi phải làm dây xích của tôi kêu lách cách, rên qua lỗ khóa, và đi bộ vào ban đêm. Đó là lý do duy nhất mà tôi tồn tại.”

“Không có lý do nào cho sự tồn tại như thế cả, và ngài cũng biết rằng ngài đã cư xử rất khó chịu. Ngày đầu chúng tôi đến đây, bà Umney kể rằng ngài đã giết vợ mình.”

“Tôi thừa nhận,” lão nói, “nhưng đấy là chuyện gia đình và chẳng liên quan đến ai cả.”

“Giết người là vô cùng sai trái,” Virginia, người kế thừa một vị tổ tiên New England cũ nào đấy dòng máu Thanh giáo sùng đạo, đáp lời.

“Hừm, tôi rất ghét những quan điểm đạo đức rẻ tiền! Vợ tôi chẳng tốt đẹp gì, tôi chưa bao giờ có được một cái cổ áo hồ bột tử tế, và cô ta không biết gì về nấu ăn cả. Thế nào chứ, có lần tôi bắn được một con thỏ đực trong rừng Hogley và cô biết cô ta nấu thành cái gì không? Tuy nhiên, mọi chuyện đã qua rồi, và tôi không nghĩ rằng nó là tốt đẹp khi anh em của cô ta bỏ đói tôi cho đến chết vì nghĩ rằng chính tôi là người đã giết cô ta.”

“Bỏ đói đến chết? Ôi, ngài ma, ý tôi là ngài Simon, ngài có đói không? Tôi có một cái bánh xăng uých trong giỏ của tôi. Ngài có muốn dùng nó không?”

“Không, cảm ơn cô, giờ đây tôi không ăn bất cứ thứ gì nữa, nhưng cô thật tốt bụng, cô tốt hơn nhiều so với những người còn lại trong gia đình thô lỗ, khó chịu, dung tục và không trung thực của cô.”

“Thôi đi!” Virginia kêu lên và giậm chân. “Ngài mới là người đã thô lỗ, khó chịu, dung tục và không trung thực, ngài đã ăn cắp màu vẽ ra khỏi hộp của tôi để làm mới vết máu nứt cười trong thư viện. Trước tiên, ngài lấy tất cả màu đỏ của tôi và tôi không thể vẽ hoàng hôn, sau đó ngài lấy màu xanh lá và màu vàng. Đến cuối cùng, tôi không còn gì cả trừ màu xanh dương và màu trắng, và tôi chỉ có thể vẽ ánh trăng, và đó là khung cảnh nom phát buồn. Tôi chưa từng kêu ca gì ngài mặc dù tôi rất bực mình và trên hết, thật là nứt cười khi lại đi làm một vết máu màu xanh ngọc.”

“Quả đúng là vậy thật,” con ma đáp lời, vẻ ngoan ngoãn, “nhưng tôi biết làm sao được? Kiếm được máu thật bây giờ rất khó. Và khi anh trai cô cứ dùng thuốc tẩy để tẩy nó đi thì tôi chẳng thấy có lý do gì để tôi không lấy màu vẽ của cô cả. Nhân nói về chuyện màu sắc, đó là vấn đề gu thẩm mỹ, cô hiểu chứ: Những người nhà Canterville có dòng máu màu xanh, xanh nhất nên toàn nước Anh này; nhưng tôi biết cô là người Mỹ nên chắc không để tâm đến những chuyện kiểu thế này.”

“Ông chẳng hiểu gì hết, tốt nhất ông nên chuyển sang chỗ khác và hoàn thiện bản thân mình đi. Cha tôi sẽ rất vui được cấp cho ông quyền tự do di cư mặc dù nó là một vấn đề tinh thần rất nặng nề nhưng nếu ông chọn Tòa

nhà Thuế quan thì sẽ không có chuyện gì đâu vì tất các nhân viên ở đó đều là thành viên đảng Dân chủ. Nếu đang ở New York, chắc chắn ông đã đạt được tột đỉnh vinh quang rồi. Tôi biết rất nhiều người sẵn sàng chi hàng trăm đô la để có được một người ông hoặc bất kì ai trong gia đình là một con ma đấy.”

“Tôi không nghĩ là tôi sẽ thích nước Mỹ.”

“Tôi lại tin là ông sẽ thích vì chúng tôi không làm tổn thương ai và cũng không tò mò.”

“Không làm tổn thương ai! Không tò mò!” con ma đáp lại; “với hạm đội Hải quân và lối cư xử ấy à?”

“Tạm biệt ngài. Tôi sẽ đi xin cha tôi thêm một tuần nghỉ phép cho cặp song sinh.”

“Ôi, cô đừng đi, tiểu thư Virginia,” lão kêu lên. “Tôi đang cô đơn, buồn khổ vô cùng, và tôi chẳng biết phải làm gì nữa. Tôi muốn đi ngủ mà không thể.”

“Thật nực cười! Ông chỉ cần nằm lên giường và tắt nến đi. Có những khi thật không thể nào giữ cho mình tỉnh táo được, nhất là trong nhà thờ, nhưng để ngủ được thì chẳng khó khăn chút nào. Đến trẻ con cũng biết ngủ mà chúng thì đâu có thông minh gì lắm.”

“Tôi đã không ngủ ba trăm năm nay rồi,” con ma buồn bã nói và đôi mắt xanh xinh đẹp của Virginia đang mở to kinh ngạc, “đã ba trăm năm tôi không ngủ và tôi rất mệt mỏi.”

Virginia sửng sốt, môi cô mấp máy như cánh hồng. Cô tiến về phía lão, quỳ xuống bên cạnh và ngược mắt nhìn khuôn mặt trắng bệch già nua của con ma.

“Tội nghiệp, thật tội nghiệp,” cô thì thầm, “không có nơi nào mà ngài có thể ngủ ư?”

“Xa rất xa phía sau khu rừng thông có một khu vườn nhỏ.” Con ma trả lời. “Ở đó cỏ mọc rất cao và rất dày, có những bông hoa độc cần trồng thành

hình những ngôi sao rất lớn, có một con chim sơn ca lãnh lót suốt đêm. Suốt cả đêm thâu nó hót mãi, và mặt trăng trong suốt buốt giá từ trên cao rọi xuống bóng cây thủy tùng vườn cảnh ôm trọn lấy những người ngủ yên.”

Đôi mắt của Virginia ngấn lệ, cô giấu khuôn mặt vào lòng bàn tay thốn thức.

“Ông nói tới khu nghĩa trang phải không?”

“Đúng rồi, Cái Chết. Cái Chết đẹp đến thế. Được nằm trong lòng đất mềm mại, cỏ rậm rì trên đầu và lắng nghe âm thanh của sự lặng im. Không có quá khứ, cũng chẳng có tương lai. Được quên đi thời gian, được tha thứ cho cuộc sống và được an nghỉ. Cô có thể giúp đỡ tôi. Cô có thể mở cánh cửa đến với Cái Chết cho tôi. Tình Yêu luôn ở bên cô, mà Tình Yêu thì muôn đời mạnh hơn Cái Chết.”

Virginia run rẩy, một cơn rùng mình chạy dọc cơ thể cô và trong một lúc, họ im lặng. Cô tưởng chừng mình đang gặp một cơn ác mộng khủng khiếp.

Thế là hồn ma lại lên tiếng, giọng lão nghe như tiếng gió thổi.

“Cô đã bao giờ đọc lời tiên tri trên cửa sổ thư viện chưa?”

“Có, thỉnh thoảng,” cô gái nhỏ kêu lên, ngược nhìn. “Tôi nhớ nó khá rõ. Nó được vẽ bằng những ki tự màu đen kì lạ và rất khó đọc. Chỉ có sáu dòng thế này:

*Khi một cô gái vàng có thể chiến thắng
Lời nguyện cầu phát ra từ đôi môi của tội lỗi
Khi những cánh đồng hạnh nhân hoang vắng khai hoa
Và một đứa trẻ trao đi những giọt nước mắt
Thì ngôi nhà sẽ được yên tĩnh
Sự thanh bình sẽ trở lại Canterville*

Nhưng tôi không hiểu ý nghĩa của nó là gì.”

“Chúng có nghĩa là cô phải khóc thay tôi cho những tội lỗi của tôi, vì tôi không có nước mắt; và cầu nguyện cùng tôi thay cho linh hồn tôi, vì tôi

không có đức tin; rồi vì cô luôn là một cô gái tốt bụng, ngọt ngào, dịu dàng, Thần Chết sẽ ban ân huệ cho tôi. Cô sẽ nhìn thấy những hình thù đáng sợ trong bóng tối, những giọng nói quỷ quái sẽ thì thầm bên tai cô, nhưng chúng không hại được cô vì trước sự tinh khiết của một đứa trẻ thì quyền năng của Địa Ngục cũng phải chịu thua.”

Virginia không trả lời. Hồn ma siết chặt hai tay trong một nỗi tuyệt vọng hoang dại khi nhìn xuống mái tóc vàng đang cúi xuống của cô. Bỗng nhiên, cô vụt đứng dậy, sắc mặt nhợt nhạt, với một tia sáng kì lạ trong đôi mắt. “Tôi không sợ.” Cô nói chắc chắn, “tôi sẽ xin Thần Chết ban ân huệ cho ngài.”

Hồn ma đứng dậy với một tiếng khóc vui sướng, cầm lấy tay cô và hôn nó một cách biết ơn. Sau đó, lão dẫn cô qua căn phòng. Trên tấm thảm màu xanh nhạt có thêu hình những người thợ săn. Họ đang thổi những chiếc tù và, những bàn tay tí xíu của họ vội vã vẫy cô gái trở lại. “Quay lại đi Virginia bé nhỏ!” họ kêu lên, “quay lại đi!” nhưng hồn ma giữ tay Virginia chặt hơn và cô nhắm mắt lại. Những loài vật khủng khiếp với chiếc đuôi thần lẩn, mắt trợn tròn nhìn cô gái không chớp từ những đường nét trạm trổ trên ống khói, và lẩm bẩm: “Tĩnh táo lại đi, Virginia bé nhỏ, tĩnh táo lại đi! Chúng ta có thể sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại nhau nữa,” nhưng hồn ma lướt đi vội vã hơn và Virginia không nghe thấy gì nữa. Khi đến cuối căn phòng, lão dừng lại, miệng lẩm bẩm vài từ gì đó mà cô không hiểu. Virginia mở mắt và thấy bức tường từ từ mờ dần đi như một màn sương, một cái hang đen khổng lồ hiện ra trước mặt cô. “Nhanh, nhanh,” con ma kêu lên, “không thì muộn mất.” Sau đó các bức tường đóng lại sau lưng họ, và căn phòng trống không.

Chương VI

Khoảng mười phút sau, tiếng chuông vang lên báo hiệu bữa trà của gia đình, và khi Virginia không xuống nhà, bà Otis sai người hầu đi gọi cô. Một lát sau, anh ta trở lại và nói rằng anh ta không thể tìm được cô Virginia ở đâu cả. Virginia vẫn thường mặc đồ cưỡi ngựa ra vườn mỗi tối để hái hoa bày bàn ăn nên lúc đầu bà Otis không thấy gì bất thường cả. Cho đến tận sáu giờ vẫn chưa thấy Virginia xuất hiện, bà bắt đầu thấy bồn chồn và bảo mấy cậu con trai ra ngoài tìm cô trong khi bà và ông Otis tìm hết các phòng trong nhà. Đến sáu rưỡi tối, các cậu trai trở về nhưng họ không tài nào tìm được một dấu vết của Virginia. Cả gia đình bắt đầu căng thẳng nhưng họ đều không biết cần phải làm gì, đúng lúc ông Otis chợt nhớ ra mấy ngày trước ông đã cho một nhóm người Di Gan cắm trại trong trang viên. Ông cùng với cậu con trai cả và hai người làm vợ đi đến Blackfell Hollow là nơi những người Di Gan dừng chân. Công tước Chesire lo lắng tột độ, nài nỉ được đi cùng ông Otis nhưng bị chối từ vì ông lo sợ có thể sẽ xảy ra xô xát ở đó. Đến nơi, ông mới phát hiện ra rằng nhóm Di Gan đã đi mất, vừa mới ngay đây thôi vì lửa vẫn còn đang cháy dở và một vài chiếc đĩa vẫn đang nằm trên bãi cỏ. Cử Washington và hai người làm đi dò tìm trong hạt, ông chạy về nhà, đánh điện tín cho tất cả các thanh tra cảnh sát trong hạt, bảo họ tìm kiếm một cô gái nhỏ bị nhóm người Di Gan bắt cóc. Ông ra lệnh thẳng ngựa sẵn sàng và sau khi cố nài vợ cùng ba cậu con trai ngồi xuống dùng bữa tối, ông chạy xe xuống đường Ascot với một người giữ ngựa. Ông đã phi xe được chừng hai dặm thì nghe tiếng ngựa đuổi gấp phía sau và khi quay lại, ông thấy vị Công tước trẻ tuổi đầu trần đang phi như bay trên con ngựa pôn của mình, khuôn mặt ửng hồng. “Tôi vô cùng xin lỗi, thưa ngài Otis,” chàng trai trẻ hỗn hển, “nhưng tôi không thể ăn được gì khi Virginia vẫn mất tích. Xin đừng nổi giận với tôi; nếu ngài đồng ý cho chúng tôi đính hôn từ năm ngoái thì những rắc rối này đã không xảy ra. Ngài không đuổi tôi về chứ, thưa ngài? Tôi không thể về được! Tôi sẽ không về đâu!”

Ngài Công sứ không thể không mỉm cười trước chàng trai ưa nhìn bộp chộp và thực lòng xúc động trước tấm chân tình của chàng dành cho Virginia. Tựa vào con ngựa của mình, ông thân mật vỗ vai chàng trai trẻ và nói. “Được thôi Cecil, nếu không về thì chắc hẳn là cậu sẽ đi cùng tôi, nhưng đến Ascot tôi sẽ phải kiếm cho cậu một cái mũ mới.”

“Ôi, ngài đừng bận tâm đến chuyện mũ nón. Tôi chỉ cần Virginia quay về thôi!” vị Công tước trẻ tuổi thốt lên cười và họ phi nước kiệu đến ga xe lửa. Ở đây ông Otis hỏi vị trưởng ga xem có ai thấy Virginia xuất hiện ở sân ga hay không nhưng chẳng có tin tức gì của cô cả. Vị trưởng ga đánh điện liên tục và đảm bảo rằng họ sẽ để mắt kỹ để tìm cô gái và sau khi mang đến cho vị Công tước một chiếc mũ của người bán vải nữ vừa giải nghệ, ông Otis rời xe đến Bexley, một ngôi làng cách đó khoảng bốn dặm nơi thường gặp nhiều dân Di Gan lai vắng. Ở đây, họ đánh thức viên cảnh sát địa phương nhưng cũng chẳng có được thêm thông tin gì từ anh ta. Sau khi dạo một vòng quanh bãi đất trống, họ quay ngựa trở về và đến lâu đài lúc mười một giờ đêm, mệt rũ rời và trái tim như tan thành từng mảnh. Họ cảm thấy Washington và cặp song sinh đang đứng chờ ngoài cửa với cây đèn lồng trong tay vì đường vào nhà tối thui. Chẳng có dấu vết nào của Virginia cả. Nhóm Di Gan đã bị bắt ở cánh đồng Brockleys, nhưng cô không ở cùng họ và họ giải thích rằng vì nhầm ngày phiên chợ Chorton nên họ phải vội vã rời đi như vậy để khỏi đến muộn. Sự thật là họ rất buồn khi biết tin Virginia biến mất vì họ rất cảm kích sự rộng lượng của ông Otis đã cho họ cắm trại trong lãnh địa của ông và họ cử bốn người ở lại cùng để giúp việc tìm kiếm. Cầu treo được kéo lên, mọi chỗ trong lâu đài đều đã được tìm qua nhưng vẫn không có kết quả gì. Rõ ràng là đêm nay họ vẫn chưa tìm được Virginia. Ông Otis và các chàng trai rầu rĩ tột độ đi lên nhà, xà ích lạng lẽ theo sau với hai con ngựa và một chú pô ni. Trong sảnh chính, họ gặp một nhóm gia nhân đang sợ hãi vô cùng, nằm trên ghế bành là bà Otis, gần như bất tỉnh trong trạng thái kinh hoàng thất thần, trán đầm đìa được bà quản gia già xúc lên. Ông Otis nài nỉ bà phải ăn thứ gì đó và ra lệnh nhà bếp chuẩn bị một bữa ăn nhẹ cho cả đoàn. Bữa ăn diễn ra trong không khí buồn bã, chẳng mấy ai nói câu gì, đến cả cặp song sinh cũng lặng thinh sợ hãi vì chúng rất yêu quý chị

gái mình. Khi mọi người đã ăn xong, ông Otis, bất chấp lời khẩn nài của ngài Công tước trẻ, lệnh cho tất cả mọi người đi ngủ vì đêm nay cũng chẳng làm được gì thêm nữa, và sáng mai, ông sẽ điện cho Scotland Yard đề nghị cử ngay mấy vị thám tử đến đây. Vừa khi tất cả mọi người rời phòng ăn, tiếng chuông báo nửa đêm điểm từ tháp đồng hồ và khi tiếng chuông cuối cùng vừa gõ, họ nghe thấy một tiếng vỗ và một tiếng khóc bất ngờ thét lên, một tia sét kinh hoàng giáng xuống ngôi nhà, một âm thanh khủng khiếp vang vọng trong không khí, một tấm ốp gỗ đầu cầu thang bay ngược vào trong với tiếng động ầm ĩ, từ đó, Virginia bước ra, khuôn mặt trắng bệch nhợt nhạt, tay cầm một chiếc hộp nhỏ. Tất cả mọi người vội chạy ủa đến chỗ cô. Bà Otis ôm choàng lấy cô, ngài công tước phủ kín khuôn mặt cô bằng những nụ hôn mãnh liệt còn cặp song sinh sung sướng nhảy nhót như điên quanh mọi người.

“Ơn chúa! Virginia, con đã ở đâu?” Ông Otis nói, vẻ giận dữ, tưởng rằng cô đã chơi trò trẻ con nào đó để lừa họ. “Cecil và ta đã phải đi vòng quanh hạt để tìm con, còn mẹ con thì đã hoảng sợ vô cùng. Từ nay con không được đùa như thế này nữa.”

“Trừ có con ma, trừ có con ma!” cặp song sinh ré lên cười.

“Ôi, con yêu của mẹ, ơn chúa là đã tìm được con rồi, con không bao giờ được rời mẹ nữa bước nữa,” bà Otis lẩm bẩm khi ôm hôn đứa con đang run rẩy của mình, và vuốt nhẹ lên mái tóc vàng óng của cô.

“Ba ời!” Virginia nói nhỏ. “Con đã ở cùng với con ma. Ông ấy đã chết, ba phải tới gặp ông ấy. Ông ấy đã cư xử rất tệ nhưng đã xin lỗi vì tất cả những gì ông ấy làm, ông ấy còn đưa con chiếc hộp chứa toàn những trang sức rất đẹp này trước khi chết.”

Cả gia đình đắm đắm nhìn Virginia trong một sự im lặng kinh ngạc, nhưng cô vẫn rất nghiêm nghị và từ tốn; quay người lại, Virginia dẫn họ qua một lối đi xuyên tường xuống một hành lang hẹp bí mật, Washington cầm theo một ngọn nến nhạt được trên bàn. Cuối cùng, họ đến được cánh cửa gỗ sồi lớn đóng đinh gì. Khi Virginia vừa đưa tay ra chạm nhẹ, cánh cửa mở ra

trên chiếc bản lề nặng nề của nó và mọi người bước vào một căn phòng thấp có mái vòm và một chiếc cửa sổ cũ nát bé xíu. Gắn trên tường là một cặp vòng sắt lớn xích một bộ xương hốc hác nằm vươn dài suốt cả mặt sàn đá. Bộ xương có vẻ như đang muốn túm lấy chiếc khay và bình đựng nước kiểu cũ nằm ngoài tầm với bằng những ngón tay dài xương xẩu của mình. Chiếc bình hẳn đã từng đựng nước vì bên trong nó phủ một lớp rêu xanh. Trên chiếc khay chẳng còn gì ngoài một lớp bụi. Virginia quỳ xuống bên cạnh bộ xương, chấp đôi tay nhỏ bé của mình lại, bắt đầu lặng lẽ cầu nguyện trong khi tất cả những người còn lại nhìn tấn bi kịch khủng khiếp này và bản khoăn tự hỏi trước bí mật vừa được hé ra trước mắt họ.

“Ô kìa!” một trong hai anh em sinh đôi la lên, cậu đã nhìn ra ngoài cửa sổ để cố tìm xem cái gì cứ đu đưa ngoài căn phòng. “Nhìn kìa! Cây hạnh nhân già đã trổ hoa. Con nhìn thấy những bông hoa rất rõ dưới ánh trăng.”

“Thế là Chúa đã tha thứ cho ông ấy!” Virginia từ tốn nói và đứng dậy, một tia sáng đẹp đẽ như ngời lên trên khuôn mặt cô.

“Em thật là một thiên thần!” vị Công tước trẻ thốt lên, choàng tay qua cổ cô gái và âu yếm hôn cô.

Chương VII

Bốn ngày sau khi câu chuyện kì lạ xảy ra, vào khoảng mười một giờ đêm, một đám tang được tổ chức ở lâu đài Canterville. Cổ xe tang được ba con ngựa đen kéo, mỗi con đều đeo một chùm lông đà điểu lớn phất phơ trên đầu. Quan tài được phủ một tấm vải tím thẫm, thêu phù hiệu của dòng họ Canterville màu vàng. Đi cạnh cổ xe tang và những chiếc xe ngựa bốn bánh là đoàn gia nhân tay cầm đuốc sáng. Cả đám tang nhìn thật ấn tượng. Huân tước Canterville là người chủ lễ, vừa quay về từ xứ Wales mục đích để dự lễ tang, ngồi trong cổ xe đầu tiên với Virginia bé nhỏ. Tiếp đến là Ngài Công sứ và Phu nhân, rồi đến Washington và ba chàng trai, trên chiếc xe cuối cùng là bà Umney. Hẳn nhiên là sau khi sống trong sợ hãi hồn ma này đến hơn năm mươi năm thì bà có quyền được chứng kiến kết cục cuối cùng của lão. Một cái huyết sâu đã được chuẩn bị ở góc nghĩa trang, ngay dưới gốc cây thủy tùng và điệu văn được cha Augustus Dampier đọc với một nghi thức ấn tượng nhất. Khi phần lễ nghi kết thúc, mọi người làm tắt hết nến theo đúng phong tục được lưu truyền trong dòng họ Canterville, rồi chiếc quan tài được hạ huyết. Virginia tiến lên phía trước và đặt một cây thánh giá lớn được làm bằng hoa cây hạnh nhân trắng và hồng trên quan tài. Vừa lúc ấy, mặt trăng ló ra khỏi mây, nhuộm khu nghĩa địa nhỏ bằng thứ ánh sáng bạc tĩnh lặng của mình, và từ phía xa xa, chú chim sơn ca cất tiếng hát khúc nhạc đêm. Virginia nhớ lại lời kể của Hồn ma về Khu vườn của Cái Chết, đôi mắt cô ngấn lệ và trên suốt đường về, cô chẳng nói tiếng nào.

Sáng hôm sau, trước khi Huân tước Canterville lên đường, ông Otis hỏi ý kiến ông về những món đồ trang sức mà con ma đã cho Virginia. Chúng đều cực kỳ quý giá, đặc biệt là chiếc vòng cổ kiểu Venise nạm ngọc ru bi, một kiệt tác của thế kỷ mười sáu, và giá trị của chúng quá lớn đến nỗi ông Otis cảm thấy ngại ngùng về việc cho phép con gái của mình giữ chúng.

“Thưa ngài,” ông nói, “tôi biết rằng ở đất nước này, quyền sở hữu vĩnh viễn áp dụng cho nữ trang cũng giống như cho đất đai, và khá hiển nhiên

rằng những đồ nữ trang này là, hay nói đúng hơn nên là, đồ gia truyền của dòng họ ngài. Tôi đề nghị ngài hãy mang theo chúng về London và đơn giản coi chúng là một phần tài sản được hoàn trả lại cho ngài theo những điều kiện kì lạ nhất định. Còn với con gái tôi, nó vẫn chỉ là một đứa trẻ, và tôi rất mừng là đến giờ cháu vẫn chẳng quan tâm nhiều lắm đến những thứ xa xỉ. Tôi cũng được phu nhân của mình, người đã từng có quãng thời gian khi còn trẻ có theo học nghệ thuật ở Boston trong vài mùa đông cho biết rằng những viên đá quý ấy có giá trị rất lớn, nếu đem bán đi sẽ rất được giá. Vì những lý do này, thưa Huân tước Canterville, tôi tin rằng ngài hiểu vì sao tôi không thể cho phép chúng thuộc quyền sở hữu của bất kì thành viên nào trong gia đình tôi. Và lại những thứ trang sức loè loẹt thế này cũng thích hợp, hay nói cách khác là cần thiết, cho đẳng cấp của tầng lớp Quý tộc Anh quốc các ngài, chứ hoàn toàn không hữu dụng đối với những người được nuôi dưỡng một cách nghiêm khắc và vĩnh viễn theo lối Cộng hoà đơn giản như chúng tôi. Virginia rất muốn ngài cho cháu giữ lại chiếc hộp như một kỉ vật của vị tổ tiên xấu số lạc lối của ngài. Vì nó đã rất cũ và không có khả năng phục chế, có lẽ ngài sẽ chấp thuận yêu cầu của cháu. Về phần mình, tôi thú thật là tôi rất kinh ngạc khi biết con gái mình lại cảm thông với một người Trung cổ dưới bất kì hình thức nào và chỉ có thể lý giải rằng Virginia được sinh ra ở vùng ngoại ô London ít lâu sau khi Phu nhân của tôi đi Athens về.”

Huân tước Canterville rất nghiêm trang lắng nghe lời nói của vị Công sứ, thỉnh thoảng lại xoa xoa bộ râu xám của mình để giấu đi một nụ cười vô tình, và khi ông Otis nói xong, Huân tước bắt tay ông rất thân mật và nói: “Thưa ông, cô con gái nhỏ duyên dáng của ông đã cứu giúp vị tổ tiên xấu số của tôi, ngài Simon. Tôi và dòng họ Canterville vô cùng biết ơn cô ấy vì sự dũng cảm và can trường của mình. Những món đồ trang sức đó hiển nhiên phải thuộc về cô ấy. Giả như tôi có vô nhân tính đến mức cướp chúng đi, thì tôi cũng tin rằng vị tổ tiên của tôi sẽ đội mồ sống dậy một đêm nào đó và kéo cuộc sống của tôi xuống Địa ngục. Còn về chuyện đồ gia truyền, không có đồ nào là gia truyền mà lại không được nhắc đến trong một văn bản chính thống nào đó và không hề có ai biết đến sự tồn tại của những món nữ trang này. Tôi chắc chắn rằng tôi cũng chẳng có quyền sở hữu chúng nhiều hơn

ông quản gia của ngài, và khi cô Virginia trưởng thành, tôi dám chắc cô ấy sẽ rất thích được đeo những thứ đồ trang sức tinh xảo đẹp đẽ kia. Ngoài ra, hình như ngài quên mất rồi, ngài Otis, ngài đã nhận các thứ đồ nội thất và hồn ma kia như hoa hồng của vụ mua bán lâu đài mà, do vậy tất cả những gì thuộc về hồn ma sẽ được chuyển sang sở hữu của ngài nên dù bất kì hành động gì ngài Simon thể hiện ngoài hành lang mỗi đêm, thì theo luật pháp, ông ấy đã chết nên ngài được hưởng tất cả các tài sản của ông ấy.”

Ông Otis khá thất vọng trước lời từ chối của Huân tước Canterville, và xin ngài cân nhắc lại quyết định của mình, nhưng người đàn ông đầy phẩm chất Quý tộc này vẫn rất kiên định và cuối cùng cũng thuyết phục được ngài Công sứ đồng ý để con gái nhận lấy những gì con ma đã trao cho cô. Vào mùa xuân năm 1980, Công tước Cheshire tổ chức lễ cưới của mình tại Phòng Hội Hoạ thứ nhất của Nữ hoàng và những món đồ nữ trang của nữ Công tước thu hút được sự ngưỡng mộ của tất cả mọi người. Virginia đeo một chiếc vương miện nhỏ, là món quà cho tất cả các cô gái Mỹ ngoan ngoãn và kết hôn với người yêu từ thuở thiếu thời của mình ngay khi đủ tuổi. Họ thật đẹp đôi và yêu nhau say đắm. Tất cả mọi người đều chúc phúc cho cặp đôi, chỉ trừ bà Hầu tước già xứ Dumbleton đã nhắm vị Công tước trẻ tuổi cho một trong bảy đứa con gái chưa kết hôn của mình. Bà đã tổ chức không dưới ba bữa tiệc tối linh đình với mục đích này và mời cả ngài Otis. Ông Otis rất thích con người của chàng Công tước nhưng về mặt suy nghĩ, ông từ chối mọi tước hiệu mà nói theo cách của mình “không phải vì e ngại mà sợ rằng, dưới sự ảnh hưởng của tầng lớp quý tộc yếu ớt, những nguyên tắc của nền cộng hoà giản dị sẽ bị lãng quên”. Sự phủ nhận của ông, dù sao, cũng hoàn toàn thẳng thắn và tôi tin là khi ông ấy đi dọc theo con đường trải thảm đỏ trong nhà thờ St. George, trên quảng trường Hanover với cô con gái đang quàng tay mình, thì chẳng có một ông bố nào trên cả đất nước rộng lớn này có thể tự hào hơn.

Sau tuần trăng mật, Virginia và chồng cô đi đến lâu đài Canterville, ngay khi đến nơi, hai vợ chồng cô đi về phía nghĩa trang nhỏ cạnh khu rừng thông. Lúc đầu, mọi người đều băn khoăn không biết nên viết gì trên bia mộ

của ngài Simon, nhưng cuối cùng họ đều thống nhất rằng chỉ cần khắc trên đó những chữ cái đầu của tên người quá cố và những câu thơ trên cánh cửa thư viện. Nữ Công tước mang theo những bông hồng đáng yêu rải lên ngôi mộ. Sau khi đứng lặng trong giây lát, họ đi về phía đường hầm đổ nát của khu nhà nguyện cũ. Nữ Công tước ngồi xuống một chiếc cột đổ khi chồng nàng vừa gối đầu lên chân nàng vừa thưởng thức một miếng xì gà và ngược nhìn đôi mắt đẹp của nàng. Bất chợt, chàng vứt miếng thuốc đi, cầm tay nàng và nói: “Virginia, một người vợ không nên giữ bí mật nào với chồng mình cả.”

“Cecil thân yêu, em chẳng có bí mật nào giấu anh hết.”

“Có, có đấy,” chàng đáp, miệng cười mỉm. “Em chưa bao giờ nói với anh về những gì xảy ra khi em bị nhốt với con ma.”

“Em chưa từng nói với ai cả, Cecil à,” Virginia nói nghiêm trang.

“Anh biết, nhưng em nên kể cho anh chứ.”

“Xin đừng hỏi em nữa, Cecil, em không thể nói với anh được. Tội nghiệp ngài Simon, em nợ ngài ấy rất nhiều. Ông ấy cho em biết Sự Sống là gì, và ý nghĩa của Cái Chết, và tại sao Tình Yêu lại mạnh hơn cả Sự Sống lẫn Cái Chết.”

Chàng Công tước nhồm dậy và hôn vợ đầy âu yếm.

“Chừng nào em còn yêu anh, thì em cứ giữ bí mật ấy của mình,” chàng thì thầm.

“Em luôn yêu anh mà, Cecil.”

“Ngày nào đó, em sẽ kể chuyện này cho những đứa con của chúng ta chứ?”

Và khuôn mặt của Virginia ửng hồng.

HẾT

Nếu truyện *Tội ác của Huân tước Arthur Savile* cho bạn đọc thấy những băn khoăn lựa chọn của một Huân tước trẻ tuổi trên đường tìm hạnh phúc khi số phận bất ngờ giáng xuống anh một đòn chí mạng; thì *Con ma của dòng họ Canterville* tái hiện lại xung đột giữa một hồn ma Anh sống vào thế kỷ XVI và một gia đình Mỹ sống vào cuối thế kỷ XIX – hay cuộc tranh đấu giữa con người “cá nhân” và con người “xã hội”. *Bí mật nhân sư* nói về sự bí ẩn của phụ nữ và quy luật của trò chơi tình ái; *Người mẫu triệu phú* lại nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cân bằng giữa những ảo mộng và thực tế đời sống, cũng như lòng trắc ẩn là hạt giống luôn nảy mầm và trả trái ngọt.

Notes

[[← 1](#)]

Tiếng Pháp, *cả thế giới đều say mê*. Tất cả tiếng Pháp trong cuốn này đều lấy từ nguyên tác.

[← 2]

Nemesis: Nữ thần của sự báo ứng, báo thù, công lý, trừng phạt cái ác.

[← 3]

Nữ thần Pallas: tức nữ thần Athena, đại diện cho trí tuệ và chiến tranh. Một trong những biểu tượng của Athena là chiếc khiên, trên có gắn đầu của Medusa – một trong ba con quỷ Gorgon.

[[← 4](#)]

Ghi nê (guinea): đồng vàng Anh thời xưa, trị giá bằng 21 đồng si linh, tức khoảng 1,05 bảng.

Echo là một nữ thần xinh đẹp (Nymph) nhưng có tật nói nhiều. Một lần nữ thần Hera đang đi tìm chồng là thần Zeus để bắt ghen tại trận, nhưng Echo lại giữ Hera lại, Echo nói nhiều đến mức khiến Hera quên mất việc phải làm, lúc nhớ ra được thì thần Zeus đã xong xuôi mọi việc, nên Hera phạt Echo từ đó bị câm hoặc chỉ được nhại lại những gì người khác nói.

[← 6]

Chàng trai xấu tính.

[← 7]

Họ đã biến tôi thành trò hề rồi.

[← 8]

Gondola là loại thuyền đáy bằng, đặc trưng và gắn liền với thành phố Venice – Italia.

Scotland Yard là một cách nói hoán dụ để chỉ trụ sở Sở cảnh sát Thủ đô Luân Đôn, có trách nhiệm giữ trật tự cho phần lớn Luân Đôn. Cái tên này bắt nguồn từ vị trí của trụ sở cảnh sát Luân Đôn trước đây tại số 4 Whitehall Place, có cổng sau quay ra phố Great Scotland Yard, cổng Scotland Yard đã trở thành cổng công cộng để vào sở cảnh sát; qua thời gian tên phố được gọi thay cho Sở Cảnh sát Thủ đô.

[← 10]

Nguyên tác: *Cap of liberty*. Còn gọi là chiếc mũ Phrygian, được coi như biểu tượng tự do.

[← 11]

Sherry: một loại rượu mạnh có màu vàng hoặc nâu nguồn gốc từ miền Nam nước Ý, thường được dùng làm rượu khai vị.

[[← 12](#)]

Xô vơ ren (sovereign): đồng vàng Anh thời xưa, giá trị bằng 1 bảng.

[← 13]

Mỗi người một nghiệp.

[← 14]

Ông muốn gì? Sự ngông cuồng của triệu phú!

[← 15]

Việc của ông ta là đem rải tiền cho người khác mà.

[[← 16](#)]

Quán cà phê Hòa Bình.

[← 17]

Người đẹp xa lạ của tôi.

[← 18]

Theo tiếng Anh, quốc kỳ Hoa Kỳ có tên Stars and Stripes (Sao và Sọc) hoặc có tên gọi là Old Glory.

Table of Contents

TỘI ÁC CỦA HUÂN TƯỚNG ARTHUR SAVILE • CÂU CHUYỆN VỀ BỐN PHẬN

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

NGƯỜI MẪU TRIỆU PHÚ • MỘT GHI CHÉP VỀ SỰ NGUỖNG MÔ BÍ MẬT NHÂN SỰ

CON MA CỦA DÒNG HỌ CANTERVILLE

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII